

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO  
TẠO NGHỀ CHĂN NUÔI THÚ Y TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

**CÁC TỪ VIẾT TẮT**

1	CĐNLĐB	Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc
2	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
3	LĐTĐ&XH	Lao động thương binh và xã hội
4	KĐ-KHHTQT	Kiểm định - Khoa học và hợp tác quốc tế
5	CNTY	Chăn nuôi thú y
6	CBCNVC	Cán bộ công nhân viên chức
7	HSSV	Học sinh sinh viên

# PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y VÀ CHƯƠNG TRÌNH NGHỀ CHĂN NUÔI-THÚ Y

## I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

### 1. Lịch sử phát triển

Tên trường tiếng Việt: Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc.

Viết tắt: CĐNLDB.

Tên tiếng Anh: Dong Bac College of Agriculture and Forestry.

Viết tắt: AFC Dong bac.

Địa chỉ: Số 607 đường Mạc Đăng Dung, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3686.800 Số fax: 0203.3873.223.

Email: [cdnldb@mard.gov.vn](mailto:cdnldb@mard.gov.vn)

Website: [www.afcdongbac.edu.vn](http://www.afcdongbac.edu.vn)

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc là trường công lập, được thành lập ngày 12/11/2007 theo quyết định số 7191/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương, chịu sự quản lý về chuyên môn và hoạt động theo điều lệ trường Cao đẳng do Bộ GD & ĐT ban hành. Từ ngày 1/1/2017 trường chịu sự quản lý về chuyên môn và hoạt động theo điều lệ trường Cao đẳng theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trải qua, 58 năm xây dựng và phát triển, trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực Nông, Lâm nghiệp, Kinh tế, quản lý tài nguyên và môi trường, đáp ứng nhu cầu phát triển Kinh tế - xã hội hiện nay cho các tỉnh và thành phố Miền Bắc.

Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc hiện nay tiền thân là Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương, được thành lập theo quyết định số: 205 NN/QĐ ngày 27/04/1962 của Tổng cục Lâm nghiệp, với tên gọi ban đầu là Trường Trung cấp kỹ thuật I. Năm 1983, do việc sắp xếp tổ chức cơ cấu đào tạo cán bộ, Bộ Lâm nghiệp đã giải tán các trường Trung học Lâm nghiệp phía Bắc; Trường Trung học Cơ khí Lâm nghiệp;

Trường Trung học Kinh tế Lâm nghiệp, Trung học Công nghiệp rừng Cúc phương và sát nhập vào trường Trung cấp kỹ thuật I thành Trường Trung học Lâm nghiệp I Trung ương đóng tại Phường Minh thành, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng ninh.

Quá trình 59 năm xây dựng và phát triển của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã trải qua các giai đoạn như sau:

Từ năm 1962 đến năm 1974: Đây là giai đoạn nhà trường mới thành lập, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập còn nhiều khó khăn. Mặt khác, do chiến tranh phá hoại miền Bắc của Đế quốc Mỹ, nhà trường phải sơ tán nhiều địa điểm khác nhau để thực hiện nhiệm vụ đào tạo. Trải qua nhiều khó khăn và gian khổ, song tập thể cán bộ giáo viên và học sinh của trường đã không ngừng nỗ lực phấn đấu và hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo của Bộ Lâm nghiệp giao cho.

Từ những năm 1974 đến năm 1984: Trong thời gian này, nhà trường bước đầu đã có sự đổi mới trong công tác đào tạo, thực hiện phương châm giảng dạy và học tập kết hợp với phục vụ sản xuất tại các cơ sở. Mặc dù bước đầu còn nhiều trở ngại và khó khăn, song với hướng đi đúng đắn và được các ngành các cấp cổ vũ khích lệ, trường đã thành công bước đầu trong việc giảng dạy, học tập theo nguyên lý: học đi đôi với hành, giảng dạy kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Với những kinh nghiệm thực tế đó, nhà trường đã tiến hành xây dựng Đề án đào tạo “ Tích hợp” gắn đào tạo lý thuyết với thực hành, thực tập và phục vụ sản xuất. Nhờ cải tiến lề lối làm việc, lề lối quản lý, và xây dựng được những qui định, qui chế cụ thể, đề án đã được thực hiện, chất lượng đào tạo được nâng cao, đặc biệt khâu kỹ năng nghề nghiệp.

Từ năm 1985 đến hết năm 2016: Trên cơ sở thành công của Đề án đào tạo “ Tích hợp”, nhà trường đã tiếp tục xây dựng và phát triển Đề án này lên một bước cao hơn dưới sự chỉ đạo của hai Bộ ( Bộ Giáo dục và Bộ Lâm nghiệp) đó là thực hiện đề án “ Tổ hợp” với nội dung “ Đào tạo gắn với sản xuất và nghiên cứu khoa học”. Từ mô hình đào tạo này, nhà trường đã được Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho gần 1000 ha rừng và đất rừng để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Từ năm 2017 đến nay: Trường chuyển sang Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hình thức đào tạo chuyển sang giáo dục nghề nghiệp. Tuy vẫn còn nhiều mới mẻ khi bước sang hình thức đào tạo mới nhưng Nhà trường cũng đã đạt được một số thành tựu nhất định. Đội ngũ giáo viên nhanh chóng tiếp cận và thay đổi phương pháp giảng dạy. Đồ dùng, trang thiết bị, mô hình. . . được Bộ NN&PTNT đầu tư mua sắm tăng thêm hơn nhiều lần so với những năm trước đây. Năm 2017 trường có 7 giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Bộ Nông nghiệp và PTNT và 10 giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tỉnh Quảng Ninh. Kết quả Hội giảng cấp Tỉnh đạt giải nhì toàn đoàn, giải cá nhân: 3 giải nhì, 2 giải 3 còn lại 5 giáo viên đạt giải khuyến khích. Kết quả Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Bộ NN&PTNT: 3 giải nhất, 1 giải nhì, 3 giải 3. Năm 2020, Trường có 6 giáo viên tham gia Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Kết quả có 3 giáo viên đạt giải nhất, 1 giải nhì và 2 giải 3. Trong số 3 giáo viên đạt giải nhất có 1 giáo viên thuộc top 5 giáo viên đạt điểm cao nhất.

Trải qua 59 năm phấn đấu xây dựng phát triển, trường đã đào tạo được hơn ba mươi ngàn cán bộ kỹ thuật viên trung cấp đến đại học có mặt trên mọi miền của đất nước được các cơ sở chấp nhận là đơn vị đào tạo có chất lượng.

Trong những năm gần đây, Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã thực hiện liên kết đào tạo với các trường Đại học như Trường Đại học Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, Đại học Nông Lâm Bắc Giang và nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo tại nhiều tỉnh, thành phố ở Miền Bắc để tạo nguồn thu tài chính và tăng cường quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng mối quan hệ, hợp tác và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học với một số trường Đại học, Cao đẳng, Trung tâm ngoài nước đào tạo, nghiên cứu về lĩnh vực Nông Lâm nghiệp như Học viện Kỹ thuật và Dạy nghề Công trình Sinh thái Quảng Tây – Trung Quốc, Trường Cao đẳng Đa ngành Nông nghiệp và Công nghệ (PCAT) – Thái Lan, Tập đoàn Nichihara Nhật, Trung tâm đào tạo quốc tế về công nghệ cao Kamat Neger Israel,... Trao đổi, học tập kinh nghiệm về kỹ thuật ghép Thông nhựa với Viện nghiên cứu Lâm nghiệp Quảng Tây (Trung Quốc). Phối hợp với Viện Khoa học Giang Tây Trung quốc thực hiện dự án trồng khảo nghiệm 30 ha cây Áo Cộc tại Miếu Trắng.

Bên cạnh việc liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục, Nhà trường còn hợp tác liên kết với các công ty, cơ sở sản xuất trong nước, nước ngoài để lấy ý kiến tham gia của cán bộ quản lý, kỹ thuật của các công ty góp ý xây dựng nội dung chương trình đào tạo. Các công ty cũng là địa điểm để học sinh, sinh viên, giáo viên của trường thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế sản xuất. Cán bộ của các Công ty đã cùng giáo viên hướng dẫn, đánh giá kết quả thực tập của học sinh, sinh viên trong thời gian rèn nghề ở Công ty. Đồng thời thông qua sự hợp tác đó, nhà trường lập kế hoạch cho học sinh thực hành, thực tập tại các cơ sở sản xuất có sự tham gia hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hành thực tập của cán bộ các công ty. Đó cũng là một trong những giải pháp giúp các em học sinh sau khi ra trường có nhiều cơ hội việc làm. Hiện tại nhà trường hợp tác với các hạt Kiểm lâm của chi cục Kiểm lâm Quảng Ninh, Lạng Sơn, các vườn Quốc gia: Cúc Phương, Cát Bà, các khu bảo tồn: Rừng QG Yên Tử, Đồng Sơn Kỳ Thượng, Bái Tử Long, Yên tử..., Đoàn kinh tế Quốc phòng 327. Công ty phát triển chăn nuôi Hoà Phát, Công ty cổ phần Thiên Thuận Tường, Công ty cổ phần VQC, Công ty Việt Long, Công ty Song Hành, HTX Hoa Phong, Công ty VINECO.

Trước yêu cầu đổi mới của nền giáo dục, trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc cũng đã có những kế hoạch, chiến lược bồi dưỡng thu hút nguồn nhân lực. Hiện nay, tổng số giảng viên của nhà trường là 110 giảng viên, trong đó đã tốt nghiệp tiến sĩ là 07 giảng viên, tốt nghiệp thạc sĩ là 92 giảng viên; đang học nghiên cứu sinh là 06 giảng viên đang học tại nước ngoài, đang học thạc sĩ là 05 người ( 02 GV học nước ngoài, 03 GV học trong nước). Hàng năm, nhiều lượt cán bộ, giảng viên được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ giảng dạy, nghiệp vụ chuyên môn. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và công nhân viên của Nhà trường đã và đang đáp ứng ngày một tốt hơn cho tất cả các ngành đào tạo mà Nhà trường đã được phép đào tạo.

## **2. Sơ đồ tổ chức**

Theo Quyết định số 4315/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, Nhà trường có 06 phòng chức năng, 03 trung tâm và 05 khoa, bộ môn chuyên môn. Cơ cấu quản lý được sắp xếp theo sơ đồ tổ chức như sau :

- a. Hội đồng trường: 15 người

b. Ban giám hiệu: 01 Hiệu trưởng; 02 Phó Hiệu trưởng

c. Các phòng chức năng

- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Tài chính – Kế toán;
- Phòng Đào tạo;
- Phòng Kiểm định – Khoa học và hợp tác quốc tế
- Phòng Công tác sinh viên;
- Phòng Quản lý thiết bị và Đầu tư.

d. Các khoa chuyên môn, Bộ môn trực thuộc BGH

- Khoa Khoa học cơ bản;
- Khoa Nông học;
- Khoa Lâm nghiệp;
- Khoa Kinh tế - Du lịch;
- Khoa Chăn nuôi - Thú y;

đ. Các trung tâm trực thuộc

- Trung tâm Sản xuất dịch vụ Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp;
- Trung tâm Đào tạo thường xuyên;
- Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm;

### **3. Chức năng - Nhiệm vụ**

Theo Quyết định số 4315/QĐ-BNN-TCC ngày 26/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc đã quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc như sau

#### **3.1. Vị trí, chức năng**

- Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc là đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trường có chức năng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trình độ

trung cấp, trình độ sơ cấp các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển nông thôn và theo nhu cầu của xã hội; đào tạo thường xuyên và hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất; tư vấn các lĩnh vực chuyên môn thuộc nhiệm vụ của trường theo quy định của pháp luật.

- Trường chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, chịu sự quản lý theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu (gồm cả con dấu nổi), có tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí hoạt động của trường theo quy định của Pháp luật.

- Trụ sở của trường đặt tại phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

### *3.2. Nhiệm vụ và quyền hạn*

Trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại điều 23, luật Giáo dục nghề nghiệp và điều 8, thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường. Tổ chức thực hiện sau khi đã được phê duyệt.

- Tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp và quy định của pháp luật.

- Tổ chức đào tạo thường xuyên theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Tuyển sinh, quản lý người học; bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người học; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; phối hợp với gia đình người học, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật

- Thực hiện hợp tác quốc tế; liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh; tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức, giảng viên và người lao động theo quy định; Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực khác của Trường theo quy định của pháp luật
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật

#### **4. Danh mục các ngành nghề đào tạo**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 18/2020/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 04/02/2020 Trường được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cho phép đào tạo 12 ngành nghề bậc cao đẳng, 19 nghề trung cấp với quy mô đào tạo trên 2.000 HSSV và 17 nghề bậc sơ cấp. Trường đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên tinh thần theo Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ.

##### **4.1. Các ngành/ngành trình độ cao đẳng**

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành/ngành</b>	<b>Quy mô tuyển sinh/năm</b>
1	Điện công nghiệp	6520227	30
2	Lâm nghiệp	6620201	20
3	Quản lý tài nguyên rừng	6620207	30
4	Quản lý đất đai	6850102	20
5	Kế toán doanh nghiệp	6340302	20



6	Thiết kế trang Web	6480214	30
7	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6810205	20
8	Phát triển nông thôn	6620129	30
9	Chăn nuôi	6620119	50
10	Dịch vụ thú y	6640201	50
11	Khoa học cây trồng	6620109	20
12	Khuyến nông	6620121	20

#### 4.2. Các ngành/ngành trình độ trung cấp

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành/ngành</b>	<b>Quy mô tuyển sinh/năm</b>
1	Điện công nghiệp	5520227	60
2	Lâm nghiệp	5620201	40
3	Quản lý tài nguyên rừng	5620207	30
4	Quản lý đất đai	5850102	30
5	Kế toán doanh nghiệp	5340302	30
6	Thiết kế trang Web	5480214	30
7	Quản lý tài nguyên và môi trường	5850103	30
8	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc	5210422	30
9	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	5620111	30
10	Công nghệ sinh học	5420202	30
11	Khuyến nông lâm	5620122	30

12	Chăn nuôi - Thú y	5620120	30
13	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	5620117	30
14	Thú y	5640101	60
15	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	5340101	30
16	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	60
17	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	5340417	30
18	Tin học ứng dụng	5480205	30
19	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	5810205	20

#### 4.3. Các ngành/nghề trình độ sơ cấp

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/nghề đào tạo</b>	<b>Mã ngành/nghề</b>	<b>Quy mô tuyển sinh/năm</b>
1	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi		30
2	Chăn nuôi gia súc gia cầm		60
3	Bảo vệ thực vật		30
4	Khuyến nông lâm		30
5	Sản xuất nông lâm kết hợp		30
6	Sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp		30
7	Trồng và khai thác một số loài cây dưới tán rừng		30
8	Nuôi ong mật		60
9	Trồng ba kích, sa nhân		30
10	Trồng rau an toàn		60
11	Trồng hoa thời vụ		60

12	Trồng và nhân giống nấm		60
13	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh		30
14	Nhân giống cây ăn quả		90
15	Chẩn đoán nhanh bệnh động vật thủy sản		30
16	Kỹ thuật chế biến món ăn		30
17	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc		30

## 5. Các thành tích đạt được

Trải qua 59 năm, dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, cùng với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ Nông nghiệp & PTNT, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Dạy nghề - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội kết hợp với sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ CNVC - giáo viên, giảng viên và HSSV, nhà trường đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Những thành tích mà các thế hệ thầy và trò nhà trường có được trong 58 năm qua đã được xã hội ghi nhận và đánh giá cao, được Đảng và Nhà nước, các Bộ, Ban, Ngành, địa phương trao tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- 01 Huân chương độc lập hạng ba
- 02 Huân chương lao động hạng nhất
- 01 Huân chương lao động hạng nhì
- 01 Huân chương lao động hạng ba
- 04 cờ thi đua luân lưu của chính phủ
- 05 lần nhận cờ của TW đoàn TNCS Hồ Chí Minh
- 17 Bằng khen của Thủ tướng chính phủ
- 08 giáo viên được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú
- 03 cá nhân được phong tặng Huân chương Lao động hạng ba
- Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2013 - 2014; 2015 - 2016
- Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Tỉnh cho cơ quan đơn vị văn hóa năm 2016
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2017
- Cờ thi đua tổng liên đoàn lao động Việt nam năm 2017

- Cờ thi đua của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2017-2018

## **II. Thông tin khái quát về khoa Chăn nuôi thú y**

### **1. Giới thiệu sơ lược**

Khoa CNTY được thành lập từ tháng 1/2018, tiền thân từ bộ môn CNTY thuộc khoa Nông học. Hiện nay, khoa đang có 06 giáo viên cơ hữu trong đó có 01 giáo viên là tiến sĩ, 01 giáo viên đang nghiên cứu sinh học tại Nga.

04 giáo viên cơ hữu có thâm niên giảng dạy từ 10-15 năm. Duy chỉ có giáo viên hợp đồng và biên chế mới có thời gian giảng dạy 2- 4 năm. Trình độ của giáo viên 100% thạc sỹ trong đó có 02 thạc sỹ thuộc chuyên ngành CNTY và 04 thạc sỹ chuyên ngành thú y.

Khoa hiện đang thực hiện giảng dạy các nghề cao đẳng: Dịch vụ thú y; trung cấp nghề: Chăn nuôi thú y và nghề ngắn hạn: chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong đó nghề trung cấp Chăn nuôi – Thú y là nghề trọng điểm Quốc gia.

Ngoài công tác giảng dạy, Khoa vừa thực hiện xong 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh “Nhân thuần, lưu giữ và bảo tồn giống gà Bang Trới- Hoàn Bồ- Quảng Ninh”. Thời gian thực hiện: tháng 3/2015 đến tháng 3/2019.

Khoa CNTY còn tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học, các cuộc thi sáng tạo công nghệ, đặc biệt có nhiều giáo viên tham dự các kỳ thi giáo viên nghề cấp tỉnh, cấp bộ và đạt giải cao.

Trong 2 năm học 2020, 2021 giáo viên trong khoa tham dự thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh đã đạt 01 giải ba, 01 giải khuyến khích. Cũng trong năm học này khoa CNTY có 01 giáo viên tham dự hội giảng giáo viên dạy nghề cấp bộ và đạt nhất và được bằng khen của bộ trưởng, 01 giải nhì cấp tỉnh và 02 giải giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở. Đồng thời, nhiều sản phẩm nghiên cứu của khoa đã được ứng dụng tại địa phương giúp bà con nông dân tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Khoa CNTY còn liên kết với các doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao theo nhu cầu của doanh nghiệp. Học sinh, sinh viên ra trường phần lớn tìm được việc làm phù hợp trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan nhà nước trong lĩnh vực CNTY

Các giáo viên của khoa hàng năm được cử đi học tập tại các cơ sở đơn vị sử dụng lao động để trau dồi kiến thức và kỹ năng, góp phần nâng cao năng lực và tầm nhìn của giáo viên để áp dụng và thực tiễn giảng dạy.

Xu thế phát triển chăn nuôi đang ngày càng được chú trọng, khoa CNTY đang từng bước hoàn thiện, xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ nghiên cứu giỏi, linh hoạt, xây dựng các mô hình thực hành thực tập phù hợp với những biến đổi nhanh chóng trong sản xuất nông nghiệp.

## **2. Chức năng của Khoa**

Khoa Chăn nuôi - Thú y là đơn vị quản lý chuyên môn của trường, có chức năng trực tiếp tổ chức đào tạo các ngành/ nghề của trường, thực hiện nghiên cứu khoa học và tư vấn thuộc lĩnh vực Chăn nuôi và thú y.

## **3. Nhiệm vụ và quyền hạn**

- Tổ chức giảng dạy và hướng dẫn thực hành thực tập, phối hợp với Phòng Đào tạo, Trung tâm đào tạo nghề và hướng nghiệp, Phòng Kiểm định-Khoa học hợp tác quốc tế coi thi, chấm thi kết thúc các học phần do Khoa đảm nhiệm.

- Quản lý các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất nhà trường giao cho Khoa.

- Quản lý giảng viên và học sinh, sinh viên trong quá trình giảng dạy tại trường, tại cơ sở, tại nơi thực hành thực tập.

- Quản lý chuyên môn và các hoạt động về nghiên cứu khoa học, xây dựng, phát triển và thực hiện chương trình đào tạo từ bậc đào tạo nghề đến cao đẳng, biên soạn giáo trình, tập bài giảng, lựa chọn giáo trình phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

- Có nhiệm vụ tự bồi dưỡng, đề xuất bồi dưỡng giáo viên nâng cao năng lực về ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm, tổ chức dự giờ giáo viên.

- Khoa có đội ngũ giảng viên gồm những người thuộc biên chế và hợp đồng của trường làm công tác giảng dạy trực tiếp thuộc khoa quản lý và những cán bộ quản lý, giảng viên thuộc các phòng chức năng tham gia giảng dạy theo chế độ kiêm nhiệm, có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có năng lực sư phạm, đạt chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, có khả năng giảng dạy lý thuyết và thực hành, tích hợp các môn học, mô đun của chương trình đào tạo Chăn nuôi – Thú y bậc cao đẳng và thấp hơn, có năng lực nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động đặc thù của Khoa

#### **4. Cơ cấu tổ chức của các khoa**

Khoa Chăn nuôi – Thú y có 02 tổ bộ môn

- Bộ môn Chăn nuôi;
- Bộ môn Thú y.

### **III. Thông tin về Chương trình đào tạo**

**Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động :** số 04/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN.

**Ngày tháng cấp:** 28/11/2019.

**Quy mô tuyển sinh được cấp phép:** 30.

**Tên ngành, nghề:** Chăn nuôi – Thú y

**Mã ngành, nghề:** 5620120.

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp.

**Hình thức đào tạo:** Chính quy.

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương.

**Thời gian đào tạo:** 2 năm.

#### **1. Mục tiêu đào tạo**

##### **1.1. Mục tiêu chung**

- Đào tạo người học có trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi-Thú y, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về chăn nuôi-thú y. Các nội dung cơ bản về cơ sở khoa học động vật, dinh dưỡng và sức khỏe động vật áp dụng cho các loài và giống khác nhau; giống và kỹ thuật truyền giống; dinh dưỡng và thức ăn, chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm; dược lý thú y; chăm sóc điều dưỡng động vật; quản lý động vật, bệnh lý lâm sàng, chẩn đoán các bệnh nội, ngoại, sản khoa, các bệnh truyền nhiễm và kiểm nghiệm súc sản.

- Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực thích ứng với công việc thực tế, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

##### **1.2. Mục tiêu cụ thể kiến thức, kỹ năng chuyên môn**

- Kiến thức:

+ Người học được trang bị những kiến thức cơ bản, các quy trình nhân giống, chăm sóc và nuôi dưỡng gia súc, gia cầm.

+ Người học hiểu, nhận diện được quy trình phòng và chữa bệnh cho gia súc, gia cầm.

+ Người học nắm được cách thức vận hành thiết bị máy móc phục vụ trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

+ Người học hiểu được công tác quản lý chăn nuôi, thú y ở trình độ trung cấp

- Kỹ năng:

+ Mô tả được giải phẫu và chức năng sinh lý của từng tổ chức, từng cơ quan, từng hệ thống trong cơ thể vật nuôi ở điều kiện sống bình thường làm cơ sở phân biệt khi có quá trình bệnh lý xảy ra.

+ Phân biệt, đánh giá được chất lượng thức ăn và phối hợp được khẩu phần ăn cho gia súc, gia cầm ở từng giai đoạn phát triển.

+ Thực hiện được việc chăm sóc, nuôi dưỡng, chọn lọc giống và phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

### 1.3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp người học được cấp bằng trung cấp nghề Chăn nuôi-Thú y, có thể làm việc tại các vị trí sau:

-Trong khu vực công: Làm việc trong các cơ quan quản lý, các đơn vị chăn nuôi gia súc, gia cầm, trung tâm giống vật nuôi.

-Trong khu vực tư: làm việc tại các doanh nghiệp chăn nuôi thú y; tự kinh doanh các dịch vụ thú y, mở trang trại chăn nuôi.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa

- Số lượng môn học, mô đun: 23

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 70 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.530 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 359 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.171 giờ

### 3. Nội dung chương trình

Mã MĐ, MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành /thí nghiệm /bài tập /thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>11</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	3
MH 02	Pháp luật	1	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ	3	90	30	56	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun đào tạo chuyên ngành bắt buộc</b>	<b>58</b>	<b>1.530</b>	<b>359</b>	<b>1119</b>	<b>52</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>18</b>	<b>405</b>	<b>134</b>	<b>253</b>	<b>18</b>
MH 07	Giải phẫu - Sinh lý vật nuôi	4	90	30	56	4
MH 08	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	75	15	57	3
MH 09	Giống và truyền giống	4	90	30	56	4
MH 10	Dược lý thú y	3	60	30	27	3
MH 11	Chẩn đoán và điều trị bệnh	3	75	15	57	3
MH 12	Luật thú y	1	15	14		1
<b>II.2.</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>40</b>	<b>1125</b>	<b>225</b>	<b>866</b>	<b>34</b>
MH 13	Chăn nuôi lợn	4	90	30	56	4
MĐ 14	Chăn nuôi gia cầm	4	90	30	56	4
MĐ 15	Chăn nuôi trâu, bò	3	60	30	27	3
MĐ 16	Nuôi chó mèo	4	90	30	56	4
MĐ 17	Nuôi dê, thỏ	4	90	30	56	4
MĐ 19	Bệnh Ký sinh trùng	2	45	15	28	2
NH 21	Bệnh ngoại- sản khoa	3	75	15	57	3
NH 22	Vi sinh vật và bệnh truyền nhiễm	4	90	30	56	4
MH 23	Kiểm nghiệm súc sản	2	45	15	28	2
MĐ 24	Thực tập nghề nghiệp	3	135	0	132	3
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	7	315	0	314	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>70</b>	<b>1785</b>	<b>453</b>	<b>1267</b>	<b>65</b>



#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

**4.1. Các môn học chung:** Thực hiện theo chương trình bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành.

#### 4.2. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Hoạt động ngoại khóa giúp học sinh giảm bớt căng thẳng trong học tập, phát triển các kỹ năng xã hội, tăng cường thể lực, tích lũy những kinh nghiệm trong cuộc sống và nghề nghiệp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Tổ chức hội diễn văn nghệ, thể dục, thể thao nhân dịp chào mừng các ngày lễ lớn như 26/3; 19/5; 20/11...	03 ngày
2	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các kiến thức pháp luật và kỹ năng mềm lồng ghép các chủ đề trong chương trình giáo dục sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục/HIV; an toàn giao thông...qua các cuộc thi	02 ngày
3	Tham gia các hoạt động tình nguyện như Tiếp sức mùa thi, Hiến máu nhân đạo, Thứ bảy tình nguyện, Chủ nhật xanh...	Thực hiện ngoài giờ học theo kế hoạch của Đoàn Thanh niên CSHCM
4	Tham gia các hoạt động thể dục thể thao, sinh hoạt câu lạc bộ	Thực hiện ngoài giờ học

#### 4.3. Hướng dẫn tổ chức thi/kiểm tra hết môn học, mô đun

Thời gian thi/kiểm tra kết thúc môn học – mô đun được thực hiện vào cuối học kỳ bằng hình thức thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành; kết hợp giữa các hình thức trên.

Việc tổ chức thực hiện được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng nông lâm Đông Bắc tại quyết định số 509/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 09/08/2019.

#### **4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp**

- Kế hoạch thi tốt nghiệp: Phải được xây dựng và công bố công khai trước kỳ thi ít nhất là 5 tuần.

- Nội dung, hình thức và thời gian thi tốt nghiệp:

<b>TT</b>	<b>Môn thi</b>	<b>Hình thức thi</b>	<b>Thời gian thi</b>
1	Chính trị	Viết	90 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	180 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành kỹ năng tổng hợp	480 phút

- Xét điều kiện dự thi, số lần dự thi, điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo điều 31, điều 33 của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và được cụ thể tại Quyết định số 509/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 09/08/2019 của hiệu trưởng nhà trường.

Căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng Trung cấp cho học sinh.

#### **4.5. Các chú ý khác**

Trên cơ sở số môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo và Khoa chuyên môn phối hợp xây dựng kế hoạch đào tạo cho cả khóa học và xếp lịch giảng dạy hàng tuần, hàng kỳ sao cho đảm bảo lô gic thứ tự môn học, mô đun phù hợp với nhận thức, tiếp thu của người học.

## **PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Tổng quan chung**

“Chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo” là mục tiêu chính khi xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục nghề nghiệp; phù hợp với yêu cầu đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho ngành/nghề nhất định để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

“Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo” là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ chương trình đào tạo đáp ứng các tiêu chí/tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã quy định.

“Tự đánh giá chương trình đào tạo” là quá trình cơ sở nhà trường tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc chương trình đào tạo để cơ sở giáo dục tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

#### **1.1 Căn cứ tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ở Mục 2 của Chương III gồm 7 tiêu chí được cụ thể hoá thành 50 tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn đạt 2 điểm, không đạt yêu cầu là 0 điểm.

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ công văn số 1690/TCGDNN-KĐCL ngày 23/7/2018 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018.

Căn cứ công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2019.

Căn cứ các loại văn bản minh chứng thu thập từ các đơn vị trong nhà trường về chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

## **1.2 Mục đích tự đánh giá**

Bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Xác nhận mức độ chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định.

Làm căn cứ giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo.

Làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình đào tạo và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

Thấy được những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, cải tiến, từ đó định hướng chỉnh sửa cập nhật chương trình, thay đổi nội dung, cấu trúc môn học, mô đun, phân bổ thời gian nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Công tác tự đánh giá chất lượng chương trình là sự thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động giáo dục nghề nghiệp để đạt được mục tiêu, sứ mạng của nhà trường đã đề ra qua từng giai đoạn tiến tới xây dựng nhà trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu các ngành/nghề của nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

## **1.3 Yêu cầu tự đánh giá**

Tự đánh giá là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều các đơn vị, cá nhân trong toàn trường. Hoạt động tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực, công khai và minh bạch.

Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin nhà Trường và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan

#### **1.4 Phương pháp tự đánh giá**

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định tiêu chí tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ở Mục 2 của Chương III gồm 7 tiêu chí được cụ thể hoá thành 50 tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn đạt 2 điểm, không đạt yêu cầu là 0 điểm.

- Nghiên cứu thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Nghiên cứu văn bản số 1690/TCGDNN-KĐCL ngày 23/7/2018 và văn bản số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018-2019 của Bộ LĐ-TB&XH, các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo;

- Thành lập Hội đồng, các nhóm chuyên trách, thư ký, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá

- Triển khai tìm kiếm thông tin, khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động nhằm thu thập minh chứng về các hoạt động để phân tích nhận định, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề trọng điểm được đánh giá;

#### **1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá**

Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình thực hiện theo thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm các bước sau:

*a. Chuẩn bị tự đánh giá chất lượng dạy nghề.*

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình nghề Chăn nuôi – Thú y

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình của nhà trường bao gồm các nội dung chính: Mục tiêu; yêu cầu; phạm vi; các công việc phải làm và trình tự thực hiện; phân công cụ thể cho đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện; tiến độ thời gian thực hiện; các kết quả, sản phẩm phải hoàn thành.

*b. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình*

*\* Hội đồng tự đánh giá chất lượng dạy nghề.*

- Đôn đốc các đơn vị phòng ban, khoa, trung tâm nghiên cứu, cung cấp minh chứng theo hướng dẫn của văn bản số 1690/TCGDNN-KĐCL ngày 23/7/2018 và văn bản số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng năm 2018, 2019 cho các thành viên thư ký.

- Đôn đốc ban thư ký thu thập minh chứng, phân tích, đánh giá, nhận định, viết báo cáo tiêu chí kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình của nghề được kiểm định

- Đóng góp ý kiến chỉnh sửa báo cáo tiêu chí, báo cáo dự thảo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình

- Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành để kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình của các nghề trọng điểm được kiểm định; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng chương trình.

*\* Thư ký và các nhóm chuyên trách*

- Các thư ký của các chương trình đã được phân công thu thập thông tin, minh chứng từ các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ cung cấp minh chứng đã được phân công.

- Các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ cung cấp minh chứng cho các thành viên thư ký của từng chương trình được đánh giá.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình của nghề trọng điểm có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng chương trình nghề được kiểm định.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

- Viết báo cáo tiêu chí đánh giá kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình nghề được phân công của các khoa và gửi cho phòng Kiểm định-Khoa học và hợp tác quốc tế

- Phòng Kiểm định – Khoa học và hợp tác quốc tế tổng hợp hoàn thiện bản dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình của nghề Chăn nuôi – Thú y

- Họp các thành viên của hội đồng thông qua bản dự thảo để các thành viên của Hội đồng tham gia nhận xét, phản biện và đóng góp ý kiến những nội dung cần chỉnh sửa. Thư ký Hội đồng ghi chép đầy đủ vào biên bản để phòng Kiểm định-Khoa học và Hợp tác quốc tế chỉnh sửa hoàn chỉnh bản báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình.

*c. Thông qua và phê duyệt báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình*

- Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình. Bản báo cáo được nghiệm thu khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng nhất trí thông qua.

*d. Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề của nhà trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tỉnh Quảng ninh và Cục kiểm định chất lượng dạy nghề*

Sau khi được Hội đồng tự đánh giá chất lượng thông qua, phòng KĐ-KHHTQT công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng dạy nghề trong nội bộ nhà trường.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình nghề trọng điểm trong nội bộ nhà trường, trường gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình về Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh, Tổng cục Dạy nghề – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

## II. Tự đánh giá

### 2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	<b>ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC</b>		
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>88</b>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và Tài chính</b>	<b>6</b>	<b>4</b>
	<i>Tiêu chuẩn 1.1:</i> Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	<b>2</b>
	<i>Tiêu chuẩn 1.2:</i> Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	<b>2</b>
	<i>Tiêu chuẩn 1.3:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	<b>0</b>
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>14</b>	<b>10</b>
	<i>Tiêu chuẩn 2.1:</i> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	<b>2</b>
	<i>Tiêu chuẩn 2.2:</i> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	<b>2</b>
	<i>Tiêu chuẩn 2.3:</i> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	<b>0</b>
	<i>Tiêu chuẩn 2.4:</i> Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	<b>2</b>



	<b>Tiêu chuẩn 2.5:</b> Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 2.6:</b> Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 2.7:</b> Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	<b>0</b>
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
	<b>Tiêu chuẩn 3.1:</b> 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 3.2:</b> Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 3.3:</b> Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 3.4:</b> Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 3.5:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 3.6:</b> 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 3.7:</b> 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 3.8:</b> Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	<b>2</b>
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	<b>24</b>	<b>24</b>
	<b>Tiêu chuẩn 4.1:</b> Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 4.2:</b> Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 4.3:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	<b>2</b>

	<b>Tiêu chuẩn 4.4:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 4.5:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 4.6:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 4.7:</b> Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 4.8:</b> Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
	<b>Tiêu chuẩn 4.9:</b> Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 4.10:</b> 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 4.11:</b> Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 4.12:</b> Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
	<b>Tiêu chuẩn 5.1:</b> Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 5.2:</b> Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 5.3:</b> Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 5.4:</b> Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	<b>Tiêu chuẩn 5.5:</b> Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2

	<b>Tiêu chuẩn 5.6:</b> Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	<b>0</b>
	<b>Tiêu chuẩn 5.7:</b> Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 5.8:</b> Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	<b>2</b>
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
	<b>Tiêu chuẩn 6.1:</b> Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 6.2:</b> Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 6.1:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 6.2:</b> Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	<b>2</b>
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
	<b>Tiêu chuẩn 7.1:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 7.2:</b> Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	<b>2</b>

	<b>Tiêu chuẩn 7.3:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 7.4:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 7.5:</b> Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 7.6:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	<b>2</b>
	<b>Tiêu chuẩn 7.7:</b> Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	<b>0</b>
	<b>Tiêu chuẩn 7.8:</b> Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	<b>2</b>

## 2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

### 2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

#### **Đánh giá hoạt động tiêu chí 1**

Mục tiêu chương trình đào tạo Ngành Chăn nuôi thú y (CNTY) được xây dựng đảm bảo phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu của xã hội, được công bố rộng rãi trong Nhà trường và toàn xã hội. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, đảm bảo các chuẩn mực về đạo đức, kiến thức, kỹ năng cần đạt được khi sinh viên tốt nghiệp ra trường đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Hệ thống cơ cấu tổ chức của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định trong Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH – ngày 28 tháng 12 năm 2016 Quy định điều lệ trường Cao đẳng do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành. Căn cứ vào Điều lệ, nhà trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động để giúp các đơn vị trong toàn nhà trường thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình. Việc phổ biến và triển khai các văn bản về tổ chức và quản lý của nhà trường đến CBCNV và HSSV được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- ***Những điểm mạnh***

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành CNTY đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu đã được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cụ thể đến Khoa CNTY phụ trách chương trình đào tạo. Khoa đã quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt mục tiêu đề ra.

Nhà trường đã nghiên cứu, xác định mức chi vật tư tối thiểu cho HSSV thực hành rèn nghề, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo chuyên ngành CNTY

Nhà trường đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm đầu tư nhiều cơ sở vật chất (mô hình gia súc, gia cầm, ...) phục vụ cho các hoạt động giáo dục nghề CNTY. HSSV có được nhiều cơ hội tiếp cận những kiến thức cũng như công nghệ mới về nghề CNTY

- ***Những tồn tại***

Nhà trường chưa xác định mức chi tối thiểu cho một người học mặc dù các nguồn thu tài chính hợp pháp thực hiện chương trình đào tạo có đủ.

- ***Kế hoạch nâng cao chất lượng***

Năm 2022, tiến hành nghiệp vụ tính toán xác định mức chi tối thiểu cho một người học hàng năm.

**Điểm đánh giá tiêu chí 1**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>04</b>
<i>Tiêu chuẩn 1.1</i>	2
<i>Tiêu chuẩn 1.2</i>	2
<i>Tiêu chuẩn 1.3</i>	0

***Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.***

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Chăn nuôi thú y trình độ trung cấp phù hợp mục tiêu của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc và phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mục tiêu của CTĐT nghề Chăn nuôi thú y trình độ trung cấp (CNTY) được qui định rõ ràng “Đào tạo cho người học có trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi-Thú y, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về chăn nuôi thú y. Sau khi tốt nghiệp người học có đủ năng lực thích ứng với công việc thực tế, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn”. CTĐT CNTY được Khoa Chăn nuôi thú y trực tiếp xây dựng (trong đó có mục tiêu đào tạo), căn cứ vào các văn bản quy định của Bộ Lao động-Thương Binh và Xã hội, căn cứ vào các văn bản quy định cụ thể của trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc và được Hiệu trưởng Nhà trường chính thức ban hành sau khi có sự phê chuẩn của Hội đồng Đào tạo (1.1.01- Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề đào tạo Chăn nuôi thú y được Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc ban hành kèm theo Quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo Chăn nuôi thú y Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Mục tiêu CTĐT nghề CNTY trình độ trung cấp phù hợp với mục tiêu sứ mạng của Nhà trường, góp phần quan trọng trong việc xây dựng Nhà trường trở thành trường trọng điểm của ngành ở vùng Đông Bắc Việt Nam, tạo dựng được thương hiệu, mở rộng quan hệ, chủ động hội nhập, hợp tác trong vùng, trong nước. Mục tiêu sứ mạng của Trường được thể hiện tại trang 25 trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2009 - 2015 (1.1.03 - Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc giai đoạn 2009 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020). Đó là: “Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc phải là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng và uy tín đối với xã hội, thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, đáp ứng nhu

cầu phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Nông nghiệp, lâm nghiệp, có đủ năng lực để hội nhập khu vực và quốc tế”, với tầm nhìn “Phấn đấu xây dựng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc trở thành trường trọng điểm của ngành ở vùng Đông Bắc Việt Nam, trong đó lấy đào tạo và nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực lâm nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi thú y và công nghệ sinh học làm trọng điểm”. Mục tiêu của nhà trường đã được bổ sung điều chỉnh trong chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc đến năm 2030 được ghi rõ ở tại trang 2 của quyết định (1.1.04-Quyết định số 1779/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/4/2021 về việc phê duyệt chiến lược phát triển trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc đến năm 2030) đó là " Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nghề nghiệp, phấn đấu thành trường cao đẳng đáp ứng tiêu chí của trường chất lượng cao vào năm 2025, là địa chỉ đào tạo và nghiên cứu ứng dụng uy tín với đa ngành nghề và cấp trình độ đào tạo".

Mục tiêu CTĐT CNTY trình độ trung cấp phù hợp với nhu cầu thị trường lao động của Tỉnh Quảng Ninh. Theo Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đó là “Phát triển nhân lực để hỗ trợ các chính sách phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng hiện đại hóa, chuyển dịch từ “Nâu” sang “xanh”, cụ thể: đến năm 2030, nền kinh tế QN sẽ là kinh tế Dịch vụ-Công nghiệp hiện đại với dịch vụ tiên tiến và sản xuất sạch, sản xuất theo công nghệ cao”, với mục tiêu cụ thể của tỉnh Quảng Ninh “Ưu tiên đào tạo nghề có trình độ từ trung cấp trở lên và bồi dưỡng nâng cao tay nghề thường xuyên cho đội ngũ nhân lực; Phát triển nhân lực theo lĩnh vực và các ngành kinh tế trọng điểm: Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp”. (1.1.05-Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030).

Mục tiêu CTĐT CNTY được công bố công khai thông qua các cuộc họp Bộ môn và Khoa, được công bố trên website [www.afcdongbac.edu.vn](http://www.afcdongbac.edu.vn) được phổ biến tới sinh viên trong khoa thông qua các buổi sinh hoạt lớp và học tập chính trị đầu khóa (1.1.06 - Thông báo về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân-HSSV đầu khóa năm học 2019-2020; 2020-2021). Có thể nhận thấy mục tiêu được điều chỉnh nên chương trình đào tạo cũng được điều chỉnh, được thể hiện qua các minh chứng (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ

*Trung cấp nghề đào tạo Chăn nuôi thú y được Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông bắc ban hành kèm theo Quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo Chăn nuôi thú y Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).*

Mục tiêu CTĐT CNTY được rà soát, điều chỉnh theo quy định: Năm 2017 Trường chuyển từ Bộ giáo dục và Đào tạo sang hệ thống giáo dục nghề nghiệp, Bộ LĐTB&XH, Khoa CNTY và Nhà trường thực hiện việc rà soát và đổi mới chương trình đào tạo ngành CNTY thông qua đó mục tiêu chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung đặc biệt theo hướng tăng cường về kỹ năng nghề, giảm lượng kiến thức lý thuyết, tăng cường năng lực thực hành và kết nối với doanh nghiệp nhằm đáp ứng thực tiễn của nhu cầu doanh nghiệp tuyển dụng và những yêu cầu mới của xã hội. Sự đổi mới mục tiêu chương trình đào tạo luôn bám sát với định hướng phát triển trong sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường ( 1.1.07 - Kế hoạch số 662/KH-CDNLĐB-ĐT ngày 10/9/2018; 1.1.08 về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật bổ sung CTĐT nghề trình độ cao đẳng, trung cấp - Quyết định số 668/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 20/9/2018 về việc thành lập Ban rà soát, chỉnh sửa cập nhật bổ sung CTĐT nghề Chăn nuôi thú y trình độ trung cấp; 1.1.09 - Quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/4/2019 về việc Ban hành CTĐT nghề Chăn nuôi thú y trình độ trung cấp).

***Điểm tự đánh giá: 2 điểm***

***Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.***

Ngành CNTY trình độ trung cấp do Khoa CNTY của trường trực tiếp quản lý và tổ chức đào tạo. Trường có quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan khác trong việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (1.2.01 - Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15 tháng 12 năm 2017 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc). Trong đó có



nhiệm vụ, chức năng của khoa CNTY như sau: Khoa CNTY là đơn vị quản lý chuyên môn của trường, có chức năng trực tiếp tổ chức đào tạo các ngành/ngành, thực hiện nghiên cứu khoa học và tư vấn thuộc lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y.

Khoa CNTY báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, tổng kết năm học hàng năm cho Nhà trường và được đánh giá hoàn thành đúng chất lượng, tiến độ công việc được giao (1.2.02 – Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020; 2020-2021”; 1.2.03 - Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 – 2020; 1.2.04 - Các giấy khen của khoa Chăn nuôi thú y).

**Điểm tự đánh giá: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo**

Hàng năm, nhà trường đều có đủ nguồn thu tài chính hợp pháp đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, giáo dục nghề nghiệp của nhà trường. Nguồn thu chính, chủ yếu là từ ngân sách cấp. Nguồn thu khác là không đáng kể. Nhiệm vụ chính trị của nhà trường là giáo dục các nghề, cung cấp nguồn nhân lực cho ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp. Thu nhập của những người làm các ngành nghề này thấp, lại ở vùng nông thôn, miền núi, không hấp dẫn, sức thu hút người học kém, nguồn thu từ học phí là không đáng kể.

Với mức độ phức tạp của các hoạt động đào tạo, công tác xác định định mức chi cho một người học hàng năm từ trước tới nay chưa làm nên phòng Tài chính – Kế toán, phòng Quản lý thiết bị và đầu tư năm nay cũng chưa thực hiện được nội dung này. Những năm tới phòng sẽ có sự tổng hợp và xác định định mức chi tiêu cho một người học.

**Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

## **2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:**

Hoạt động đào tạo được xác định là một hoạt động trọng tâm của Nhà trường. Quá trình tổ chức hoạt động này luôn hướng tới mục tiêu đáp ứng nhu cầu của người học, phát triển nguồn nhân lực của địa phương và các tỉnh phía bắc. Nhà trường đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo. Đặc biệt trong những năm gần

đây, nhà trường kết hợp đào tạo hệ trung cấp chính quy với đào tạo giáo dục thường xuyên là sau 3 năm, người học vừa đạt được tay nghề trình độ trung cấp vừa được quyền thi tốt nghiệp THPT quốc gia

### ***1. Những điểm mạnh***

- Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch.

- Nhà trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định

- Nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

- Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

### ***2. Những tồn tại***

- Nhà trường chưa có phần mềm quản lý đào tạo

- Nhà trường chưa xây dựng chương trình đào tạo liên thông để đáp ứng cho người học hệ trung cấp có nguyện vọng học hệ cao đẳng liên thông

### ***3. Kế hoạch nâng cao chất lượng***

Trong 2 năm liền, khoa CNTY tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, chỉ đạo các bộ môn chuyên ngành và giáo viên tiếp tục xây dựng giáo án điện tử.

Trong thời gian tới, nhà trường sẽ kết hợp với đơn vị thiết kế website nâng cấp bổ sung thêm nội dung quản lý đào tạo phù hợp với quản lý đào tạo của nhà trường để giáo viên, học sinh có thể tìm kiếm thông tin để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập được dễ dàng.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đào tạo, giám sát hoạt động giảng dạy của giáo viên và quản lý thời gian học tập của học sinh, sinh viên trong nhà trường.

Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực CNTY để hợp tác, nhà trường cung cấp lao động, doanh nghiệp hỗ trợ nhà trường về cơ sở thực tập cho giáo viên và học sinh rèn luyện nâng cao kỹ năng tay nghề.

Xây dựng chương trình đào tạo liên thông lên cao đẳng đáp ứng nguyện vọng của học sinh hệ trung cấp nghề CNTY được học liên thông lên cao đẳng trên cơ sở có sự kế thừa nội dung kiến thức tay nghề của chương trình trung cấp nghề CNTY trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa chương trình đào tạo trung cấp CNTY và đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo cao đẳng

### **Điểm đánh giá tiêu chí 2**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>12</b>
Tiêu chuẩn 2.1	2
Tiêu chuẩn 2.2	2
Tiêu chuẩn 2.3	0
Tiêu chuẩn 2.4	2
Tiêu chuẩn 2.5	2
Tiêu chuẩn 2.6	2
Tiêu chuẩn 2.7	0

***Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.***

Hoạt động đào tạo nghề CNTY, trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Tổng cục giáo dục Nghề nghiệp) cấp giấy phép đăng ký hoạt động số 140a/2017/GCNĐKBS - TCDN ngày 31/7/2017 và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 18/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 04/02/2020. Để công tác tuyển sinh đúng quy định Hiệu trưởng đã ký Quyết định số 10/QĐ – CĐNLĐB-TSTVVL ngày 10/01/2020, Quyết định số 02/QĐ –CĐ NLĐB-TSTVVL ngày 04/01/2021 ban hành các Quy chế tuyển sinh gồm 4 chương 22 điều, trong đó quy định

thời gian, đối tượng tuyển sinh, ngành nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh trong đó có nghề CNTY (2.1.01 - Quy chế tuyển sinh của nhà trường ban hành các năm 2020; 2021, kèm theo Quyết định ban hành).

Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm (2019 - 2021) của nghề CNTY được thực hiện trên cơ sở giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cân đối tỷ lệ HSSV/giáo viên và cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (2.1.02 - Thông báo nhiệm vụ chỉ tiêu tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2019, 2020, 2021 của trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc). Cụ thể:

- + Năm 2019 xác định chỉ tiêu: 30
- + Năm 2020 xác định chỉ tiêu: 30
- + Năm 2021 xác định chỉ tiêu: 30

Để thực hiện tuyển sinh đúng quy định, nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng và Ban thư ký tuyển sinh (2.1.03 – Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh 2020; 2021). Hội đồng tuyển sinh xây dựng kế hoạch, thông báo tuyển sinh để thực hiện tuyển theo chỉ tiêu được giao (2.1.04 - Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; 2.1.05 - Kế hoạch tuyển sinh 2020, 2021; 2.1.06- Hồ sơ đăng ký học hàng năm). Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký học, Hội đồng tuyển sinh xem xét các quy định để duyệt hồ sơ trúng tuyển đối với người học; sau đó lập danh sách trình hiệu trưởng ký quyết định trúng tuyển và nhập học, kết quả tuyển sinh cụ thể như sau: Năm học 2019-2020 là 35 HS và năm học 2020-2021 là 60 HS (2.1.07 - Quyết định về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển kèm theo biên bản họp xét; Quyết định mở lớp năm học 2019-2020; 2020-2021). Kết quả tuyển sinh nghề CNTY của nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch (2.1.08 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2019; 2020). Cụ thể: Năm 2019-2020:  $43/30 = 116.67\%$ ; Năm 2020-2021:  $60/30 = 200\%$ .

Công tác tuyển sinh của trường đảm bảo đúng quy định, nghiêm túc, công bằng, khách quan, nhà trường giao cho phòng kiểm định KH và HTQT giám sát kiểm tra công tác tuyển sinh. Hàng năm phòng xây dựng kế hoạch và tiến hành thanh kiểm tra các hoạt

động đào tạo trong đó có công tác tuyển sinh (2.1.09 - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm 2020; 2021). Công tác tuyển sinh thực hiện đúng quy định, Hồ sơ tuyển sinh lưu theo từng lớp, ngành, khóa được sắp xếp gọn gàng, khoa học, mỗi bộ hồ sơ đầy đủ các thủ tục theo thông tư 05/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 2/3/2017 (2.1.10 - Báo cáo kết quả kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2019; 2020; 2021) (2.1.08 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2019; 2020). Nhiều năm qua nhà trường không có trường hợp khiếu nại nào trong công tác tuyển sinh.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên về thực hiện công tác tuyển sinh của Nhà trường. Kết quả cho thấy:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	Giảng viên	2019-2020	41	2.4%	82.9%	14.6%
		2020-2021	51	0.0%	56.9%	43.1%
	HS	2019-2020	19	5.3%	73.7%	21.1%
		2020-2021	40	0.0%	40.0%	60.0%

(2.1.11 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về hoạt động đào tạo và dịch vụ đào tạo học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về hoạt động đào tạo và dịch vụ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021)

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.**

Nghề CNTY trình độ trung cấp đã được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 140a/2017/GCNĐKBS –TCDN ngày 31/7/2017 (2.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của TCGDNN năm 2017;2019; 2020). Trường cũng đã xây dựng mới chương trình đào tạo nghề CNTY hệ trung cấp; rà soát lại chương trình đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tế của xã hội

trong từng giai đoạn (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y ban hành kèm theo Quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi Thú y Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Thực hiện chương trình đào tạo đã được phê duyệt, căn cứ vào kết quả tuyển sinh, lưu lượng HSSV hàng năm và đội ngũ giáo viên của khoa; Phòng Đào tạo xây dựng và ban hành kế hoạch, tiến độ đào tạo theo khóa, năm học cho từng nghề trong đó có nghề CNTY (2.2.02 -Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 2020; 2020-2021; 2.2.03 - Kế hoạch đào tạo nghề CNTY khóa học 2018 - 2021, 2019 -2022). Kế hoạch đào tạo được xây dựng chi tiết đến từng MH/MĐ phù hợp với quy định của chương trình đào tạo.

Sau khi Kế hoạch tiến độ đào tạo được phê duyệt, Phòng đào tạo phối hợp với Khoa xây dựng kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu để thực hiện công tác giảng dạy (2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2019 - 2020; 2020-2021; 2.2.05 - Kế hoạch giáo viên các năm học 2019 – 2020; 2020-2021). Công tác giảng dạy được thực hiện đúng yêu cầu đảm bảo đúng theo kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt (2.2.06 - Sổ lên lớp năm học 2019 - 2020; 2020 - 2021; 2.2.07 - Giáo án giảng dạy các năm học 2019 - 2020; 2020-2021); 2.2.08 - Sổ tay nhà giáo các năm học 2019 - 2020;2020-2021).

Để đánh giá chất lượng tổ chức thực hiện kế hoạch, tiến độ đào tạo nhà trường giao cho phòng KĐ-KH&HTQT kiểm tra, giám sát chất lượng quản lý đào tạo toàn trường, trong đó có khoa Chăn nuôi thú y, phòng KĐ-KH&HTQT xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các phòng, khoa, đơn vị thực hiện kiểm tra chuyên đề theo từng lĩnh vực quản lý đào tạo, sau mỗi đợt kiểm tra, có biên bản kiểm tra và báo cáo tình hình kiểm tra giám sát trình Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có kế hoạch khắc phục những nội dung chưa thực hiện tốt (2.1.09 - Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I, II năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.2.09 - Báo cáo về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I, II năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.2.10 - Báo cáo biện pháp khắc phục nâng cao chất lượng dạy và học, kết quả rà soát phương pháp và nội dung cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra Khoa Chăn nuôi thú y năm học

2019 - 2020; 2020-2021; 2.2.11 - Kết quả khắc phục cải tiến sau kiểm tra năm học 2019-2020; 2020 - 2021; 2.2.12 - Báo cáo tổng kết năm học khoa CNTY năm 2019-2020; 2020-2021; 2.2.13: Biên bản kiểm tra về công tác đào tạo của Nhà trường năm học 2019-2020; 2020-2021

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.**

Chương trình đào tạo nghề CNTY được nhà trường ban hành năm 2017, thực hiện rà soát, điều chỉnh năm 2019 trong đó có quy định mục tiêu đào tạo, khối lượng kiến thức, thời gian khóa học (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y ban hành kèm theo Quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02: Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc). Trong đó xác định:

+ Phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình: Căn cứ chương trình đào tạo nghề CNTY nhà trường xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo cho các khóa theo phương pháp đào tạo tin chỉ phù hợp với nội dung chương trình đào tạo đã ban hành (2.2.02 - Tiến độ đào tạo các năm học 2019 – 202, 2020-2021; 2.2.03 - Kế hoạch đào tạo lớp Trung cấp CNTY của Khóa học 2019-2022; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2019 – 2020, 2020-2021; 2.2.05- Kế hoạch giảng viên các năm học 2019 – 2020, 2020-2021). Trong quá trình thực hiện đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường và giáo viên khoa CNTY có phương pháp đào tạo.

+ Phương pháp đào tạo phù hợp kết hợp với rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học như sau: Lấy người học làm trung tâm không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học qua các hoạt động học theo

nhóm, dạy tích hợp, viết tiểu luận, bài tập lớn; sử dụng các phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, giảng viên giảng dạy nghề CNTY đã áp dụng phương pháp phân tích nghề vào ngay trong quá trình biên soạn giáo án, bài giảng của giảng viên. Các bài giảng được gắn với chuẩn đầu ra. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên giảng dạy nghề CNTY đã có những giải pháp thực hiện bài giảng hiệu quả năng động, chủ động và tham gia một cách nghiêm túc, tích cực vào quá trình giảng dạy của giảng viên, đồng thời rèn luyện tác phong làm việc theo nhóm cho sinh viên, hình thành khả năng tự tư duy, nghiên cứu về nghề nghiệp cho sinh viên (2.2.06 - *Sổ lên lớp năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.2.07- Giáo án giảng dạy các năm học 2019 - 2020; 2020-2021; 2.2.08 - Sổ tay nhà giáo các năm học 2019 - 2020; 2020 - 2021*)

Ngoài ra, phương pháp đào tạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Bài giảng các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo của nghề đều được giáo viên thiết kế bằng bài giảng điện tử với những hình ảnh, Clip đa dạng, phong phú giúp người học dễ hình dung các kiến thức, kỹ năng liên quan. (2.3.01 - *Giáo án điện tử các môn học/mô-đun của nghề CNTY*). Các phòng học lý thuyết của nhà trường đều được trang bị hệ thống máy chiếu, âm thanh phục vụ cho việc trình chiếu các bài giảng điện tử. Các phòng thực hành được bố trí đầy đủ trang thiết bị thực hành để học sinh có thể tiếp cận thực tế một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. (2.3.02 - *Danh mục thiết bị đào tạo nghề CNTY*).

Phòng KĐ-KH&HTQT thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học toàn trường, trong đó có khoa CNTY, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, dự giờ của giáo viên, sau mỗi đợt kiểm tra, có biên bản kiểm tra và báo cáo tình hình kiểm tra giám sát trình Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị có kế hoạch khắc phục những nội dung chưa thực hiện tốt (2.2.14 - *Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2019 - 2020;2020-2021; 2.2.10 - Báo cáo về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I, II năm học 2019 - 2020; 2020-2021; 2.2.13 - Báo cáo hoạt động chuyên môn của khoa Chăn nuôi thú y*).

Như vậy phương pháp đào tạo của nghề CNTY phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc



theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Tuy nhiên nhà trường chưa có phần mềm quản lý đào tạo, môn học, điểm.

**Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

***Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.***

Căn cứ vào thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 về quy định hệ thống đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã xây dựng quy trình thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp (2.4.01: *Quyết định số 281/QĐ-CDNLĐB ngày 31/05/2021 về việc ban hành quy trình thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp*)

Thực hiện theo đúng quy định của chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng và kỹ năng nghề cho người học. Nhà trường đã tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, giúp sinh viên CNTY tiếp cận được với các kiến thức, kỹ năng thực tế. Nhà trường ký biên bản thỏa thuận với doanh nghiệp với Công ty Thiên thuận tường, công ty cổ phần Hải Nguyên, công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát để cử học sinh đến thực tập tại doanh nghiệp. (2.4.02 - *Biên bản thỏa thuận giữa nhà trường với doanh nghiệp về thực tập của sinh viên*); Căn cứ chương trình, kế hoạch, tiến độ đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch thực tế thực tập theo quy định cho người học, trong đó xác định mục đích, yêu cầu, thời gian, địa điểm, nội dung thực tập và phân công trách nhiệm của giáo viên (2.4.03 - *Kế hoạch thực tập của học sinh năm 2020, 2021*; 2.4.04 - *Quyết định đưa học sinh thực tập tại doanh nghiệp năm 2020; 2021*).

Nhà trường đã thực hiện đúng quy định trong đào tạo, người học trước khi tốt nghiệp phải được thực hành, thực tập rèn luyện kỹ năng nghề tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (2.4.05 - *Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn thực tập năm học 2020,2021*; 2.4.06 - *Đề cương thực tập các khóa năm học 2019-2020, 2020-2021*; 2.4.07 - *Danh sách người học đã đi thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm, 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.***

Căn cứ nội dung của Thông tư 09/2017/TT - BLĐTBXH ngày 13/3/2017 về Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư 10/2017/TT - BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Thông tư 34/2018/TT - BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐTBXH Nhà trường đã ban hành các Quy chế, cụ thể:

- *Quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện,:*

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. Tại chương III, IV của Quy chế có quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp gồm 2 chương, 13 điều ban hành năm 2019 kèm theo Quyết định số 509/QĐ-CĐNLĐB -ĐT ngày 09/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc (2.5.01 *Quyết định số 509/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2019 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế; 2.5.02- Quyết định số 279/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 28/5/2021 về việc ban hành quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, hệ chính quy)*

- *Quy định về cấp văn bằng, chứng chỉ:*

Năm 2018, Trường ban hành quy định kèm theo Quyết định số 670/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 28/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc về việc ban hành Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Quy chế gồm có 18 điều (2.5.03: *Quyết định số 670/QĐ-CĐNLĐB-ĐT ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc ban*

*hành Quy chế quy định về sử dụng bằng tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế).*

+ Việc tổ chức thi kết thúc, mô đun, môn học được Phòng Kiểm định-KH&HTQT của Trường tổ chức đúng theo quy trình, quy định, đảm bảo khách quan, nghiêm túc từ khâu lập kế hoạch, bốc đề thi, nhân bản đề thi và thực hiện nghiêm túc việc giám sát tổ chức kiểm tra kết thúc của khoa. Việc tổ chức kiểm tra của khoa diễn ra nghiêm túc, đảm bảo đúng theo quy chế. Đối với các mô đun thực hành của khoa CNTY có đầy đủ trang thiết bị, mô hình cho học sinh kiểm tra, đối với các môn lý thuyết giáo viên coi thi nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định (2.5.04 – Báo cáo hàng tháng, sơ kết, tổng kết của Phòng Kiểm định-KH&HTQT; 2.5.05-Kế hoạch thi năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.5.06 - Biên bản bốc thăm đề thi).

Ngoài việc thực hiện nghiêm túc quy định về kiểm tra định kỳ sau khi kết thúc mỗi chương, mỗi bài, Khoa còn khuyến khích việc kiểm tra trên lớp thường xuyên việc học tập, rèn luyện kỹ năng và chuẩn bị bài của HSSV (2.2.06 - Sổ lên lớp năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.2.07-Giáo án giảng dạy các năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.2.08 - Sổ tay nhà giáo các năm học 2019-2020; 2020-2021). Việc tổ chức thi kết thúc môn học/mô đun được phòng Kiểm định – Khoa học và hợp tác quốc tế tổ chức theo quy trình 11 – Tổ chức thi kết thúc môn học/mô đun; Việc chấm thi hết mô đun/môn học được thực hiện theo Quy trình 12 – Chấm thi hết môn học/mô đun. Trong quy trình có đầy đủ các mẫu biểu, mẫu văn bản theo quy định. Các quy trình này được ban hành theo quyết định số 307/QĐ-CDNLĐB-KTKĐCL ngày 30/5/2019 V/v ban hành Quy định về hệ thống Bảo đảm chất lượng của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc và Quyết định số 645/QĐ-CDNLĐB-KTKĐCL ngày 23/9/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc V/v Vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường. Việc tổ chức thi, xét tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại TT 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 và Quy chế đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc kèm theo Quyết định số: 509/QĐ-CD-CDNLĐB-ĐT ngày 09/8/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. (2.5.07 - Kế hoạch tổ chức xét, thi tốt nghiệp năm 2019-2020; 2020-2021; 2.5.08- Quyết định thành lập Hội đồng xét, thi tốt

*nghiệp và các ban giúp việc năm 2019-2020; 2020-2021; 2.5.09 - Biên bản họp Hội đồng xét, thi tốt nghiệp 2019-2020; 2020-2021; 2.5.10 - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019-2020; 2020-2021).*

Đối với đánh giá kết quả rèn luyện: Để thực hiện đúng quy định nhà trường ban hành quyết định số 137/2018 quy định về quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV (2.5.11 – *Quyết định số 137/QĐ-CĐNLĐB-CTSV ngày 03/04/2018 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy, kèm theo quy chế*). Việc đánh giá điểm rèn luyện được thực hiện từ lớp đến phòng Công tác sinh viên và Hội đồng đánh giá nhà trường (2.5.12 - *Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV*). Cụ thể về việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV, sau khi kết thúc học kỳ, năm học, sinh viên sẽ tự đánh giá nhận xét kết quả rèn luyện của mình căn cứ vào văn bản hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học HSSV. Trên cơ sở phiếu tự nhận xét đánh giá của sinh viên, giảng viên chủ nhiệm tổ chức sinh hoạt lớp để bình xét điểm rèn luyện của sinh viên, kết quả đánh giá chuyển về phòng Công tác HSSV làm căn cứ công nhận kết quả rèn luyện của HSSV (2.5.13- *Quyết định công nhận kết quả rèn luyện năm học 2019-2020; 2020-2021*)

+ Đối với việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ nhà trường có sổ theo dõi cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định. Sau các kỳ thi tốt nghiệp Nhà trường ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho các học sinh theo đúng quy định. Căn cứ các quyết định tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành in bằng, vào số hiệu bằng, vào thông tin sổ cấp phát văn bằng. HSSV đến nhận bằng thì trình chứng minh thư, đối chiếu các thông tin trong bằng và sổ cấp phát bằng và ký nhận bằng. Đối với những phôi bằng, chứng chỉ hỏng hoặc không còn hiệu lực đã được nhà trường thành lập Hội đồng tiêu hủy (2.5.14 - *Sổ cấp phát bằng*).

Hàng năm, Ban kiểm tra công tác đào tạo thanh tra, kiểm tra và lập biên bản. Qua nội dung của các biên bản kiểm tra có thể nói nhà trường thực hiện đúng quy định của Bộ và quy chế của trường (2.2.09 -*Báo cáo về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo kỳ I, II năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.5.15 - Quyết định thành lập Ban thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo và biên bản kiểm tra hoạt động đào tạo 2019-2020; 2020-2021*). Như vậy công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh

giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định nhà trường thực hiện đúng, đủ theo quy định.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.***

Nhằm nâng cao công tác quản lý chất lượng đào tạo, ngoài chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kiểm định-KH&HTQT và đảm bảo chất lượng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá hoạt động đào tạo được thể hiện ở điều 4 trang 3-5 trong Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC (1.2.01 - *Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15 tháng 12 năm 2017 về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*). Phòng Kiểm định-KH&HTQT xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch giám sát, kiểm tra hoạt động dạy và học đảm bảo tính công bằng khách quan và đúng quy định (2.1.09 - *Các kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm học 2019 -2020; 2020-2021*; 2.2.09 - *Báo cáo thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo năm học 2019 -2020; 2020-2021*; 2.6.01- *Các kế hoạch dự giờ đánh giá chất lượng giáo viên năm học 2019 -2020; 2020-2021*). Hoạt động kiểm tra được phản ánh qua các biên bản kiểm tra hàng năm. (2.2.14 - *Biên bản kiểm tra về công tác đào tạo của Nhà trường năm học 2019-2020; 2020-2021*).

Sau khi kiểm tra hoạt động dạy và học nhà trường có các biện pháp khắc phục hoạt động dạy và học, cụ thể: Trong hội nghị Đảng ủy mở rộng đề ra kế hoạch công tác cho tháng tiếp theo để kịp thời khắc phục những điểm tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo (2.6.02 - *Nghị quyết đảng ủy mở rộng hằng tháng năm 2020; 2021*). Trong các cuộc họp định kỳ của Hội đồng trường và giao ban hàng tháng, Nhà trường có những đánh giá, chấn chỉnh những mặt còn tồn tại, yếu kém trong hoạt động đào tạo, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học như: khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học, làm sáng kiến kinh nghiệm; rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đảm bảo thiết bị đào tạo hiện đại, đồng bộ, cập nhật công nghệ sản xuất cho phù hợp với doanh nghiệp; tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy; đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường đánh giá độc lập và

có sự tham gia đánh giá của doanh nghiệp; giám sát và nhận phản hồi của sinh viên, giáo viên, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nước ... (2.6.03 - Các Nghị quyết của Hội đồng trường năm 2020; 2021; 2.6.04: Báo cáo cuộc họp giao ban hàng tháng của Nhà trường năm 2020; 2021)

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, hằng năm, Khoa CNTY thường xuyên tổ chức dự giờ giáo viên giảng dạy trên lớp, Ban giám hiệu dự giờ đột xuất. Giáo viên của Khoa không chỉ tham gia Hội giảng Nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp các cấp mà còn tham gia nghiên cứu khoa học; thiết bị đào tạo tự làm của tỉnh, của Bộ và sáng kiến kinh nghiệm (2.2.11- Báo cáo biện pháp khắc phục nâng cao chất lượng dạy và học, kết quả rà soát phương pháp và nội dung cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra Khoa CNTY năm học 2019 -2020; 2020-2021).

Sau khi điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất, kết quả giáo viên Khoa CNTY đã đạt được những giải thưởng như: Hội thi thiết bị tự làm các cấp, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài được nghiệm thu và ứng dụng, cụ thể:

(1) Mô hình máng ăn, máng uống tự chế cho gà chăn thả đạt giải ba toàn Tỉnh Quảng Ninh do cô giáo Mai Thị Thanh Nga và Hoàng Thị Ngọc Lan là tác giả; (2) Hệ thống chuồng nuôi lợn công nghiệp đạt giải 3 cấp tỉnh (thầy Mai Anh Tùng và Cô Mai Thị Thanh Nga là tác giả), (3) Mô hình đá liếm dùng cho gia súc nhai lại do cô Trần Thị Vân Hà là tác giả. Đề tài khoa học cấp tỉnh “*Nhân thuần lưu giữ bảo tồn giống gà Bang trời*” Đề tài được nghiệm thu tháng 11 năm 2019 ( 2.6.05 - Sổ theo dõi quản lý hoạt động giảng dạy và dự giờ giáo viên của Lãnh đạo Khoa năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.6.06 - Các báo cáo hiệu quả sử dụng của các thiết bị, đề tài nghiên cứu của các khoa nghề các năm; 2.6.07 - Đánh giá của Hội đồng Sáng kiến về hiệu quả của các sáng kiến hàng năm; 2.6.08 - Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2019 - 2020;2020 - 2021; 2.6.09 – Quyết định số 764/QĐ-LĐTĐ ngày 30/05/2019 về việc tặng giấy khen, Cờ cho các tập thể, nhóm tác giả và cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019; 2.6.10 - Báo cáo về việc tham dự hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường, tỉnh, bộ năm học 2019-2020; 2020-2021)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Kết quả cho thấy các giải pháp đang áp dụng mang lại hiệu quả cao, phù hợp với các hoạt động của Nhà trường cụ thể:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp	Giảng viên, CBQL	2019-2020	41	75.6%	19.5%
		2020-2021	51	82,4%	17,6%

(2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về hoạt động đào tạo và dịch vụ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021)

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.**

Trong những năm trước đây, phần lớn người học sau khi học xong trung cấp đều tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp để ổn định cuộc sống nên nhu cầu học liên thông lên Cao đẳng ngành CNTY của người học trong những năm qua còn rất ít, công tác tuyển sinh học sinh học liên thông lên Cao đẳng hàng năm không thành công. Vì vậy nhà trường chưa xây dựng chương trình liên thông trung cấp CNTY lên cao đẳng CNTY.

**Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

**2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:**

Đội ngũ giảng viên, giáo viên có vai trò then chốt, quyết định việc thực hiện thành công của hoạt động đào tạo nói chung cũng như chương trình đào tạo ngành CNTY nói riêng. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức và tư cách nhà giáo, có sức khỏe tốt và yêu nghề là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, Khoa CNTY.

Hiểu rõ như vậy, trường Khoa CNTY thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng giảng viên cần bổ sung cho từng năm (thay thế giảng viên nghỉ hưu hoặc chuyển công tác). Trên cơ sở đó, đề nghị Nhà trường tuyển đủ số lượng và đảm bảo tiêu chuẩn giảng viên từ nhiều nguồn khác nhau và tạo điều kiện cho họ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn và làm việc theo đúng chuyên môn được đào tạo.

### **1. Những điểm mạnh**

- Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.
- Trường đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

- Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

- 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.
- 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao

### **2. Những tồn tại**

Mặc dù đội ngũ giáo viên cơ hữu đều có trình độ chuyên môn là thạc sỹ trở lên nhưng 50% giáo viên khoa CNTY chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia để đạt chuẩn nhà giáo giảng dạy thực hành, tích hợp theo quy định của thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH. Nguyên nhân là do đặc thù nghề nghiệp thuộc ngành Nông Lâm nghiệp, trước đây chưa có đơn vị nào đăng cai tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho giáo viên nghề CNTY nói riêng cũng như các nghề thuộc khối Nông lâm nghiệp nói chung. Nhà trường cũng đã có kế hoạch thông báo tới Khoa CNTY để sắp xếp thời gian,



công việc và lựa chọn đơn vị đăng cai tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc III cho giáo viên.

### **3. Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Tiếp tục liên hệ với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, tìm kiếm các đơn vị có đủ tư cách pháp nhân được phép tổ chức thi cấp chứng chỉ kỹ năng nghề để cho giáo viên của trường đăng ký tham gia

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 3**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 3.1	1
Tiêu chuẩn 3.2	2
Tiêu chuẩn 3.3	2
Tiêu chuẩn 3.4	2
Tiêu chuẩn 3.5	2
Tiêu chuẩn 3.6	2
Tiêu chuẩn 3.7	2
Tiêu chuẩn 3.8	2

**Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.**

Đến Tháng 3 năm 2021, Khoa CNTY đang có 06 giáo viên cơ hữu trong đó 100% trình độ của giảng viên đều là Thạc sĩ, có 01 giáo viên đang làm NCS ở Nga. Các giáo viên đều đảm bảo tiêu chuẩn của giáo viên theo điều lệ trường cao đẳng (3.1.01 – Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên giảng dạy nghề CNTY; 3.1.02: Hồ sơ quản lý nhà giáo).

\* **Năm học 2019-2020** có 12 nhà giáo tham gia giảng dạy, trong đó có 06 nhà giáo dạy môn chung; 06 nhà giáo giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn.

- **Nhà giáo giảng dạy môn chung:** 06 người, tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành và 04 Đại học chuyên ngành

+ Sư phạm: Gồm có: 06 có Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: Gồm có các trình độ: 01 Đại học; 01 chứng chỉ B1; 04 chứng chỉ B.

+ Tin học: Gồm có: 01 Thạc sỹ tin học; 05 chứng chỉ THUD cơ bản;

- **Nhà giáo giảng dạy chuyên môn:** Tổng số là 06 người, được bố trí 03 nhà giáo giảng dạy lý thuyết, 03 giảng dạy tích hợp; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 06 Thạc sỹ chuyên ngành;

+ Kỹ năng nghề bao gồm: 03 Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề;

+ Sư phạm: 06 Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: Gồm có 05 chứng chỉ B; 01 chứng chỉ B1.

+ Tin học: Gồm 06 chứng chỉ Tin học UDCB

\* **Năm học 2020-2021** có 12 nhà giáo tham gia giảng dạy, trong đó có 06 nhà giáo dạy môn chung; 06 nhà giáo giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn.

- **Nhà giáo giảng dạy môn chung:** 06 người, tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: gồm 02 Thạc sỹ chuyên ngành và 04 Đại học chuyên ngành

+ Sư phạm: Gồm có: 06 có Chứng chỉ Sư phạm dạy nghề.

+ Ngoại ngữ: Gồm có các trình độ: 01 Đại học; 01 chứng chỉ B1; 04 chứng chỉ B.

+ Tin học: Gồm có: 01 Thạc sỹ tin học; 05 chứng chỉ THUD cơ bản;

- **Nhà giáo giảng dạy chuyên môn:** Tổng số là 06 người, được bố trí 03 nhà giáo giảng dạy lý thuyết, 03 giảng dạy tích hợp; tất cả đều có thời gian tham gia giảng dạy trên 12 tháng.

+ Trình độ chuyên môn: Gồm 06 Thạc sỹ chuyên ngành;

- + Kỹ năng nghề bao gồm: 03 Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề;
- + Su phạm: 06 Chứng chỉ Su phạm dạy nghề.
- + Ngoại ngữ: Gồm có 05 chứng chỉ B; 01 chứng chỉ B1.
- + Tin học: Gồm 06 chứng chỉ Tin học UDCB

Còn 03 gv chưa sát hạch chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 03 (Chăn nuôi) vì chưa có đơn vị nào tổ chức sát hạch (nghề đặc thù)

Đối chiếu với các quy định trong Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH thì 100% các nhà giáo dạy nghề CNTY trình độ trung cấp của trường tham gia giảng dạy trong 2 năm qua đều đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ SPDN, tiếng Anh, Tin học theo qui định.

***Điểm tự đánh giá: 2 điểm***

***Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.***

Năm 2018, Nhà trường đã xây dựng Qui định về chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy trong trường, căn cứ trên Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, (3.2.01-QĐ số 62/QĐ – CDNLĐB - TCHC ngày 02-2-2018 về việc ban hành qui định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp). Đến năm 2020, Nhà trường tiếp tục bổ sung, sửa đổi và xây dựng Quy chế về chế độ làm việc của giáo viên để phù hợp với hoạt động giảng dạy (3.2.02 - Quyết định số 127/QĐ-CDNLĐB ngày 16-3-2020 về việc ban hành qui định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc). Nhà trường cũng đã ban hành quy định về đánh giá, xếp loại hàng năm của cán bộ, viên chức, người lao động ( 3.2.03-QĐ số 657/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 về việc ban hành qui chế thi đua khen thưởng trường CDNLĐB).

Công tác đánh giá viên chức hoàn thành nhiệm vụ trong năm được thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn của Luật Công, Viên chức, có sự đánh giá của lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân mỗi giáo viên tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua ( 3.2.04 – Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ năm 2020; 2021; 3.2.05 - Bản tự kiểm điểm, đánh giá cuối năm

*của giảng viên ngành CNTY hàng năm; 1.2.03 - Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 – 2020; 2020-2021; Trong 2 năm học vừa qua, kết quả phân loại thi đua của nhà giáo giảng dạy nghề CNTY trình độ trung cấp được thể hiện:*

Năm học 2019-2020: Có 6/6 nhà giáo được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có 1 nhà giáo đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 01 nhà giáo được cấp Giấy khen của trường; 6/6 nhà giáo được phân loại A (phân loại theo quy định của TT 08/2017/TT-BLĐT BXH).

Năm học 2020-2021: Có 6/6 nhà giáo được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có 1 nhà giáo đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 1 nhà giáo được cấp Giấy khen của trường; Bộ; 6/6 nhà giáo được phân loại A (phân loại theo quy định của TT 08/2017/TT-BLĐT BXH).

Khoa CNTY không có giáo viên nào vi phạm các quy định về nội quy, kỷ luật của trường, đảm bảo 100% nhà giáo của khoa hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà trường giao cho (1.2.02 – Các báo cáo tổng kết năm học 2019-2020; 2020-2021 của Khoa CNTY).

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.***

Chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp có tổng số 22 mô-đun, môn học trong đó có 6 môn học chung; 16 môn học và mô-đun kỹ thuật cơ sở và chuyên môn (1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành nghề đào tạo Chăn nuôi Thú y Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp đều có đủ giáo viên đứng lớp, không tính môn học Giáo dục quốc phòng sẽ do Trung tâm Giáo dục quốc phòng thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐT BXH ngày 05/11/2015 (3.1.01 - Danh sách giáo viên giảng dạy

chương trình đào tạo nghề CNTY). Số lượng giáo viên, giảng viên cơ hữu của khoa CNTY đảm nhận giảng dạy 100% chương trình của nghề đào tạo.

Trường đã biên chế thành các lớp theo nhóm nghề và cấp trình độ đào tạo theo đúng qui định, đảm bảo lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV, lớp học thực hành không quá 18 HSSV đối với nghề bình thường (2.2.03 - Kế hoạch đào tạo lớp Trung cấp CNTY của Khóa học 2019-2022; 2.2.05 - Kế hoạch giáo viên năm học năm học 2019-2020; 2020-2021 của khoa CNTY; 3.3.01- Danh sách các lớp Trung cấp CNTY năm học 2019 – 2020; 2020-2021).

Công tác giảng dạy của Nhà trường hàng năm đã thực hiện theo các chế độ làm việc của giáo viên trong Quy định về chế độ làm việc của giáo viên hàng năm, trên cơ sở của thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng LĐTB&XH - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể giáo viên cơ hữu có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/2 số giờ tiêu chuẩn; giáo viên kiêm chức có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/3 số giờ tiêu chuẩn (3.2.02 - Quyết định số 127/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; 3.3.02 - Bảng thống kê giờ giảng của các giáo viên khoa CNTY năm 2019-2020; 2020-2021; 3.3.03 - Bảng thanh toán tiền vượt giờ của giáo viên khoa CNTY 2019-2020; 2020-2021)

Thông qua bảng tính số liệu qui đổi số lượng người học, nhà giáo giảng dạy khoa CNTY trong 2 năm gần đây cho thấy Khoa CNTY đảm bảo tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định ( 3.3.04 - Bảng qui đổi số lượng người học, nhà giáo dạy nghề CNTY trình độ trung cấp trong 2 năm gần đây).

Số lượng người học nghề CNTY trình độ trung cấp trong các năm:

- Năm học 2019-2020: Có 172 học sinh trong các khóa (TC57, TC58, TC59). Qui đổi là: 112 học sinh

- Năm học 2020-2021: Có 165 học sinh trong các khóa (TC58, TC59, TC60) .Qui đổi là: 109 học sinh.

Số nhà giáo quy đổi của khoa CNTY trong 2 năm học vừa qua là:

Năm học 2019-2020 có 06 nhà giáo. Qui đổi là 5.67 nhà giáo

Năm học 2020-2021 có 06 nhà giáo. Qui đổi là 5.67 nhà giáo

Tỷ lệ người học/nhà giáo là

Năm học 2019-2020: 19.75 học sinh/ nhà giáo

Năm học 2020-2021 19.22 học sinh/ nhà giáo

Như vậy tỷ lệ học sinh/nhà giáo giảng dạy chương trình CNTY trình độ trung cấp của khoa CNTY đúng theo qui định của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tỷ lệ học sinh, sinh viên/giáo viên, giảng viên tối đa là 25)

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.***

Các nhà giáo Khoa CNTY rất nhiệt tình tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi giáo viên dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức sản xuất. Cụ thể, đã có nhiều giáo viên tham gia hội thi thiết bị tự làm các cấp, thi tay nghề giỏi, nhà giáo dạy giỏi các cấp đều đạt giải cao, hăng say trong hoạt động NCKH ( 2.6.06 - Các báo cáo hiệu quả sử dụng của các thiết bị, đề tài nghiên cứu của các khoa nghề các năm; 2.6.07 - Đánh giá của Hội đồng Sáng kiến về hiệu quả của các sáng kiến hàng năm; 2.6.08 - Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2019 -2020;2020-2021; 2.6.09 - Quyết định số 764/QĐ-LĐTĐ ngày 30/05/2019 về việc tặng giấy khen, Cờ cho các tập thể, nhóm tác giả và cá nhân đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh năm 2019);  
Cụ thể:

***Năm học 2019 – 2020 có:*** có 5 nhà giáo tham gia dạy giỏi. Trong đó có:

02 nhà giáo tham gia sáng kiến cải tiến cấp trường

01 nhà giáo tham gia dự thi giáo viên dạy giỏi cấp trường và đạt giải ba..

04 nhà giáo tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Quảng Ninh.

***Năm học 2020-2021 có:*** 03 nhà giáo tham gia dạy giỏi. Trong đó có:

02 nhà giáo tham gia sáng kiến cải tiến cấp trường

02 nhà giáo tham gia dự thi giáo viên dạy giỏi cấp trường và 01 giáo viên đạt giải cấp tỉnh, Bộ

Qua những thành tích đã đạt được trong 2 năm học vừa qua cho thấy trên 50% nhà giáo giảng dạy nghề CNTY trình độ trung cấp của khoa CNTY tham gia đầy đủ hội giảng cấp cơ sở ( 3.4.01 - *Kế hoạch tổ chức Hội thi nhà giáo giáo dục năm học năm học 2019 - 2020; 2020-2021; 2.6.09 - Báo cáo về việc tham dự hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường, tỉnh, bộ năm học 2019-2020; 2020-2021*).

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.***

Nhà trường đã có những quy định về các chế độ, chính sách tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ giáo viên tham gia học tập trong và ngoài nước. Trường đã có quy định rõ ràng cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của người tham gia hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời trong các văn bản của Nhà trường có quy định về việc hỗ trợ tài chính cho nhà giáo tham gia học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ (3.5.01- *Các quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, kèm theo Quy chế chi tiết năm 2020; 2021*).

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, giáo viên (3.5.02 – *Các bản kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2020; 2021*). Thông qua đó, mỗi giáo viên sẽ đăng ký những nội dung mà bản thân muốn học tập, bồi dưỡng (3.5.03 - *Các Bản kế hoạch về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021*). Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, các khoa, bộ môn căn cứ nhiệm vụ cụ thể của khoa, số lượng giáo viên từng khoa và kế hoạch của khoa để cử từng đối tượng giáo viên tham gia khóa đào tạo hay bồi dưỡng (3.5.04 - *Các quyết định cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021*). Sau mỗi năm học, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên thường được tổng kết đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học (3.5.05 - *Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của Trường năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021*).

Kết quả thống kê cho thấy trong 2 năm học từ 2019 đến 2021 số nhà giáo giảng dạy nghề CNTY trình độ trung cấp được cử đi học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy như sau:

Năm học 2019 – 2020: Trong số 06 nhà giáo, có 01 nhà giáo tham gia học tập nâng cao trình độ; 01 học trung cấp chính trị; 01 nhà giáo tham gia khóa tập huấn dành cho cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

Năm học 2020-2021: Trong số 06 nhà giáo, có 01 nhà giáo tham gia học tập nâng cao trình độ.

Như vậy, trong 2 năm học gần đây, hằng năm đều có nhà giáo giảng dạy nghề CNTY trình độ trung cấp của Nhà trường được cử đi học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.***

Căn cứ theo Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (3.2.01 - Quyết định số 62/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; 3.2.02- Quyết định số 127/QĐ-CDNLDB-TCHC ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý tham gia giảng dạy), giáo viên đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định bắt buộc và được bố trí 4 tuần/năm. Trường có các chế độ chính sách hỗ trợ nhà giáo thực hiện việc đi thực tập tại các đơn vị (3.5.01 - Các quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, kèm theo Quy chế chi tiết năm 2020; 2021).

Hằng năm, phòng Đào tạo kết hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức cho học sinh có thời gian đến các đơn vị sử dụng lao động rèn luyện kỹ năng nghề; giáo viên của Khoa thực tập rèn luyện nâng cao tay nghề phải có đề cương kèm theo kế hoạch thực tập của HSSV tại các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ. Ngoài việc quản lý, hướng dẫn người học tại nơi thực tập, nhà giáo có cơ hội thâm nhập thực tế để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức sản xuất (3.6.01 - Kế hoạch đi thực tế và học tập kinh nghiệm của Khoa



*Chăn nuôi thú y tại các đơn vị sử dụng lao động năm 2020; 2021); (3.6.02- Các Quyết định về việc cử giáo viên đi thực tế và học tập kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y năm 2020; 2021).*

Sau mỗi đợt thực tập, nhà giáo và người học đều phải có báo cáo kết quả thực tập có ý kiến đánh giá kết quả rèn nghề của cán bộ tại đơn vị mà nhà giáo và người học đến thực tập (3.6.03: *Báo cáo kết quả đi thực tế và học tập kinh nghiệm về chăn nuôi, thú y của Khoa CNTY năm 2020; 2021*) (3.6.04 – *Các hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các cơ sở lao động năm 2020; 2021*).

Căn cứ vào các bản kế hoạch và quyết định cử thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động và căn cứ vào số nhà giáo của Khoa CNTY trong năm học 2 năm 2019-2021 là 5 nhà giáo (trừ 1 giáo viên đang đi học Tiến sĩ ở nước ngoài) cho thấy tỷ lệ giáo viên của Khoa đi thực tập trong 2 năm gần đây là 100%.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.***

Năm 2021; 100% cán bộ quản lý và nhân viên tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành CNTY đều đạt chuẩn chuyên môn và nghiệp vụ theo quy định trong Điều lệ trường Cao đẳng. Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, trình độ về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước đúng qui định; có kinh nghiệm trong công tác quản lý, lãnh đạo. (3.7.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành CNTY trình độ trung cấp*; 3.7.02 - *Hồ sơ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành CNTY*).

Cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp thuộc Khoa CNTY, khoa Khoa học cơ bản và các Phòng chức năng gồm: Đào tạo, Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Công tác sinh viên; Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kiểm định - Khoa học và Hợp tác quốc tế và phòng Quản lý thiết bị và đầu tư. Cụ thể như sau:

**Năm học 2019 – 2020:** 13 CBQL, 17 nhân viên đều đáp ứng đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Cụ thể:

**Cán bộ quản lý** (13 người) đều có trình độ về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước đúng qui định.

- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 01 người; Thạc sỹ: 06 người; Đại học: 06;
- Chứng chỉ tiếng Anh: 01 cử nhân; 06 B1, 5 B; 01 C;
- Chứng chỉ Tin học: 01 thạc sỹ, 01 THUDCB; 10 B;
- 12 chứng chỉ NVSP dạy nghề; 01: chứng chỉ Kế toán trưởng;

**Nhân viên** (17 người):

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 08 người; Đại học: 3; Trung cấp: 06;

- Chứng chỉ tiếng Anh: 03 B1, 10 B; 01 C; 05 A;
- Chứng chỉ Tin học: 01 thạc sỹ, 05 THUDCB; 07 B; 04 A;
- 04 chứng chỉ NVSP dạy nghề; 14 nhân viên còn lại không liên quan đến chuyên môn nghề.

**Năm 2020-2021:** 12 CBQL, 18 nhân viên đều đáp ứng đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Cụ thể:

**Cán bộ quản lý** (12 người) đều có trình độ về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước đúng qui định.

- Trình độ chuyên môn: 01 Tiến sĩ; Thạc sỹ: 07 người; Đại học: 04;
- Chứng chỉ tiếng Anh: 01 cử nhân; 07 B1, 03 B; 01 C;
- Chứng chỉ Tin học: 01 thạc sỹ, 01 THUDCB; 10 B;
- 11 chứng chỉ NVSP dạy nghề; 01: chứng chỉ Kế toán trưởng;

**Nhân viên** (17 người):

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 07 người; Đại học: 03; Cao đẳng: 01 Trung cấp: 06;

- Chứng chỉ tiếng Anh: 03 B1, 9 B; 05 A;
- Chứng chỉ Tin học: 01 thạc sỹ, 05 THUDCB; 07 B; 04 A;
- 04 chứng chỉ NVSP dạy nghề; 13 nhân viên còn lại không liên quan đến chuyên môn nghề.

Kết quả phân tích trên đây cho thấy 100% CBQL và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện CTĐT CNTY đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, tiếng Anh theo qui định.

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.**

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp gồm: Năm học 2019-2020 có 13 CBQL và 17 nhân viên. Năm học 2020-2021 có 12 CBQL; 18 nhân viên, tất cả đều được nhà trường đánh giá hoàn thành, hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm, thông qua công tác thi đua, khen thưởng (3.7.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp thực hiện chương trình đào tạo ngành CNTY năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021; 3.8.01 – Các Quyết định khen thưởng năm học của Hiệu trưởng CĐNLDB năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021)

Kết quả đánh giá công chức, viên chức cán bộ quản lý, nhân viên Nhà trường trong các năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021 cho thấy tất cả CBQL, giáo viên, giảng viên, Nhân viên của toàn trường đều đạt danh hiệu từ LĐTT trở lên (hoàn thành nhiệm vụ trở lên). Đối chiếu với Điều 7. Danh hiệu lao động tiên tiến - Quy định tiêu chuẩn hoàn thành nhiệm vụ và những nội dung khác để xét LĐTT của Quy chế thi đua khen thưởng (3.2.03 - Quyết định số 277/QĐ-CĐNLDB-TCHC ngày 28/5/2021 về việc ban hành quy chế thi đua khen thưởng trường CĐNLDB) cho thấy: 100% CBQL và nhân viên của Trường hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Nhiều cán bộ quản lý đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và được tặng Bằng khen của Bộ trưởng về chỉ đạo các đơn vị, bộ phận thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của đơn vị, bộ phận.

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

#### **2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình**

##### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 4**

Chương trình đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Chương trình đào tạo có nội dung đáp ứng được yêu cầu của đơn vị dụng lao động, phù hợp với nhu cầu của người học sẽ là điều kiện tiên quyết để tạo thuận lợi cho công tác tuyển sinh hàng năm của trường.

##### **• Những điểm mạnh**

Chương trình đào tạo CNTY được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra, phù hợp với các quy định, sứ mạng của nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể chương trình đào tạo. Các môn học/mô đun trong chương trình đào tạo đảm bảo tính logic, hợp lý. Đề cương chi tiết của các môn học/mô đun được xây dựng theo quy định của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Tỷ lệ số giờ lý thuyết, thực hành theo quy định của thông tư phù hợp với hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho người học.

Chương trình đào tạo luôn được cập nhật, bổ sung đổi mới nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, trong đó nổi bật nhất là các ngành trọng điểm quốc gia, Asean và quốc tế, thể hiện sự gắn kết giữa chương trình đào tạo với thị trường lao động. Thực tế yêu cầu về chất lượng lao động của các đơn vị sử dụng lao động là cơ sở để xác định nội dung của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo tốt thì hoạt động đào tạo có chất lượng cao, cung cấp lại cho đơn vị sử dụng lao động đội ngũ lao động có tay nghề cao, chất lượng hiệu quả tốt khi làm việc.

Giáo trình và tài liệu giảng dạy đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực; định kỳ có ý kiến đóng góp xây dựng của giáo viên và HSSV, cán bộ quản lý doanh nghiệp để điều chỉnh nội dung của giáo trình.

Giáo trình biên soạn đều lấy ý kiến đóng góp của giáo viên, chuyên gia một số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, HSSV đáp ứng yêu cầu về nội dung và đổi mới phương pháp dạy học.

#### • **Những tồn tại**

Hệ thống mạng Internet ngày càng phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng mạnh đặc biệt việc tìm kiếm thông tin trên mạng ngày càng dễ dàng dẫn tới việc người học xa rời thư viện sách mà gần gũi hơn với thư viện điện tử. Do việc cảm nhận xu hướng của người học tiếp cận thông tin thông qua mạng internet là chính nên công tác mua sắm tài liệu giảng dạy, tham khảo nhằm phục vụ cho học sinh, giáo viên tra cứu,

tham khảo còn chưa được đầu tư thật nhiều mà nhà trường tăng cường trang bị thêm hệ thống mạng Wifi tạo điều kiện cho người học tra cứu thông tin trên mạng.

Thời gian đào tạo Nghề CNTY của trường được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp phép đào tạo chưa được nhiều năm, giáo trình giảng dạy cho mỗi môn học/mô đun của chương trình mặc dù đã đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho công tác giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh, có những giáo trình mua ngoài, có những giáo trình dùng cho nội bộ do giáo viên của trường biên soạn do vậy giáo trình dùng cho đào tạo trung cấp nghề CNTY để đảm bảo chất lượng cao thì còn cần phải có sự thay đổi nhiều.

#### **• Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Năm học tới sử dụng các môn học/mô đun tự chọn để linh hoạt lựa chọn, thay đổi các môn học/mô đun chuyên sâu mới trong chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Rà soát, xây dựng đề cương chi tiết môn học, mô đun theo xu hướng rèn luyện kỹ năng thực hành, cụ thể hóa hơn đối với rèn luyện kỹ năng tay nghề trong từng nội dung của các môn học, mô đun. Đồng thời Khoa CNTY hoàn thành việc xây dựng ngân hàng đề thi, đa dạng hóa phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần, tăng cường hình thức kiểm tra đánh giá kỹ năng tay nghề của người học hơn là kiểm tra bằng lý thuyết.

Thực hiện việc đưa các chương trình đào tạo của nhà trường lên website của trường, đồng thời xây dựng chuyên mục lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo trên website để các nhà tuyển dụng lao động, cựu HSSV, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác có điều kiện thuận lợi đóng góp ý kiến về các chương trình đào tạo của nhà trường. Bên cạnh đó, nhà trường sẽ tăng cường nhận thức cho tập thể cán bộ, giảng viên của nhà trường về sự cần thiết và nguyên tắc của việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo để chỉ đạo và tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả.

Tăng cường khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực tham gia biên soạn, rà soát chỉnh sửa giáo trình để nguồn giáo trình, tài liệu tham khảo của ngành CNTY được phong phú, là cơ sở để cho HSSV học tập, tìm hiểu và nghiên cứu.

Thay đổi nội dung quy chế tính khối lượng làm việc của giáo viên theo hướng khuyến khích các nhà giáo viết giáo trình phục vụ giảng dạy, tham khảo cho môn học, mô đun, đảm bảo 100% môn học, mô đun có đủ giáo trình.

#### **Điểm đánh giá tiêu chí 4**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 4</b>	<b>24</b>
Tiêu chuẩn 4.1	2
Tiêu chuẩn 4.2	2
Tiêu chuẩn 4.3	2
Tiêu chuẩn 4.4	2
Tiêu chuẩn 4.5	2
Tiêu chuẩn 4.6	2
Tiêu chuẩn 4.7	2
Tiêu chuẩn 4.8	2
Tiêu chuẩn 4.9	2
Tiêu chuẩn 4.10	2
Tiêu chuẩn 4.11	2
Tiêu chuẩn 4.12	2

#### ***Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định***

Từ ngày 1/1/2017 trường chịu sự quản lý về chuyên môn và hoạt động theo điều lệ trường Cao đẳng theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Năm 2017, căn cứ vào công văn 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/1017 của Tổng cục dạy nghề về Hướng dẫn, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, Trường lập kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, trong đó có nghề CNTY trình độ trung cấp (4.1.01 – Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo các nghề trình độ cao đẳng, trung cấp năm 2017). Tháng 3/2017,

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1 tháng 3 năm 2017, Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng. Căn cứ vào đó, năm 2018 Trường xây dựng quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo (4.1.02 – Quyết định số 648/QĐ-CDNLĐB-KTĐBCL ngày 20/0/2018 về việc ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo Quy trình).

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa chương trình gồm 14 bước: (1) Xác định yêu cầu, (2) Phân công giáo viên, chuyên gia xây dựng CT, (3) Xây dựng kế hoạch, (4) Phê duyệt, (5) Tập huấn triển khai kế hoạch, (6) Thiết kế chương trình, (7) Biên soạn chương trình, (8) Hội thảo xin ý kiến góp ý, (9) Hoàn chỉnh dự thảo CT (10) Thành lập hội đồng thẩm định, (11) thẩm định chương trình, (12) Điều chỉnh theo yêu cầu của HĐTD (13) Ban hành CT; (14) Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ.

Năm 2018, để đáp ứng sự thay đổi của công nghệ, nhu cầu lao động, Trường xây dựng Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp (1.1.07 – Kế hoạch số 662/KH-CDNLĐB-ĐT ngày 10/9/20218 về rà soát, chỉnh sửa, cập nhật bổ sung chương trình đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp)

Khi xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo, trường thành lập Ban xây dựng chương trình trung cấp CNTY gồm 9 thành viên. Các thành viên là những cán bộ, giáo viên có năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu quy định (4.1.03- Quyết định số 82/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 02/02/2017 thành lập ban xây dựng CTĐT năm 2017, kèm theo danh sách thành viên; 4.1.04-Quyết định thành lập ban rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi Thú y năm 2018). Ban xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề trung cấp CNTY, tổ chức thực hiện xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo, sau đó phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức các buổi hội thảo xây dựng chương trình. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo nhà trường đã mời ông: Nguyễn Xuân Quỳnh và Trần Hòa tham gia góp ý vào chương trình đào tạo, sự đóng góp của các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành giúp cho trường điều chỉnh chương trình theo sát với thực tế (4.1.05 - Thư mời đại diện doanh nghiệp góp ý dự thảo chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp; 4.1.06 - Biên bản hội

*thảo về chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019; 4.1.07 - Bản góp ý kiến về chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019).*

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội Đồng thẩm định chương trình đào tạo gồm 11 thành viên, các thành viên trong Hội đồng thẩm định là các nhà giáo có kinh nghiệm giảng dạy chuyên môn, đại diện doanh nghiệp có sử dụng lao động, gồm ông/bà...(doanh nghiệp) (4.1.08 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017,2019*). Hội đồng thẩm định đã thực hiện đúng chức năng và các nội dung thẩm định đều được lập biên bản (4.1.09 - *Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét*).

Ban xây dựng tiến hành hoàn chỉnh theo biên bản thẩm định, trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo (1.1.01 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, kèm theo bộ chương trình đào tạo chi tiết; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*)

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện xây dựng chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi thú y theo đúng quy định của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo***

Đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của trường, vì vậy, trong xây dựng chương trình, giáo trình giảng dạy, Trường luôn quan tâm đến việc mời đại diện các đơn vị sử dụng lao động tham gia. (4.1.03 - *Quyết định số 82/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 02/02/2017 thành lập ban xây dựng CTĐT năm 2017, kèm theo danh sách thành viên; 4.1.04 - Quyết định thành lập ban rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2018; 4.1.05 - Thư mời đại diện doanh nghiệp góp ý dự thảo chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp; 4.1.06 - Biên bản hội thảo về chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung*



cấp năm 2017, 2019; 4.1.07-Bản góp ý kiến về chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019).

Khi thẩm định chương trình, trường mời đại diện các doanh nghiệp tham gia hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề CNTY gồm 17 thành viên:

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chức danh</b>
1	Nguyễn Ngọc Thụy	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Dương Trung Hiếu	Phó hiệu trưởng-Chủ tịch Công đoàn	PCT thường trực
3	Phan Thanh Lâm	Phó hiệu trưởng-Bí thư Đảng ủy	P. Chủ tịch
4	Nguyễn Hữu Lâm	Trưởng phòng KĐKHHTQT	Thư ký
5	Phạm Tùng Đông	Trưởng phòng Công tác sinh viên	Ủy viên
6	Đào Thanh Giang	Phó trưởng phòng TC-HC	Ủy viên
7	Vũ An Bình	Tr. Phòng Đào tạo	Thư ký
8	Ngô Thị Minh Uyên	Tr. Phòng TCKT	Ủy viên
9	Vũ Thị Hồng Hạnh	Tr. Phòng Quản lý TB và ĐT	Ủy viên
10	Mai Thị Thanh Nga	Tr. Khoa Chăn nuôi – Thú y	Ủy viên
11	Trần Xuân Thủy	Tr. Khoa KHCB	Ủy viên
12	Nguyễn Đức Long	Giám đốc TT TS và tư vấn việc làm	Ủy viên
13	Vũ Việt Hà	Trưởng Bộ môn Chăn nuôi	Ủy viên
14	Mai Anh Tùng	Giáo viên khoa Chăn nuôi – Thú y	Ủy viên
15	Đỗ Thị Nhung	Chuyên viên phòng KĐKHHTQT	Ủy viên
16	Nguyễn Xuân Quỳnh	Trưởng vùng Quảng Ninh, công ty cổ phần dinh dưỡng Hồng Hà, khu công nghiệp Đồng Văn- Hà Nam	Ủy viên
17	Trần Hòa	Trần Hòa, giám đốc công ty cổ phần khai thác khoáng sản Thiên Thuận Tường Quảng Ninh, là thành viên Hội đồng trường	Ủy viên

(4.2.01 - Thư mời đại diện doanh nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định chương trình; 4.1.08 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017;2019). Hội đồng thẩm định tiến hành nhận xét, đánh giá, thống nhất đối với chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ TC, đồng thời góp ý bổ sung một số nội dung cho phù hợp thực tiễn nghề nghiệp, Ban xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện trước khi ban hành (4.1.09 - Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét; 1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 -Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát Doanh nghiệp, giảng viên về chương trình đào tạo trong đó có nghề CNTY trình độ TC và kết quả cho thấy việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, thẩm định chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp của Trường được thực hiện đúng theo quy định đã được ban hành.

Kết quả khảo sát:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
CTĐT có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT	Giảng viên	2019-2020	41	2.4%	61.0%	36.6%
		2020-2021	51	0.0%	74,5%	11,8%

(2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021)

Như vậy, việc thực hiện việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, thẩm định chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp của Trường được thực hiện đúng theo quy định đã được ban hành.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp***

Khi xây dựng chương trình đào tạo, Trường đã xây dựng và có quyết định ban hành chuẩn đầu ra (4.3.01 – *Quyết định số 581/QĐ/CĐNLĐB-ĐT ngày 29/08/2019, cho về việc ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng và Trung cấp của Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*). Chuẩn đầu ra của chương trình trung cấp CNTY đã quy định rõ các chuẩn đầu ra về: Kiến thức; Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp có thể đảm nhận; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Chuẩn đầu ra của nghề CNTY trình độ trung cấp là cơ sở để Trường xây dựng chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp. Khi thực hiện chương trình đào tạo thì những học sinh tốt nghiệp ra trường phải đáp ứng được yêu cầu của chuẩn đầu ra đã được xây dựng (4.3.02 - *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo CNTY trình độ trung cấp*)

Trong Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, Trường đã quy định rõ (Bước 6) yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu thông qua thời lượng của chương trình phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH. Chương trình nêu rõ yêu cầu về năng lực người học thông qua mục tiêu đào tạo về: Kiến thức, Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm,... mà người học phải đạt được ở từng mô đun/môn học, quy định tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành .... (4.1.02 - *Quyết định số 648/QĐ-CĐNLĐB-KTĐBCL ngày 20/8/2018 về việc ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018; kèm theo Quy trình*).

Chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019, cho thấy mục tiêu của chương trình (mục 1) bao gồm mục tiêu chung (1.1) và mục tiêu cụ thể (1.2). Mục tiêu cụ thể trong chương trình đào tạo bao gồm các mục tiêu về: kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong chương

trình các mô đun/môn học của chương trình đào tạo cũng được chỉ rõ mục tiêu của mỗi mô đun/môn học và mục tiêu của từng chương, bài: Về kiến thức; kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học sau mỗi chương.( 1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát HSSV, giảng viên, doanh nghiệp về chương trình đào tạo trong đó có nghề CNTY trình độ TC và kết quả cho thấy chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp đã đạt được yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt, cụ thể:.

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Ko Đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp	Giảng viên	2019-2020	41	4.9%	61.0%	36.6%
		2020-2021	51	5,9%	47,1	47,1%

(2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021)

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp**

Trong Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường đã quy định rõ (Bước 6), yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu thông qua thời lượng của chương trình phù hợp với quy định trong Thông tư số 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH. Trước khi xây dựng khung chương trình đào tạo phải

xây dựng được chuẩn đầu ra là năng lực làm việc của người học phải đạt được sau khi học xong chương trình đào tạo. Từ chuẩn đầu ra mới chuyển đổi thành các mục tiêu của chương trình về Kiến thức, Kỹ năng; Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm,... mà người học phải đạt được của chương trình đào tạo và của từng mô đun/môn học, quy định tỷ lệ giữa thời gian học lý thuyết và thực hành, thời gian kiểm tra .... (4.1.02 - Quyết định số 648/QĐ-CDNLDB-KTĐBCL ngày 20/8/2018 V/v ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018; kèm theo Quy trình).

Chương trình đào tạo CNTY trình độ trung cấp thường phân bổ các môn chung, các môn học cơ sở trước (trong học kỳ 1, 2), các môn học/mô đun chuyên môn nghề được sắp xếp ở các học kỳ sau (trong học kỳ 3 và 4), các mô đun thực tập thực tế tại cơ sở thường được bố trí trong thời gian hoặc sau khi kết thúc các mô đun chuyên môn nghề đã học (học kỳ 3 và học kỳ 4), thực tập tốt nghiệp được bố trí sau khi đã hoàn thành tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Các chương trình môn học trong chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp đều chỉ rõ vị trí, tính chất của môn học/mô đun, điều kiện tiên quyết hoặc song hành của môn học/mô đun, điều này đảm bảo sự logic, kế thừa các kiến thức, kỹ năng lẫn nhau giữa các môn học/môn học đảm bảo thực hiện mục tiêu chương trình đào tạo và đảm bảo chuẩn đầu ra của nghề CNTY trình độ trung cấp của Trường (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.4.01 - Sơ đồ liên kết và tiến trình đào tạo các MH/MĐ trong chương trình trình độ Trung cấp Chăn nuôi thú y). Trong chương trình đào tạo CNTY trình độ trung cấp nói chung ở mục 3 (Nội dung chương trình) thể hiện rõ thời gian học tập (giờ) của từng MH/MĐ. Nội dung cụ thể đề cương chi tiết của từng MH/MĐ cũng thể hiện rõ thời gian cho từng bài, từng chương, từng mục, thời gian lý thuyết, thời gian thực hành, thời gian kiểm tra.

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát giảng viên, doanh nghiệp về chương trình đào tạo trong đó có nghề CNTY trình độ trung cấp và kết quả cho thấy chương trình đào

tạo nghề CNTY trình độ trung cấp đã đạt được yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020; 2020-2021)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trìnhĐT phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp	Giảng viên	2019-2020	41	63.4%	36.6%
		2020-2021	51	54.9%	45.1%

Như vậy, Chương trình đào tạo CNTY trình độ trung cấp của Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc đã thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo**

Để đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp của nhà trường nói chung và chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp nói riêng, Nhà trường coi trọng các điều kiện về cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giảng viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Điều này được thể hiện chung cho toàn chương trình đào tạo và trong từng mô-đun/môn học.

Đối với yêu cầu về cơ sở vật chất, Căn cứ danh mục máy móc thiết bị từng nghề của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành, Trường đã xây dựng danh mục thiết bị đào tạo cho nghề CNTY trình độ trung cấp. Trong đó thể hiện rõ chủng loại, số lượng các trang thiết bị trang bị cho việc triển khai thực hiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghề CNTY trình độ trung cấp (2.3.02 - Danh mục trang thiết bị tối thiểu nghề trung cấp CNTY). Đối với yêu cầu về đội ngũ giảng viên, trường đã bố trí đầy đủ giảng

viên tham gia giảng dạy tất cả các MH/MĐ nghề CNTY trình độ trung cấp (3.1.01 - Danh sách giảng viên dạy nghề trung cấp CNTY năm học 2019-2020;2020-2021); 2.2.03 - Kế hoạch đào tạo nghề trung cấp CNTY năm học 2019-2020;2020-2021; 2.2.05- Kế hoạch giáo viên năm học 2019-2020;2020-2021).

Tất cả các chương trình môn học/mô đun thuộc chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp của trường được xây dựng theo qui định, trong đó mỗi mô đun, môn học đều thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất về phòng học lý thuyết (và các trang thiết bị trong phòng học lý thuyết); phòng thực hành (và các trang thiết bị trong phòng học thực hành); yêu cầu đối với giảng viên về trình độ đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề,... để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Nội dung này cũng được thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá và góp ý trong Biên bản họp, phiếu nhận xét đánh giá (4.1.09 - Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét; 1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02- Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Kết quả khảo sát lấy ý kiến của HSSV, GV, về các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp cho thấy chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo	Giảng viên	2019-2020	41	4.9%	53.7%	41.5%
		2020-2021	51	7.8%	80.4%	11.8%

### ***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo***

Đối với phương pháp đánh giá kết quả học tập, mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo được Nhà trường quy định trong Quy chế tổ chức đào tạo (Căn cứ vào Thông tư 09/2017 của Bộ Lao động Thương Binh Xã hội về Ban hành quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp) (2.5.01 – Quyết định số 509/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2019 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế). Trong quy chế tổ chức đào tạo, tại Chương III (Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ), nêu rất rõ về hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, số điểm kiểm tra , ...

Kiểm tra toàn bộ chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ TC của trường cho thấy phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học được thể hiện ở Mục V (Nội dung và Phương pháp đánh giá) bao gồm: (1) Nội dung đánh giá: Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; (2) Phương pháp đánh giá: Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, thực hành, bài tập lớn; Điều kiện dự thi kết thúc môn học; Cách tính điểm; Thang điểm: tính theo thang điểm 10 (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02- Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi – Thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Hàng năm, Trường đã thực hiện lấy ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên giảng dạy về phương pháp tổ chức đánh giá và mức độ đánh giá kết quả người học với kết quả đạt được là phù hợp (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021)



Kết quả cụ thể:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo	GV	2019-2020	41	4.9%	46.1%	39.0%
		2020-2021	51	0.0%	54.9%	45.1%

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ**

Để đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn Quảng Ninh và cả nước, Nhà trường xác định Chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển về Nông, Lâm nghiệp của địa phương và đất nước. Khi xây dựng chương trình đào tạo nghề trung cấp CNTY, Trường đã mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành Chăn nuôi thú y và khu vực lân cận, các nhà giáo có thâm niên giảng dạy trong ngành Chăn nuôi thú y tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình nghề CNTY trình độ trung cấp (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 4.1.08 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017,2019; 4.1.09 - Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét)

Trong phần mục tiêu chung, mục tiêu và nội dung chi tiết của từng mô đun, môn học thể hiện của chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp đã thể hiện được sự

phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ theo thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 20/4. Cụ thể: Môn học (Chăn nuôi gia cầm) đã đáp ứng được với nhu cầu sản xuất và tuyển dụng tại công ty TNHH thực phẩm - gà Tân An thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh.

Hàng năm, trường đã thực hiện lấy ý kiến của sinh viên, cán bộ, giáo viên giảng dạy nghề CNTY trình độ trung cấp về chương trình phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ tạo (2.1.11 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021) Kết quả được thể hiện như sau:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ	HSSV	2019-2020	19	0.0%	26.3%	73.7%
		2020-2021	40	7.5%	37.5%	55.0%
	GV	2019-2020	41	2.4%	61.0%	36.6%
		2020-2021	51	3.9%	62.7%	33.3%

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân**

Chương trình đào tạo CNTY trình độ trung cấp của trường có cấu trúc theo các nhóm kiến thức: các môn chung, các mô đun, môn học cơ sở và các mô đun, môn học chuyên môn. Vì thế, việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ khác trong hệ thống giáo dục quốc dân là khá thuận lợi và khả thi: Liên thông ngang và liên thông dọc.

Đối với liên thông ngang: Chương trình đào tạo của trường được phân định rõ: (1) Những môn học chung (6 môn học) áp dụng cho tất cả các ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp; (2) Những môn học cơ sở áp dụng cho những nhóm nghề về nông lâm nghiệp; (3) Những môn học chuyên môn. Như vậy, người học có thể sử dụng kết quả học tập đối với những môn học/mô đun, tín chỉ đã được học trong chương trình đào tạo nghề trung cấp CNTY để được miễn học và chỉ tiếp tục học thêm những những môn học/mô đun, tín chỉ còn lại của chương trình đào tạo các nghề khác trong ngành hoặc ngoài ngành (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Tuy nhiên, đối với liên thông dọc từ trình độ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng ngành CNTY chưa được xây dựng chương trình đào tạo. Nên nhà trường chưa đạt tiêu chuẩn này.

**Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo**

Tháng 3/2017, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1 tháng 3 năm 2017, Qui định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng. Căn cứ vào đó, năm 2018 Trường xây dựng quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo (4.1.02 - Quyết định ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2018; kèm theo Quy trình). Theo đó, Trường đã cho xây dựng Chương trình đào tạo CNTY trình độ trung cấp theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp. Năm 2017 với 32 mô đun/môn học. Năm 2019 Trường thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo có 23 mô đun/môn học. (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-

*CĐNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).*

Số lượng giáo trình của nghề CNTY năm 2019 là 15 giáo trình, năm 2020 bổ sung thêm 5 giáo trình. Các giáo trình đó là các giáo trình của các mô đun, môn học chuyên môn. Như vậy số lượng giáo trình đúng, đủ với từng MH/MĐ của chương trình (4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng cho các MH/MĐ nghề CNTY năm 2017, 2019; 4.9.02 – Danh sách thống kê giáo trình nghề CNTY cho từng môn học, mô đun năm 2017, 2019, 2020; 4.9.03 - Bản in các giáo trình các mô-đun, môn học của nghề CNTY năm 2017, 2019).

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.***

Năm 2018, trường đã xây dựng ban hành quy trình biên soạn, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình. Quy trình này phù hợp với Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1/3/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội (4.10.01-Quyết định số 649/QĐ-CĐNLĐB-KTĐBCL ngày 20/08/2020 về ban hành quy trình biên soạn giáo trình; kèm theo Quy trình). Quy trình xây dựng, chỉnh sửa giáo trình gồm 12 bước: 1. Xác định yêu cầu, 2. Xây dựng kế hoạch, 3. Phê duyệt kế hoạch, 4. Tập huấn triển khai kế hoạch, 5. Thiết kế cấu trúc giáo trình, 6. Xin ý kiến góp ý về cấu trúc giáo trình, 7. Biên soạn giáo trình, 8. Hội thảo xin ý kiến, 9. Chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo GT, 10. Thẩm định GT, 11. Ban hành GT, 12. Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ.

Hệ thống Giáo trình trong Chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp của trường được sử dụng từ 2 nguồn:

Nguồn 1: Trường sử dụng các giáo trình do TCGDNN ban hành (gồm có 6 giáo trình cho các môn học chung). Trường lựa chọn các giáo trình của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Năm 2019, Nghề CNTY lựa chọn 15 giáo trình và năm 2020 là 5 giáo trình. Đối với loại này, việc lựa chọn giáo trình được thực hiện theo quy trình: (1) Khoa nghiên cứu đề xuất danh mục giáo trình lựa chọn, (2) Trường tổ chức thẩm định giáo trình, (3) Trường ban hành Quyết định sử dụng giáo trình lựa chọn. Những giáo trình được lựa

chọn này nếu chưa khớp hoàn toàn với Chương trình MH/MĐ đã xây dựng thì Trường yêu cầu giảng viên biên soạn giáo trình sử dụng nội bộ trên cơ sở Giáo trình đã lựa chọn và các tài liệu tham khảo phù hợp với Chương trình MH/MĐ của chương trình đào tạo CNTY đã ban hành.

Nguồn 2: Trường tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình (chủ yếu là các giáo trình sử dụng nội bộ) được thực hiện theo quy trình: (1) Khoa đề xuất danh mục giáo trình cần biên soạn và ban biên soạn giáo trình, (2) Trường thành lập ban biên soạn giáo trình, (3) Tổ chức biên soạn giáo trình, (4) Trường tổ chức thẩm định giáo trình, (5) Trường ban hành Quyết định sử dụng giáo trình đã biên soạn.

Năm 2017, căn cứ thông tư 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và thông tư 12/2017/TT- BLĐTBXH ngày 20/4/2017, trường đã tổ chức, xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình trong đó có chương trình CNTY trình độ trung cấp. Năm 2019 chương trình đào tạo nghề trung cấp CNTY được chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu thực tế (*1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CĐNLDB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CĐNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc*).

Trên cơ sở chương trình được xây dựng, chỉnh sửa, trường đã tổ chức biên soạn, hoặc lựa chọn giáo trình từ các nguồn khác. Năm 2019, trường lựa chọn 15 giáo trình sử dụng cho nghề CNTY trình độ trung cấp gồm: Giải phẫu sinh lý vật nuôi, dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi, giống và truyền giống, dược lý thú y, chẩn đoán và điều trị bệnh, luật chăn nuôi, chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi trâu bò, chăn nuôi chó mèo, chăn nuôi dê thỏ, ký sinh trùng, Ngoại sản khoa, VSV và bệnh truyền nhiễm, kiểm nghiệm súc sản

Năm 2020, một số giáo trình lựa chọn của năm 2017 có sự thay đổi về công nghệ mới vì vậy trường lựa chọn 05 giáo trình sử dụng cho nghề CNTY trình độ trung cấp cho phù hợp gồm: Luật Chăn nuôi, Chăn nuôi trâu bò; Chăn nuôi dê thỏ, Ký sinh trùng; Ngoại sản khoa (*4.10.02 - Kế hoạch lựa chọn danh mục giáo trình, tài liệu năm 2017,*

2019; 4.10.03 - Biên bản họp đề xuất lựa chọn danh mục giáo trình, tài liệu nghề trung cấp CNTY năm 2017, 2019; 4.10.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017, 2019; 4.10.05 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định lựa chọn giáo trình năm 2017, 2019, kèm phiếu đánh giá; 4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng năm 2019, 2020 kèm theo danh sách).

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực**

Khi biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, các nhà giáo của Khoa căn cứ mục tiêu của chương trình đào tạo của nghề CNTY trình độ trung cấp. Nội dung của giáo trình giải quyết vấn đề hình thành và nâng cao năng lực cho người học theo hướng đảm bảo các mục tiêu cần đạt được của chương trình đào tạo (1.1.01 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Giáo trình của nghề CNTY trình độ trung cấp thể hiện rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của từng bài (về Kiến thức, Kỹ năng và Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm) (4.10.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017, 2019; 4.10.05 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định lựa chọn giáo trình năm 2017, 2019, kèm phiếu đánh giá; 4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng năm 2017, 2019, kèm theo danh sách; 4.9.02 - Danh sách thống kê giáo trình nghề CNTY cho từng môn học, mô-đun năm 2017, 2019; 4.9.03 - Bản in các giáo trình các mô-đun, môn học của nghề CNTY năm 2017, 2019).

Căn cứ vào chương trình mô-đun, môn học, Nhà trường đã biên soạn giáo trình Nghề CNTY trình độ Trung cấp và đã được công bố trong chương trình đào tạo. Các giáo trình đã cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo. Trong số đó có những Giáo trình được thực hiện triển khai

theo phương pháp tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp cho sinh viên dễ nắm bắt, thực hiện đúng quy trình và nhớ được quy trình thực hiện các thao tác chuyên môn nghiệp vụ.

Hàng năm, trường đã lấy ý kiến của nhà giáo, sinh viên về nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, kết quả thu được là các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (2.1.11 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021) Kết quả được thể hiện như sau:

Nội dung lấy ý kiến	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	Giảng viên	2019-2020	41	0.0%	65.9%	34.1%
		2020-2021	51	9.8%	68.6%	21.6%
	HSSV	2019-2020	19	0.0%	26.3%	73.7%
		2020-2021	40	0.0%	42.5%	57.5%

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

Để đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn Quảng Ninh và cả nước, Trường xác định Chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển về Nông lâm nghiệp của địa phương và đất nước. Khi xây dựng chương trình đào tạo nghề trung cấp CNTY, Trường đã mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp trên địa bàn Quảng Ninh và khu vực lân cận, các nhà giáo có thâm niên giảng dạy trong ngành Nông lâm tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình nghề CNTY (4.1.10 - Các biên bản họp hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề CNTY trình độ trung cấp năm 2017, 2019; kèm phiếu nhận xét; 1.1.01 - Chương trình đào tạo

trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y năm 2017, Ban hành kèm theo quyết định số 164/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; 1.1.02 - Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề Chăn nuôi thú y, Ban hành kèm theo quyết định số 231/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Khi biên soạn, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, Khoa căn cứ vào chương trình đào tạo của nghề CNTY trình độ trung cấp để lựa chọn giáo trình từ các nguồn khác hoặc tự biên soạn. Nội dung của giáo trình đảm bảo đảm bảo phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cập nhật được công nghệ mới vào giáo trình thể hiện rõ ở mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của từng bài, từng chương phù hợp với mục tiêu trong chương trình mô đun, môn học đã xác định trong chương trình đào tạo, đảm bảo chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo (4.10.04 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định lựa chọn giáo trình năm 2017, 2019, kèm phiếu đánh giá; 4.10.05 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019, kèm phiếu đánh giá; 4.9.01 - Các Quyết định ban hành danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun năm 2017, 2019; 4.9.02 – Danh sách thống kê giáo trình nghề CNTY cho từng môn học, mô đun năm 2017, 2019, 2020; 4.9.03 - Bản in các giáo trình các mô-đun, môn học của nghề CNTY năm 1017, 2019)

Hàng năm, trường đã lấy ý kiến của nhà giáo, về nội dung giáo trình phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không Hải lòng	Hải lòng	Hoàn toàn đồng ý
Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	Giảng viên	2019-2020	41	2.4%	63.4%	34.1%
		2020-2021	51	9.8%	70.6%	19.6%
	HSSV	2019-2020	19	0.0%	31.6%	68.4%
		2020-2021	40	0.0%	47.5%	52.5%

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**



## **2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 5**

Đặc điểm của đào tạo nghề là thời gian thực hành rèn luyện kỹ năng nghề chiếm hơn một nửa thời lượng của mỗi môn học/mô đun. Được sự quan tâm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nhà trường đã không ngừng xây dựng hệ thống cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm, mô hình thiết bị đào tạo tự làm, thiết bị, dụng cụ...) để giáo viên ngành CNTY có đủ điều kiện cơ sở vật chất giảng dạy, nghiên cứu khoa học và giúp cho học sinh, sinh viên có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghề thuộc lĩnh vực CNTY, đáp ứng được mục tiêu đào tạo của chương trình.

#### ***1. Những điểm mạnh***

Trường có đủ phòng học, phòng chuyên môn hóa, nhà thực hành được trang bị hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo của nghề CNTY.

Trường có đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo nghề CNTY hiện tại của trường.

Trường bố trí sắp xếp nguyên, nhiên, vật liệu, thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; quản lý, cấp phát, sử dụng theo đúng quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

#### ***2. Những tồn tại***

Chương trình, giáo trình chưa được số hóa để tích hợp với thư viện điện tử phục vụ cho hoạt động đào tạo.

Người học chưa được cung cấp tài khoản riêng để tra cứu kết quả học tập.

Tài liệu tham khảo, giáo trình.... của thư viện còn ít, sức thu hút người đọc không nhiều.

#### ***3. Kế hoạch nâng cao chất lượng***

Chương trình, giáo trình được cần được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử để phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

## Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 5.1	2
Tiêu chuẩn 5.2	2
Tiêu chuẩn 5.3	2
Tiêu chuẩn 5.4	2
Tiêu chuẩn 5.5	2
Tiêu chuẩn 5.6	2
Tiêu chuẩn 5.7	2
Tiêu chuẩn 5.8	0

***Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, nhà thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.***

Trường được thành lập từ năm 1962, qua quá trình hoạt động nhà trường đã được nâng cấp về cơ sở vật chất và thiết bị cho phù hợp với quy mô phát triển. Hiện nay trường có quy mô khang trang đảm bảo điều kiện cho các hoạt động đào tạo các nghề của nhà trường (5.1.01 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của trường; 5.1.02- Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; 5.1.03 - Hồ sơ thiết kế, xây dựng các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác)

Khoa Chăn nuôi thú y là một trong những Khoa được đầu tư các cơ sở vật chất tương đối hiện đại, trong các nghề đào tạo của khoa có nghề CNTY cũng được đầu tư với các cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với công nghệ hiện nay (5.1.04- Bảng thống kê các phòng học, nhà thực hành, phòng học chuyên môn hóa khoa CNTY). Cụ thể nghề được trang bị cơ sở vật chất như sau:

- Phòng học lý thuyết có 03 phòng có diện tích 208 m<sup>2</sup>
- Phòng học thực hành gồm 1 phòng có diện tích 70 m<sup>2</sup>

Năm học 2019-2020: Có 74 sinh viên trong 3 khóa (TC57; TC58; TC59). Năm học 2020-2021: Có 165 sinh viên trong 3 khóa (TC58; TC59; TC60). Năm học có số học sinh đông nhất là năm 2020-2021 có 165 học sinh sinh viên.

Các phòng học, phòng thí nghiệm, nhà thực hành được trang bị hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo (5.1.05 - Sơ đồ hệ thống điện toàn trường, và các nhà thực hành; 5.1.06 - Sơ đồ hệ thống cấp thoát nước toàn trường và các xưởng). Các phòng học, phòng chuyên môn có khu vệ sinh chung, các nhà thực hành có khu vệ sinh khép kín; Điện cung cấp đến các nhà thực hành có điện áp 3 pha và 1 pha, có các ổ cắm cố định và di động thuận tiện cho việc giảng dạy của GV trong từng nhà; các phòng học, nhà thực hành đáp ứng đủ cho nhu cầu của người học (5.1.07 - Báo cáo số 479/TB-CDNLĐB ngày 29/7/2020 về cơ sở vật chất tại giảng đường và ký túc xá);

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện nước (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021). Kết quả cho thấy:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	Giảng viên	2019-2020	41	7.3%	78.0%	14.6%
		2020-2021	51	13.7%	78.4%	7.8%
	HS	2019-2020	19	5.3%	78.9%	15.8%
		2020-2021	40	5.0	37.5%	57.5%

Như vậy, các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước dùng để giảng dạy nghề Chăn nuôi thú y theo về cơ bản đã đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.***

Trong danh mục thiết bị tối thiểu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp chưa có danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề Chăn nuôi thú y hệ trung cấp. Trường đã xây dựng danh mục thiết bị cho nghề trên cơ sở chương trình đào tạo đã được xây dựng kết hợp tham khảo danh mục thiết bị tối thiểu của một số ngành có nội dung đào tạo gần giống của Tổng Cục (2.3.02 - *Bảng danh mục thiết bị nghề Chăn nuôi thú y của Trường năm học 2019-2020; 2020-2021; 5.2.01 - Hồ sơ thiết bị nghề Chăn nuôi thú y năm học 2019-2020; 2020-2021; 5.2.02 - Biên bản kiểm kê tài sản cố định của khoa Chăn nuôi thú y năm học 2019-2020; 2020-2021*).

Trong thời gian vừa qua, với sự quan tâm của Bộ Nông nghiệp và PTNT, cơ bản các chủng loại thiết bị đào tạo đã đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ngành CNTY, các khu thực hành bước đầu đã phát huy vai trò trong việc hỗ trợ các nhà giáo, học sinh nghiên cứu ứng dụng, rèn luyện nâng cao kỹ năng tay nghề cho người học.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về số lượng thiết bị đào tạo (2.1.11- *Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021*). Kết quả cho thấy:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo	Giảng viên	2019-2020	41	14.6%	75.6%	9.8%
		2020-2021	51	25.5%	68.6%	5.9%
	HS	2019-2020	19	15.8%	68.4%	15.8%
		2020-2021	40	0.0%	50.0%	50.0%

Như vậy, các thiết bị, dụng cụ dùng để giảng dạy nghề Chăn nuôi thú y theo danh mục thiết bị của trường về cơ bản đã đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.**

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành kiểm kê tài sản, trang thiết bị ở các phòng chuyên môn hóa, nhà thực hành của khoa Chăn nuôi thú y, có đánh giá phần trăm còn sử dụng được hoặc hỏng, hết khấu hao để có kế hoạch thanh lý, mua sắm mới, vật tư máy móc thiết; sửa chữa thiết bị kịp thời phục vụ giảng dạy (2.3.02 - Bảng danh mục thiết bị nghề Chăn nuôi thú y của Trường; 5.2.01 - Hồ sơ thiết bị nghề Chăn nuôi thú y; 5.2.02 - Biên bản kiểm kê tài sản cố định của khoa Chăn nuôi thú y).

Để đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo, nhà trường đã không ngừng đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất phục vụ việc giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên và HSSV trong khoa CNTY. Hệ thống phòng học, phòng lý thuyết, và hệ thống điện nước được cung cấp trang thiết bị phù hợp và đảm bảo quy chuẩn xây dựng, yêu cầu đào tạo.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về số lượng thiết bị đào tạo (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021). Kết quả cho thấy:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	Giảng viên	2019-2020	41	9.8%	85.4%	4.9%
		2020-2021	51	21.6%	74.5%	3.9%
	HS	2019-2020	19	0.0%	78.9%	21.1%
		2020-2021	40	0.0%	45.0%	55.0%

Như vậy, các thiết bị, dụng cụ dùng để giảng dạy nghề Chăn nuôi thú y theo danh mục thiết bị của trường về cơ bản đã đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.***

Tất cả các thiết bị, dụng cụ đào tạo trong khu thực hành của khoa CNTY đều được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành. Các mô hình được ghi chú rõ ràng (tên mô hình, tên nguồn vốn đầu tư, năm đưa vào sử dụng) giúp thuận tiện cho các giáo viên trong việc hướng dẫn học sinh.

Các thiết bị giảng dạy được các giáo viên đặt ở các vị trí đảm bảo các yêu cầu sư phạm dễ dàng thao tác mẫu và quan sát người học thực hành.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; Tất cả các thiết bị, dụng cụ đều được đặt trên kệ, có đủ ánh sáng để học tập; Các mô hình được thiết kế rời theo từng mô đun, di chuyển, tháo lắp dễ dàng, thuận tiện cho việc thực hiện vệ sinh các thiết bị và nhà thực hành. Các dụng cụ học tập đều được sắp xếp gọn gàng trên các giá đỡ giúp người học dễ dàng lấy ra thực tập và cất giữ khi hết thời gian thực tập ( 5.4.01 - Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ đào tạo trong các nhà thực hành). Các thiết bị đào tạo được sử dụng đúng công năng, có hồ sơ quản lý rõ ràng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. (5.4.02 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị) của nghề Chăn nuôi thú y; 5.4.03 - Đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về cách bố trí thiết bị đào tạo đảm bảo yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, môi trường,... (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021). Kết quả cho thấy:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	Giảng viên	2019-2020	41	14.6%	78.0%	7.3%
		2020-2021	51	13.7%	76.5%	9.8%

Như vậy, các thiết bị, dụng cụ dùng để giảng dạy nghề Chăn nuôi thú y theo danh mục thiết bị của trường về cơ bản đã đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.***

Tất cả các nguyên, nhiên, vật liệu của khoa CNTY dùng để giảng dạy nghề CNTY được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện: các vật tư thực tập, thực hành được bố trí theo chủng loại; Các hộp được xếp trong ngăn tủ gọn gàng. Khi bắt đầu ca thực tập, các GV cung cấp vật tư theo mô đun/môn học. Hết ca thực tập SV thu dọn vật tư để lại về vị trí cũ.

Về việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư đào tạo của trường: Trường đã xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề CNTY để làm cơ sở căn cứ mua các trang thiết

bị, vật tư đào tạo. Bên cạnh đó Trường đã có QĐ ban hành ban hành quy trình mua sắm vật tư, công cụ, dụng cụ mã số QT.04/QLTB&ĐT bao gồm 5 bước: (1) Đề nghị mua sắm cấp phát, vật tư, công cụ, dụng cụ; (2) Xem xét, phê duyệt; (3) Tiếp nhận mua sắm cấp phát, vật tư, công cụ, dụng cụ; (4) Thực hiện mua sắm, cấp phát vật tư, công cụ, dụng cụ ; (5) Thanh toán hợp đồng. Trong quy định có quy trình mua sắm và quy trình cấp phát, quản lý vật tư tại khoa (5.5.01 - Quy trình cấp phát vật tư, công cụ, dụng cụ; 5.5.02 - Giấy đề xuất mua vật tư, nguyên liệu; 5.5.03 - Định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề CNTY)

Trước mỗi học kỳ, Khoa CNTY xây dựng kế hoạch dự trù mua sắm vật tư theo từng học kỳ dựa trên Định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề CNTY (5.5.04 - Dự trù kinh phí vật tư hàng năm nghề CNTY). Dựa trên kế hoạch dự trù vật tư của khoa, Nhà trường sẽ cân đối và quyết định cấp kinh phí vật tư theo từng học kỳ, đảm bảo việc cung cấp kịp thời và sử dụng vật tư hiệu quả, tiết kiệm. (5.5.05 - Quyết định thành lập hội đồng tư vấn sử dụng kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo cho các nghề nông nghiệp năm 2020, 2021). Phòng Quản lý thiết bị và đầu tư sẽ triển khai công tác mua sắm vật tư đúng chủng loại, quy cách và giao nhận vật tư cho các khoa đúng tiến độ học tập.

Sau khi mua sắm vật tư, thiết bị xong, phòng Quản lý thiết bị và vật tư phối hợp với phòng Kế toán - Tài chính bàn giao cho khoa CNTY. Tại Khoa CNTY, vật tư, máy móc thiết bị thực tập được quản lý tại các kho của các nhà thực hành, có quyết định phân công quản lý. Việc cấp phát vật tư cho giảng viên được thực hiện trước khi bắt đầu giảng dạy mô đun theo thời khóa biểu từng học kỳ và theo kế hoạch giảng dạy của khoa.

Vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc giảng dạy cũng như bảo quản và sử dụng (5.5.06 - Sổ theo dõi cấp phát vật tư của khoa CNTY)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về nguyên, nhiên vật liệu (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021). Kết quả cho thấy:



NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	Giảng viên	2019-2020	41	12.2%	80.5%	7.3%
		2020-2021	51	9.8%	62.7%	27.5%
	HS	2019-2020	19	0.0%	84.2%	15.8%
		2020-2021	40	2.5%	47.5%	50.0%

Như vậy, các nguyên, nhiên, vật liệu dùng để giảng dạy nghề Chăn nuôi thú y theo danh mục thiết bị của trường về cơ bản đã được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

***Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.***

Thư viện của nhà trường đã đáp ứng được cơ bản các loại sách và tài liệu phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và công tác học tập, nghiên cứu khoa học của HSSV và CBVC của trường. Đến nay, thư viện nhà trường đã có 16.315 cuốn. Trong đó sách phục vụ giảng dạy chuyên môn gồm:

- Sách về kinh tế: 417 cuốn
  - Nông lâm nghiệp: 1496 cuốn
- + Giáo trình
- Kinh tế: 875 cuốn
  - Nông lâm nghiệp: 5391 cuốn
  - Giáo trình trồng trọt: 928 cuốn

- **Giáo trình nghề Chăn nuôi thú y: ? cuốn**
- Các loại sách tham khảo khác: 7208 cuốn

Về tài liệu tham khảo: Trường có Danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo có 7208 (bản cứng) đầu sách.

Tuy nhiên, công tác số hóa các giáo trình, tài liệu tham khảo để tích hợp vào hệ thống thư viện điện tử của Nhà trường vẫn chưa được tiến hành xây dựng. Thông qua kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình, Nhà trường sẽ có kế hoạch xây dựng hoàn thiện thư viện điện tử và số hóa giáo trình, tài liệu tham khảo để tích hợp với thư viện điện tử, giúp cho học sinh tiếp cận với kiến thức của môn học được dễ dàng hơn.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về thư viện (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021; 2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021). Kết quả cho thấy:

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	GV, CBQL	2019-2020	41	63.4%	26.8%	9.8%
		2020-2021	51	52.9%	45.1%	2.0%
	HS	2019-2020	19	63,2%	36.8%	0.0%
		2020-2021	40	47.5%	42.5%	10.0%

Như vậy, chương trình, giáo trình dùng để giảng dạy nghề Chăn nuôi thú y và được số hóa về cơ bản đã không đáp ứng được nguyện vọng của GV, CBQL và HSSV. Nên tiêu chí này không đạt

**Điểm tự đánh giá: 0 điểm**

**Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.**

Thư viện của trường cao đẳng Nông lâm Đông bắc ở tầng 1 khu nhà B5 –phòng học lý thuyết, có phòng sách với diện tích 150 m<sup>2</sup> và phòng đọc với diện tích 120 m<sup>2</sup>; 02 phòng máy tính với 20 máy tính/phòng (5.7.01 - Bảng kiểm kê thiết bị máy tính phục vụ cho thư viện). 100% các máy tính được kết nối internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu và các thông tin khác thể hiện ở website <http://www.cdnldb.edu.vn/> 5.7.02: Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện,). Thư viện sử dụng phần mềm điện tử iLibMe 5.0 quản lý và tra cứu tài liệu (5.7.03 - Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, hợp đồng lắp đặt) giúp cán bộ, nhà giáo và học sinh, sinh viên dễ dàng trong việc tìm kiếm thông tin

Thông qua kết quả khảo sát ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung “Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng được nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu”; trên 80% số lượng người được hỏi đều cho rằng thư viện có kết nối internet và đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021) (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	GV, CBQL	2019-2020	41	9.8%	73.2%	17.1%
		2020-2021	51	13.7%	80.4%	5.9%
	HS	2019-2020	19	5.3%	68.4%	26.3%
		2020-2021	40	5.0%	75.0%	20.0%

Như vậy, thư viện của trường về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu học tập của HSSV và tiến độ đào tạo.

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.**

Hiện nay các nhà giáo giảng dạy nghề Chăn nuôi thú y hệ trung cấp đã và đang sử dụng các mềm mô phỏng trong giảng dạy (5.8.01: Phần mềm chẩn đoán bệnh trên gà) sử dụng trong môn học “Vi sinh vật và bệnh truyền nhiễm” do cô Mai Thị Thanh Nga giảng dạy

(5.8.02: Phần mềm quản lý đàn; 5.8.03: phần mềm phối hợp khẩu phần ăn cho gia súc gia cầm) sử dụng trong các môn học dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi và các môn chăn nuôi như: chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi dê thỏ... do thầy Vũ Việt Hà và cô Trần Thị Vân Hà giảng dạy.

Các phần mềm này mô phỏng quá trình hoạt động đúng theo yêu cầu công nghệ đặt ra.

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

## **2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:**

Dịch vụ cho người học chỉ toàn bộ các hoạt động mà kết quả của chúng không tồn tại dưới hình dạng vật thể. Các hoạt động dịch vụ cho người học của nhà trường được thực hiện dựa theo nội dung yêu cầu của các loại văn bản quy định về chế độ, chính sách, quyền lợi của người học của Đảng và Nhà nước đã ban hành. Cụ thể nó bao gồm các hoạt động về cung cấp thông tin về hoạt động đào tạo, giải quyết chế độ chính sách, khen thưởng, tư vấn việc làm, văn nghệ, thể thao....

#### **1. Những điểm mạnh**

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ và kịp thời các văn bản về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, các quy định trong quy chế đào tạo, những quy định, hướng dẫn thông báo của nhà trường đến người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, qua đó giúp người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các quy định về kiểm tra đánh giá

kết quả học tập. Đa số người học đã thực hiện tốt các quy định trong quy chế đào tạo, rèn luyện và các vấn đề liên quan đến người học.

Người học được hưởng mọi chế độ chính sách xã hội ưu đãi, đảm bảo kịp thời và theo đúng quy định của Nhà nước. Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả để hỗ trợ HSSV về chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường. Hàng năm đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trong HSSV thu hút người học tham gia các hoạt động lành mạnh rèn luyện sức khỏe, vui chơi giải trí, tránh xa được các tệ nạn xã hội. Công tác an ninh trật tự trong nhà trường luôn được đảm bảo, tạo điều kiện cho HSSV yên tâm học tập và rèn luyện.

## **2. Những tồn tại**

Dịch vụ tư vấn việc làm, cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm, thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường đã có thực hiện nhưng chưa thật tốt.

## **3. Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Cần đẩy mạnh hơn công tác tư vấn việc làm và tiến hành có hiệu quả trong việc giúp đỡ người học có nhiều thông tin về các đơn vị sử dụng lao động tuyển dụng lao động thông hoạt động liên kết, kết nối 3 bên giữa nhà trường, doanh nghiệp và người học. Thông qua hoạt động này nhà trường, doanh nghiệp cùng tham gia tuyển sinh, doanh nghiệp tham gia hoạt động đào tạo cùng nhà trường, nhà trường cung cấp nhân lực có chất lượng cho doanh nghiệp.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 6**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 6</b>	<b>08</b>
Tiêu chuẩn 6.1	02
Tiêu chuẩn 6.2	02
Tiêu chuẩn 6.3	02
Tiêu chuẩn 6.4	02

***Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.***

### **1. Mô tả, phân tích, nhận định:**

HSSV của trường Cao đẳng Nông lâm Đông bắc được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với HSSV. Các thông tin được nhà trường phổ biến và lồng ghép thông qua các hoạt động như sau:

- Các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa Nhà trường đã cung cấp các thông tin:
  - Kế hoạch học tập của các khóa học
  - Các quy định tổ chức đào tạo theo phương pháp tích lũy mô đun
  - Cơ cấu, tổ chức và truyền thống của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc
  - Mục tiêu, nhiệm vụ năm học
  - Quy chế thi, kiểm tra
  - Các vấn đề liên quan đến công tác đào tạo trong nhà trường
  - Quy chế công tác HSSV và Quy chế rèn luyện HSSV trong nhà trường
  - Các dịch vụ đối với người học: Thực hiện chế độ chính sách, hướng dẫn thủ tục vay vốn tín dụng, ưu đãi, các thủ tục xác nhận HSSV, tình hình ký túc xá, căng tin, y tế trong nhà trường...
- Các buổi sinh hoạt lớp các giáo viên chủ nhiệm cung cấp các thông tin:
  - Quy chế công tác HSSV
  - Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp
  - Nội quy, quy chế của trường;
  - Các chế độ chính sách đối với người học
  - Hướng dẫn các chế độ, chính sách, vay vốn tín dụng, ưu đãi, xác nhận HSSV...
- Website của trường cung cấp các thông tin:
  - Thông tin tuyển sinh
  - Ngành nghề đào tạo của nhà trường

- Sổ tay HSSV, sổ GVCN cung cấp các thông tin:

Quy chế công tác HSSV

Quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp

Nội quy, quy chế của trường;

Các chế độ chính sách đối với người học

(6.1.01 - Sổ tay học sinh sinh viên; 6.1.02 - Trang thông tin tuyển sinh của Trường <http://tuyensinh.cdnldb.edu.vn>; 1.1.06 - Thông báo số 568/TB-CDNLDB-ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu khóa năm học 2020-2021; 2.5.01- Quyết định số 509/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 09 tháng 8 năm 2019 ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo niên chế của trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, kèm theo Quy chế; 2.5.10- Quyết định số 137/QĐ-CDNLDB-CTSV ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy). Như vậy, Nhà trường cung cấp đầy đủ các quy chế, quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của HSSV trong suốt quá trình học tập tại trường với các hình thức khác nhau.

Thông qua kết quả khảo sát của giáo viên và học sinh cho thấy các đối tượng đều hài lòng về cách thức, nội dung cung cấp các thông tin đến người học (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021) (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học	GV, CBQL	2019-2020	41	75.6%	24.4%
		2020-2021	51	52.9%	47.1%
	HS	2019-2020	19	42.1%	57.9%
		2020-2021	40	50.0%	50.0%

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

***Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.***

Người học được hưởng các chế độ, chính sách đúng theo quy định; việc thực hiện khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời cho người học đạt kết quả cao trong học tập và có tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập (6.2.01: Các quyết định phê duyệt chi trợ cấp xã hội cho học sinh-sinh viên năm học 2019-2020; 2020-2021, có danh sách kèm theo; 6.2.02: Các quyết định phê duyệt chính sách hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc thiểu số năm học 2019-2020; 2020-2021; 6.2.03: Các quyết định phê duyệt chi sách nội trú cho học sinh- sinh viên năm học 2019-2020; 6.2.04: Các quyết định khen thưởng học sinh –sinh viên tốt nghiệp loại giỏi năm học 2019-2020; 2020-2021; 6.2.05: Các biên bản họp hội đồng xét chế độ chính sách, trợ cấp xã hội năm học 2019-2020; 2020-2021) cụ thể:

Chính sách đối với học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số mỗi năm được 10 tháng và được hưởng trong 2 năm mỗi tháng được 1490.000 đồng. (6.2.07: Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2020-2021)

- Khóa 58: Có 13 HSSV được hưởng 100%; 02 HSSV được hưởng 80%;
- Khoa 59: Có 32 HSSV được hưởng 100%; 01 HSSV được hưởng 80%;
- Khóa 60: Có 23 HSSV được hưởng 100%; 02 HSSV được hưởng 80%;

Nhà trường còn xét trợ cấp xã hội, miễn giảm học phí cho các HSSV chuyên ngành CNTY thuộc các đối tượng chính sách theo đúng quy định của Nhà nước

Số lượng HSSV được hưởng trợ cấp Xã hội theo các khóa:

- Hưởng 140.000đ/tháng: K58 có 02 HSSV; K59 có 04 HSSV; K60 có 03 HSSV;

Cuối năm khi HSSV nghỉ tết về với gia đình trường còn có quà cho các em học sinh nghèo vượt khó và bố trí xe trở các em về địa phương (6.2.06: Báo cáo công tác cuối năm của Đoàn thanh niên năm 2020; 2021)

- Năm 2019 có 500 suất quà
- Năm 2020 có 500 suất quà



Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản chế độ, chính sách người học được hưởng theo quy định. Thông qua kết quả khảo sát của giáo viên và học sinh cho thấy các đối tượng đều hài lòng về các chế độ, chính sách mà người học được hưởng. (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021) (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả		
				Không hài lòng	Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	GV, CBQL	2019-2020	41	0.0%	73.2%	26.8%
		2020-2021	51	5.9%	43.1%	51.0%
	HS	2019-2020	19	0.0%	31.6%	68.4%
		2020-2021	40	0.0%	55.0%	45.0%

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

**Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.**

Để hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, nhà trường thành lập trung tâm Tuyển sinh và tư vấn việc làm (1.2.01 - Quyết định số 653/QĐ-CDNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường) đóng vai trò là cầu nối giữa nhà trường với các cơ quan doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm tư vấn, hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, thực tập rèn luyện nghề nghiệp. Nhà trường thực hiện tư vấn cho người học sau khi tốt nghiệp bằng

nhiều hình thức khác nhau như phân công cán bộ tư vấn trực tiếp, ngày tư vấn việc làm, thu thập thông tin, cầu nối giữa doanh nghiệp và người học sau khi tốt nghiệp, cung cấp, cập nhật thông tin việc làm, thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho người học, tổ chức các buổi tư vấn trực tiếp, hội thảo, tọa đàm từ phía doanh nghiệp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp nhằm trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp,... để từ đó, người học dễ dàng tiếp cận tìm việc làm được thuận lợi và phù hợp với sở trường năng lực chuyên môn (6.3.01 – Các kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho học sinh-sinh viên năm học 2019-2020; 2020-2021)

Năm học 2019-2020 có 14 doanh nghiệp đến tuyển dụng HSSV

Năm học 2020-2021 có 05 doanh nghiệp đến tuyển dụng HSSV

Thông qua website nhà trường <http://tuyensinh.cdnlđb.edu.vn> và các thầy cô chủ nhiệm thì các em HSSV được cung cấp thông tin tuyển dụng được kịp thời. (6.3.02: Báo cáo về việc tổ chức triển khai tư vấn giới thiệu việc làm cho học sinh-sinh viên năm học 2019-2020; 2020-2021) (6.3.03: Các hình ảnh liên quan đến công tác tư vấn việc làm năm học 2019-2020; 2020-2021)

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về thị trường lao động, trợ giúp, tư vấn việc làm. Thông qua kết quả khảo sát của giáo viên và học sinh cho thấy các đối tượng đều hài lòng về các hoạt động này của nhà trường. (2.1.11- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021) (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	GV, CBQL	2019-2020	41	63.4%	36.6%
		2020-2021	51	62.7%	37.3%
	HS	2019-2020	19	31.6%	68.4%
		2020-2021	40	45.0%	55.0%

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.***

Trong những năm qua, nhà trường nói chung và Khoa CNTY nói riêng luôn chú trọng đến đời sống văn hóa tinh thần của HSSV chuyên ngành CNTY thông qua việc phát triển các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao và bố trí thời gian hợp lý để HSSV tham gia. Hoạt động văn nghệ thể dục thể thao được Đoàn thanh niên, Khoa Khoa học cơ bản (trong đó có các giáo viên giáo dục thể chất, quốc phòng) tổ chức đều đặn từng đợt, từng kỳ. Với sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư về mặt kinh phí của nhà trường (trích từ ngân sách theo quy định của nhà nước), các hoạt động văn nghệ thể dục thể thao đã thu hút được đông đảo HSSV tham gia. (6.4.01: *Kế hoạch hoạt động trọng tâm công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm 2020; 2021*) (6.2.06: *Báo cáo công tác cuối năm của Đoàn thanh niên năm 2020; 2021*)

Nhà trường có 01 khu thể thao liên hợp gồm: 02 sân bóng đá có đường chạy điền kinh xung quanh sân, 04 sân cầu lông và 01 nhà thi đấu đa năng; 01 Hội trường với hệ thống âm thanh trang thiết bị hiện đại có sức chứa trên 300 chỗ ngồi để tổ chức và thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học, điển hình như:

- Năm học 2019-2020: ĐTN tổ chức đợt hiến máu nhân đạo và nhận được 80 đơn vị máu
- Năm học 2020-2021: ĐTN tổ chức đợt hiến máu nhân đạo và nhận được 60 đơn vị máu
- Vào các dịp trung thu và chào mừng ngày 26/03; 20/11 hàng năm

ĐTN Tổ chức “Đêm hội trăng rằm”.

ĐTN Tổ chức giải bóng đá HSSV.

ĐTN Tổ chức Chương trình Gala “Chào tân học sinh, sinh viên” khóa mới.

ĐTN Tổ chức Hội thi “Văn nghệ và HSSV thanh lịch” .

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, giáo viên, cán bộ quản lý về các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học, thông qua kết quả khảo sát cho thấy các đối tượng đều hài lòng (2.1.11- *Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo năm học 2019-2020*,

2020-2021) (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về chương trình đào tạo năm học 2020-2021)

NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN	Đối tượng	Năm	Số lượng	Kết quả	
				Hài lòng	Hoàn toàn hài lòng
Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	GV, CBQL	2019-2020	41	63.4%	36.6%
		2020-2021	51	58.8%	41.2%
	HS	2019-2020	19	31.6%	68.4%
		2020-2021	40	52.5%	47.5%

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

## 2.2.7- Tiêu chí 7: Giám sát đánh giá chất lượng

### Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp là mục tiêu mà Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm tới. Đó cũng là nhiệm vụ mà phòng Kiểm định – Khoa học và hợp tác quốc tế thực hiện hàng năm về việc khảo sát lấy ý kiến cán bộ, nhân viên quản lý, giáo viên, học sinh; giám sát và đánh giá chất lượng các hoạt động giáo dục nghề nghiệp để các đơn vị phòng, khoa, trung tâm tự nhận thấy được những mặt mạnh, những tồn tại, từ đó đề xuất kế hoạch hành động bao gồm các giải pháp cụ thể về việc nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Tùy theo từng thời kỳ có sự thay đổi về nhu cầu nhân lực của xã hội, nhà trường có sự rà soát, chỉnh sửa về mục tiêu, sứ mạng. Các phòng, khoa thực hiện công tác rà soát, chỉnh sửa, xây dựng mới chương trình, giáo trình phù hợp với sự thay đổi về khoa học kỹ thuật của xã hội theo từng giai đoạn.

Để đảm bảo sản phẩm đào tạo đáp ứng được yêu cầu sử dụng lao động của xã hội, Trung tâm tuyển sinh và tư vấn việc làm hàng năm xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tra khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động là học sinh của trường đã tốt nghiệp; ý kiến phản hồi của học sinh đã tốt nghiệp ra trường. Nội dung điều tra khảo sát có liên quan đến chất lượng đào tạo của trường như chương trình đào tạo, việc làm của học sinh sau khi ra trường, sự hài lòng của đơn vị sử dụng lao động là học sinh

của trường sau khi tốt nghiệp. Các hoạt động khảo sát tạo ra sự kết nối 3 bên nhà trường – doanh nghiệp – học sinh với mong muốn các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động qua đào tạo của nhà trường góp phần vào sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp như tham gia rà soát, thay đổi nội dung chương trình đào tạo. Cán bộ của doanh nghiệp trực tiếp hướng dẫn học sinh rèn nghề trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp. Đó cũng là một trong những nội dung làm tốt tiêu chí dịch vụ người học giúp cho công tác tuyển sinh được tốt hơn bởi hoạt động đó luôn có sức thu hút người học chọn ngành nghề muốn theo học sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

### ***1. Những điểm mạnh***

Hằng năm, Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tra khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, nhân viên quản lý, giáo viên, doanh nghiệp và học sinh bao gồm các nội dung có liên quan đến chất lượng đào tạo như: Hoạt động đào tạo, chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, rà soát, chỉnh sửa chương trình, giáo trình, cơ sở vật chất, thư viện, nghiên cứu khoa học, quản lý tài chính và dịch vụ cho người học,...

Hằng năm, Nhà trường cũng đã thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề trình độ trung cấp theo quy định.

### ***2. Những tồn tại***

Một số phòng ban, khoa,... không coi trọng việc đánh giá chất lượng chương trình cũng như chất lượng đào tạo, không có sự liên kết làm việc với nhau gây khó khăn trong công tác đánh giá chung.

Chất lượng ý kiến phản hồi của các đợt điều tra khảo sát chưa thật chính xác. Người trả lời phiếu khảo sát (Cán bộ, nhân viên quản lý, giáo viên, học sinh đang học, học sinh tốt nghiệp ra trường, các đơn vị sử dụng lao động) chưa thật nhiệt tình, trung thực và khách quan. Cơ sở dữ liệu thu thập từ ý kiến phản hồi thông qua các phiếu điều tra chưa phản ánh được sự thật một cách khách quan.

Sự liên kết giữa nhà trường với các doanh nghiệp kinh doanh nghề CNTY còn hạn chế nên số lượng học sinh ra trường làm việc tại các đơn vị này cũng chưa được nhiều so với các nghề khác trong trường.

## **2. Kế hoạch nâng cao chất lượng**

Trước hết lãnh đạo nhà trường không nên coi nhẹ công tác đánh giá chất lượng, giám sát chất lượng để từ đó làm tốt công tác tư tưởng tới các cán bộ là thành viên của Hội đồng, trưởng các đơn vị phòng, khoa, trung tâm có trách nhiệm với công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hàng năm của nhà trường thể hiện thông qua việc thực hiện đầy đủ các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được giao. Các hoạt động đó cần phải có đầy đủ các minh chứng thể hiện đơn vị đã thực hiện, đáp ứng yêu cầu của nhà nước đối với hoạt động đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tăng cường liên kết với các đơn vị sản xuất kinh doanh liên Ngành CNTY để giáo viên và học sinh có cơ sở thực tập rèn luyện nâng cao tay nghề.

Xây dựng mẫu phiếu điều tra thu thập thông tin đảm bảo khoa học bao gồm các nội dung thông tin cần thu thập đầy đủ, dễ trả lời để việc thu thập các ý kiến phản hồi qua các kênh giáo viên, học sinh, các nhà quản lý, nhà tuyển dụng trung thực, khách quan và chính xác.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 7**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 7</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 7.1	2
Tiêu chuẩn 7.2	2
Tiêu chuẩn 7.3	2
Tiêu chuẩn 7.4	2
Tiêu chuẩn 7.5	2
Tiêu chuẩn 7.6	2
Tiêu chuẩn 7.7	0
Tiêu chuẩn 7.8	2

***Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.***

Công tác khảo sát ý kiến phản hồi các đơn vị sử dụng lao động, của HSSV tốt nghiệp ra trường được Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm đảm nhiệm, theo qui định tại chương IV của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc (1.2.01- Chức năng nhiệm vụ của các trung tâm kèm theo Quyết định số 653/QĐ-CĐNLĐB-TCHC ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc).

Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm hàng năm đã tiến hành xây dựng và thực hiện kế hoạch, thiết kế phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp đang làm tại doanh nghiệp, đơn vị sản xuất và sự phù hợp của chương trình đào tạo Nhà trường đối với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Công tác khảo sát ý kiến các đơn vị sử dụng lao động được thực hiện qua các bước: Lập kế hoạch khảo sát với các nội dung cụ thể về mục đích, yêu cầu, thời gian thực hiện, nội dung khảo sát, phân công nhiệm vụ cụ thể (7.1.01 - Kế hoạch khảo sát các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất các năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020)

Phương pháp khảo sát được sử dụng phiếu hỏi để doanh nghiệp trả lời theo các nội dung đề nghị (7.1.02 - Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với HSSV trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020). Kết quả khảo sát được xử lý dữ liệu, tổng hợp, báo cáo kết quả và đề xuất các khuyến nghị với lãnh đạo trường (7.1.03 - Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020).

Nghiên cứu nội dung, kết quả khảo sát của Trường trong 2 năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020 cho thấy: Số đơn vị sử dụng lao động được khảo sát ý kiến trong 2 năm gần đây có danh sách kèm theo (7.1.04 - *Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát các năm học 2018 – 2019; 2019 - 2020 về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*). Cụ thể:

Năm học 2018 - 2019: khảo sát 19 doanh nghiệp.

Năm học 2019 - 2020: khảo sát 14 doanh nghiệp

*Kết quả khảo sát :*

**Năm học 2018 – 2019:**

\* *Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:*

- Khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

Số liệu khảo sát tại 19 doanh nghiệp: Cựu HSSV đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh cho thấy có 63,2% doanh nghiệp đánh giá đã “**đáp ứng**” được phần lớn các công việc được giao, 36,8% doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV nhà trường “**cơ bản đáp ứng**” nhu cầu của công việc.

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp tại 19 doanh nghiệp đều ở mức độ “**khá**” (nằm trong khoảng từ 57,9% đến 84,2%). Riêng khả năng thích nghi hội nhập và phát triển và khả năng tự học, tự rèn được các doanh nghiệp đánh giá rất cao chiếm **100%**. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công việc của cựu HSSV nhà trường đánh giá ở mức độ “trung bình” (100% doanh nghiệp) và không có tiêu chí nào bị các doanh nghiệp đánh giá yếu.

- Thái độ làm việc của cựu HSSV nhà trường làm việc tại doanh nghiệp được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “**tốt**”. Đó là: Ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân. 100% các



doanh nghiệp đánh giá thái độ về đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị của cựu HSSV ở mức “**khá**”.

- Kết quả khảo sát còn cho thấy **94,7%** doanh nghiệp “**hài lòng**” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp và chỉ có 5,3% số lượng doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

*\* Sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:*

- Kết quả khảo sát cho thấy: **100%** các doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV nhà trường “**đáp ứng tốt**” về mặt kiến thức chuyên ngành. Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành đó vào thực tiễn công việc được **78,9%** doanh nghiệp đánh giá ở mức “**khá**”. Chỉ có 31,6% doanh nghiệp đánh giá ở mức “trung bình” về các kiến thức liên quan khác.

- Ý kiến của doanh nghiệp về các kỹ năng cần bổ sung để CTĐT phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Khảo sát cho thấy: 78,9%-84,2% số doanh nghiệp cho rằng sau khi tuyển dụng người lao động cần phải bổ sung thêm các kỹ năng về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Chỉ có 10,5% doanh nghiệp cho rằng cần bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng mềm cho cựu HSSV của nhà trường.

Kết quả khảo sát cho thấy 100% doanh nghiệp đề xuất tăng thời gian thực tập cho HSSV trong quá trình học tập tại Trường. Hơn nữa có 26,3% doanh nghiệp quan tâm tới việc phối hợp với nhà trường tham gia xây dựng chương trình đào tạo trong việc xác định chuẩn đầu ra của nghề, giúp doanh nghiệp sau khi tiếp nhận HSSV tốt nghiệp không phải mất thời gian đào tạo thêm một số kỹ năng bổ trợ khác.

**Năm học 2019 – 2020:** Trường khảo sát 14 doanh nghiệp

*\* Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:*

- Khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

Số liệu khảo sát tại 12 doanh nghiệp cho thấy: **66,7%** doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV Nhà trường đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đã “**đáp ứng**” được

phần lớn các công việc được giao, **25 %** doanh nghiệp đánh giá “**cơ bản đáp ứng**” nhu cầu của công việc và rất ít (8,3%) doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV nhà trường cần phải được đào tạo bổ sung để có thể đảm nhiệm được công việc phù hợp với vị trí việc làm tại doanh nghiệp.

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp tại 12 doanh nghiệp đều ở mức độ “khá” (nằm trong khoảng từ 58,3% đến 83,3%. Nhóm các kỹ năng như; kỹ năng thực hiện công việc được giao, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề được (8,3%-33,3%) các doanh nghiệp đánh giá ở mức độ “tốt”. 100% doanh nghiệp đánh giá kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công việc chỉ ở mức “trung bình”. Không có tiêu chí nào bị các doanh nghiệp đánh giá yếu.

- Thái độ làm việc của cựu HSSV nhà trường tại các doanh nghiệp được 100% doanh nghiệp đánh giá “tốt”, như: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân. Thái độ về tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “khá”.

- **91,7%** doanh nghiệp “**hài lòng**” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp, chỉ có 8,3% số doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

\* *Sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:*

- Kết quả khảo sát cho thấy **91,7%** các doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV nhà trường “**đáp ứng tốt**” về mặt kiến thức chuyên ngành. **83,3%** doanh nghiệp đánh giá **Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn** công việc ở mức “**khá**”. Chỉ có 66,7% doanh nghiệp đánh giá ở mức “trung bình” về các kiến thức liên quan khác.

- Ý kiến của doanh nghiệp về các kỹ năng cần bổ sung để CTĐT phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Khảo sát cho thấy, 75%-92% số doanh nghiệp cho rằng sau khi tuyển dụng người lao động cần phải bổ sung thêm các kỹ năng về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Chỉ có

16,7% doanh nghiệp cho rằng cựu HSSV của Nhà trường sau khi vào làm việc tại các doanh nghiệp cần phải bổ trợ thêm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

Kết quả khảo sát cho thấy (75% -100%) doanh nghiệp đề xuất tăng thời gian thực tập cho HSSV trong quá trình học tập tại Trường. Hơn nữa, có từ 41,7% đến 66,7% doanh nghiệp quan tâm tới việc phối hợp với nhà trường tham gia xây dựng chương trình đào tạo trong việc xác định chuẩn đầu ra của nghề và ký kết các hợp đồng cung ứng nguồn nhân lực có tay nghề và chất lượng cao, giúp doanh nghiệp sau khi tiếp nhận HSSV tốt nghiệp không phải mất thời gian đào tạo thêm một số kỹ năng bổ trợ khác.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.***

Trường thực hiện hàng năm điều tra lần vết 100% người tốt nghiệp để đánh giá chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Việc điều tra này do Trung tâm Tuyển sinh và Tư vấn việc làm thực hiện nghiêm túc, triển khai theo kế hoạch. Các phiếu khảo sát được thiết kế với đầy đủ nội dung theo mục tiêu khảo sát đề ra (7.2.01 - Kế hoạch về việc khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của cựu HSSV nhà trường tốt nghiệp 2018-2019, 2019-2020; 7.2.02 - Phiếu khảo sát HSSV tốt nghiệp ra trường năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020; 7.2.03 - Báo cáo về kết quả khảo sát việc làm của cựu HSSV Nhà trường đang làm việc tại các doanh nghiệp, chất lượng, sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm và thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ đối với HSSV tốt nghiệp 2018 – 2019; 2019-2020)

Báo cáo kết quả điều tra trong 2 năm gần đây:

**Năm học 2018-2019:**

Trường khảo sát 100% HSSV tốt nghiệp hệ Cao đẳng và Trung cấp (7.2.04 – Quyết định số 105/QĐ-CDNLDB-ĐT 01/03/2019 Vv công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 56, niên khóa 2016-2019 )

Số phiếu phát ra là 335 (TC:275; CĐ:60) số phiếu thu về: 168 (TC:131; CĐ:37) đạt tỷ lệ 168/335 (50,15%).

\* Phương thức khảo sát:

- Qua mạng internet, gửi đường link qua mạng xã hội,
- Qua tin nhắn, email, thư gửi trực tiếp đến cơ quan (doanh nghiệp người tốt nghiệp đang làm việc do HSSV cung cấp trước khi tốt nghiệp).
- Tiếp nhận phiếu và nhập thông tin vào phần mềm excel.
- Khảo sát trực tiếp qua phỏng vấn.
- Qua gọi điện thoại.

\* Kết quả khảo sát:

Khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm (trang 2,3 của BC)

- Kết quả của năm 2018-2019: Có việc làm phù hợp với ngành đào tạo là (tr. 7-8 của Báo cáo): có tỷ lệ 78,6%; không phù hợp là 21,4%;

HSSV tốt nghiệp của hệ CĐ và hệ TC chưa có việc làm so với tổng số HSSV trả lời phiếu điều tra: 25/168 (14,82%), tiếp tục học nâng cao: 12/168 (7,14%). Trong đó: Tỷ lệ HSSV có việc làm của ngành CNTY trên tổng số HSSV phản hồi là 85.0%

Mức độ phù hợp của ngành/nghề đã học với tính chất công việc hiện nay của cựu HSSV được khảo sát trong năm học 2018 – 2019 (trang 7-8 của BC)

Kết quả đánh giá mức độ hữu ích của ngành/nghề ĐT đối với công việc hiện nay của người học đã tốt nghiệp cho thấy:

“Rất hữu ích” chiếm tỷ lệ 29%; “Hữu ích” chiếm tỷ lệ 64,1%; “Không hữu ích” chiếm tỷ lệ 6,9% (do trái ngành nghề hoặc không xin được việc làm).

Chất lượng đào tạo của Nhà trường, mức độ đáp ứng của CTĐT đối với yêu cầu của Doanh nghiệp và xã hội (trang 9-10 của Báo cáo). CTĐT nhà trường được đánh giá “đáp ứng tốt” đối với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội chiếm tỉ lệ cao (78,3%), trong khi đó đáp ứng một phần chỉ chiếm 19,6%, còn đáp ứng chưa tốt chỉ chiếm (2,1%).

Nghiên cứu số liệu phân tích về chất lượng đào tạo thông qua biểu đồ cho thấy kết quả đánh giá chất lượng đào tạo ở mức tốt chiếm 77,4%; mức Khá chiếm 13,7%; mức TB chiếm 8,9%.

**Năm học 2019-2020:**

Tổng số lượng HSSV tốt nghiệp năm 2019 – 2020: 459. (7.2.05 – Quyết định số 433/QĐ-CDNLDB-ĐT ngày 14/7/2020 về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy khóa 57, niên khóa 2017-2020).

\* Kết quả khảo sát:

- Khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm năm 2019-2020 ((tr. 7 của BC)

- Kết quả của năm 2019-2020: Có việc làm “phù hợp” với ngành đào tạo có tỷ lệ 80,3%; “không phù hợp” là 19,7%;

- HSSV tốt nghiệp của CĐ và TC chưa có việc làm so với tổng số HSSV trả lời phiếu điều tra: 17/153 (11,1%), HSSV học tiếp tục học nâng cao: 14/153 (9,15%).

- Tỷ lệ HSSV tốt nghiệp có việc làm của ngành CNTT trên tổng số HSSV phản hồi là 85.0%.

Mức độ “phù hợp” của ngành đã học với tính chất công việc hiện nay của cựu HSSV (trang 7-8 của BC)

Nội dung bảng hỏi tập trung đánh giá mức độ hữu ích của kiến thức, kỹ năng được đào tạo đối với công việc hiện nay của HSSV tốt nghiệp. Kết quả cho thấy: “Rất hữu ích” (29%); “Hữu ích” (66%); “Không hữu ích” (5%) (do trái ngành nghề hoặc không xin được việc).

Chất lượng đào tạo của Nhà trường, mức độ “đáp ứng” của CTĐT đối với yêu cầu của Doanh nghiệp và xã hội (trang 9-10 của Báo cáo). Nội dung câu hỏi khảo sát tập trung vào mức độ đáp ứng tốt, đáp ứng một phần và đáp ứng chưa tốt. Kết quả khảo sát cho thấy, CTĐT nhà trường được đánh giá đáp ứng tốt đối với yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội chiếm tỉ lệ cao (77%), trong khi đó đáp ứng một phần chỉ chiếm 21,3%, còn đáp ứng chưa tốt chỉ chiếm (1,7%) Nghiên cứu số liệu phân tích về chất lượng đào tạo thông qua biểu đồ cho thấy kết quả đánh giá chất lượng đào tạo ở mức tốt chiếm 69,9%; mức Khá chiếm 20,3%; mức TB chiếm 9,8%.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo.***

Phòng KĐ&KHHTQT đã tiến hành xây dựng, thực hiện kế hoạch thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhân viên và giáo viên viên chức về các hoạt động liên quan đến dạy và học, bổ nhiệm, bồi dưỡng phân loại nhà giáo. Công tác khảo sát tuân theo các bước: Lập kế hoạch thu thập ý kiến với các nội dung cụ thể về mục đích, yêu cầu, thời gian thực hiện, nội dung khảo sát, phân công nhiệm vụ cụ thể, tiến hành khảo sát và phân

tích số liệu khảo sát, viết báo cáo khảo sát (7.3.01 - Các Kế hoạch Khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên về các hoạt động phục vụ đào tạo năm học 2019-2020; 2020-2021; 7.3.02 - Phiếu khảo sát ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên 2019-2020; 2020-2021).

Kết quả khảo sát được phân tích trong Báo cáo (2.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên về hoạt động đào tạo và dịch vụ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021)

### Năm học 2019-2020

- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động đào tạo

NỘI DUNG KHẢO SÁT	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	1	2.4 %	34	82.9%	6	14.6%
Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học	1	2.4 %	32	78.0%	8	19.5%
Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp	0	0 %	31	75.6%	10	24.4%

Qua dữ liệu phân tích cho thấy hoạt động đào tạo cũng đáp ứng được sự hài lòng của Cán bộ quản lý và giáo viên của trường. Đặc biệt về tiêu chí tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của trường ở mức hài

lòng đạt 82.9%, mức rất hài lòng đạt tới 14.6% - tỷ lệ rất cao. Điều đó phản ánh đúng thực chất về hoạt động đào tạo của nhà trường, đặc biệt là công tác tuyển sinh của trường trong những năm gần đây đã làm rất tốt.

Phương pháp đào tạo cũng có kết quả khảo sát cao, chiếm trên 95% tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng. Công tác giám sát hoạt động giảng dạy và học cũng được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá cao chiếm 100% tỷ lệ hài lòng. Thông qua việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, BGH nhà trường luôn biết được tình hình giảng dạy của giáo viên, học tập của học sinh để có được những điều chỉnh kịp thời về phương pháp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của người học cho phù hợp với chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của đơn vị, doanh nghiệp sử dụng nhân lực từ nguồn học sinh đào tạo của trường.

*- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác bồi dưỡng, tuyển dụng, bổ nhiệm, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý*

NỘI DUNG KHẢO SÁT	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	1	2.4%	26	63.4%	14	34.1%
100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định	3	7.3%	28	68.3%	10	24.4%
Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	0	0.0%	29	70.7%	12	29.3%

Kết quả khảo sát cho thấy Công tác bồi dưỡng cũng đáp ứng được sự hài lòng của Cán bộ quản lý và giáo viên của trường ở mức hài lòng trở lên (100%). Tuy nhiên tiêu chí 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định có 7.3%

tỷ lệ không hài lòng. Nguyên nhân là do sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của xã hội nên một vài nghề chưa được đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động (khuyến nông lâm,...). Nhưng mức hài lòng và rất hài lòng chiếm tỉ lệ cao nên nhìn chung Nhà trường vẫn rất quan tâm, tạo điều kiện cho các nhà giáo đi học tập, bồi dưỡng, thực tập để không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của trường.

**Năm học 2020-2021:**

*- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về hoạt động đào tạo*

NỘI DUNG KHẢO SÁT	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	0	0 %	29	56,9%	22	43,1%
Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học	0	0 %	43	84,3%	8	15,7%
Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp	0	0 %	42	82,4%	9	17,6%

Qua dữ liệu tổng hợp cho thấy hoạt động đào tạo cũng đáp ứng được sự hài lòng của Cán bộ quản lý và giáo viên của trường. Đặc biệt về tiêu chí tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của trường ở mức hài lòng đạt 56,9%, mức rất hài lòng đạt tới 43.1% - tỷ lệ rất cao. Điều đó phản ánh đúng thực chất về hoạt động đào tạo của nhà trường, đặc biệt là công tác tuyển sinh của trường trong những năm gần đây đã làm rất tốt.



Công tác giám sát hoạt động giảng dạy và học cũng được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá cao chiếm 84,3% tỷ lệ hài lòng. Thông qua việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, BGH nhà trường luôn biết được tình hình giảng dạy của giáo viên, học tập của học sinh để có được những điều chỉnh kịp thời về phương pháp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của người học cho phù hợp với chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của đơn vị, doanh nghiệp sử dụng nhân lực từ nguồn học sinh đào tạo của trường.

*- Phản hồi của cán bộ quản lý, giáo viên về công tác bồi dưỡng, tuyển dụng, bổ nhiệm, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý*

NỘI DUNG KHẢO SÁT	Kết quả					
	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	8	15.7%	39	76.5%	4	7.8%
100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định	11	21.6%	37	72.5%	3	5.9%
Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	4	7.8%	44	80.4%	6	11.8%
Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có	2	3.9%	44	86.3%	5	9.8%
Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	4	7.8%	35	68.6%	12	23.5%

Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có	6	11.8%	36	70.6%	9	17.6%
Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý	3	5.9%	38	74.5%	10	19.6%

Kết quả khảo sát cho thấy Công tác bồi dưỡng cũng đáp ứng được sự hài lòng của Cán bộ quản lý và giáo viên của trường ở mức hài lòng trở lên (100%). Tuy nhiên tiêu chí 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định có 21.6% tỷ lệ không hài lòng. Nguyên nhân là do sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của xã hội nên một vài nghề chưa được đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động (khuyến nông lâm,...). Nhưng mức hài lòng và rất hài lòng chiếm tỉ lệ cao nên nhìn chung Nhà trường vẫn rất quan tâm, tạo điều kiện cho các nhà giáo đi học tập, bồi dưỡng, thực tập để không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của trường.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.***

Phòng Kiểm định - Khoa học và Hợp tác quốc tế đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học trong các năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020 về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ và các chính sách liên quan đối với người học (7.4.01 – Các Kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ và các chính sách liên quan đối với người học, năm học 2018 – 2019 và 2019 - 2020; 7.4.02 - Danh sách học sinh, sinh viên các lớp được thu thập ý kiến; 7.4.03 - Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2019-2020; 2020-2021; 2.1.11 - Báo cáo kết quả khảo

sát ý kiến phản hồi của học sinh, sinh viên về hoạt động đào tạo và dịch vụ đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021).

Số lượng người học được khảo sát căn cứ trên danh sách người học trúng tuyển chương trình CNTY năm học 2019-2020 và năm 2020 -2021 (7.4.04 - Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 58, niên khóa 2018 – 2021 số 536/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 22/8/2018; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 58, niên khóa 2018 – 2021 số 72/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 18/2/2019; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 59, niên khóa 2019 – 2022 số 575/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 29/8/2019; Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển của hệ trung cấp khóa 60, niên khóa 2020 – 2023 số 575/QĐ-CDNLĐB-ĐT ngày 11/8/2020).

Tổng số HSSV khóa K58: 22 HSSV

Tổng số HSSV khóa K59: 43 HSSV

Tổng số HSSV khóa K60: 36 HSSV

#### **Năm học 2019-2020**

**\* Đối tượng khảo sát:** Học sinh lớp TC58-TY; TC59-TY chuyên ngành CNTY.

Số lượng phiếu khảo sát phát ra cho HSSV là 20 phiếu, tổng số HSSV tham gia phản hồi phiếu đạt 20/20 (100%).

#### **\*Phương pháp khảo sát:**

Việc khảo sát ý kiến HSSV lớp TC58-TY; TC59-TY được thực hiện bằng hình thức khảo sát trực tuyến thông qua phiếu đánh giá do phòng KĐ-KH&HTQT xây dựng theo văn bản hướng dẫn số 453 và 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Cục Kiểm định chất lượng.

#### **\* Kết quả khảo sát:**

- Về chất lượng, hiệu quả phương thức đào tạo

STT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Trung Bình		Khá		Tốt	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Hình thức đào tạo theo mô đun/tín chỉ phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo	2	20,0%	2	20,0%	6	60,0%

2	Số lượng mô đun/tín chỉ đảm bảo được khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng theo nhu cầu của xã hội	1	10,0%	1	10,0%	8	80,0%
3	Nội dung kiến thức (lý thuyết, thực hành, tích hợp) phù hợp với mục tiêu đào tạo và hình thành kỹ năng nghề cho người học	1	10,0%	1	10,0%	8	80,0%

Kết quả khảo sát cho thấy việc sử dụng phương thức đào tạo tích lũy môđun/tín chỉ được đánh giá ở mức “tốt” (60%-80%), mức “trung bình” chỉ chiếm (10%-20%). Điều thể hiện sự đồng thuận, hài lòng của người học về phương thức đào tạo trên.

- Về chất lượng giảng dạy của giáo viên

STT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Không hài lòng		Hài Lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá bám sát với chương trình đào tạo, đảm bảo tính khách quan và theo đặc thù của mô đun/môn học	2	20,0%	6	60,0%	2	20,0%
2	Giáo viên (GV) đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	1	10,0%	6	60,0%	3	30,0%
3	GV có kiến thức chuyên môn tốt, cập nhật liên tục về nội dung giảng dạy, liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.	1	10,0%	5	50,0%	4	40,0%
4	GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại	2	20,0%	7	70,0%	1	10,0%
5	Hoạt động giảng dạy của giáo viên luôn gắn với định hướng nghề nghiệp	0	0,0%	5	50,0%	5	50,0%

Kết quả khảo sát về chất lượng giảng dạy giảng dạy cho thấy tỷ lệ mức độ hài lòng và rất hài lòng đạt từ 80% trở lên. Điều đó khẳng định người học đã hài lòng với chất

lượng giảng dạy của các nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc.

*- Về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ HSSV*

STT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Không hài lòng		Hài Lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhà ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, thuận tiện và phù hợp với nhu cầu HSSV	0	0,0%	6	60,0%	4	40,0%
2	Ký túc xá đảm bảo vệ sinh, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, thuận tiện.	2	20,0%	6	60,0%	2	20,0%
3	Phòng y tế đầy đủ trang thiết bị dụng cụ, thuốc men phục vụ cho HSSV toàn trường.	0	00,0%	7	70,0%	3	30,0%
4	Các cán bộ, nhân viên phòng CTSV có thái độ nhiệt tình, thân thiện và quan tâm với HSSV	0	0,0%	8	80,0%	2	20,0%
5	Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV	0	0,0%	7	70,0%	3	30,0%
6	Nhà trường có hệ thống khu liên hợp thể thao, sân bóng đá, bóng rổ, sân cầu lông tạo điều kiện cho HSSV vui chơi và rèn luyện thể lực	0	0,0%	3	30,0%	7	70,0%

Kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ HSSV cho thấy tỷ lệ mức độ hài lòng và rất hài lòng đạt từ 80% -100%, chỉ có 2 phiếu không hài lòng (chiếm tỷ lệ 20%) liên quan đến vấn đề vệ sinh của ký túc xá.

*- Về công tác thực hiện chế độ chính sách xã hội*

STT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Không hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Cán bộ Phòng, Khoa, Trung tâm tư vấn, hướng dẫn và giúp đỡ HSSV giải quyết các công việc học tập, chế độ chính sách nhiệt tình và trách nhiệm	0	0,0%	7	70,0%	3	30,0%
2	Nhà trường có chính sách khen thưởng như học bổng, thưởng đột xuất cho những HSSV có thành tích xuất sắc trong học tập	0	0,0%	9	90,0%	1	10,0%
3	HSSV kịp thời nhận được thông báo về chế độ chính sách xã hội thông qua giáo viên chủ nhiệm và phòng CTSV	1	10,0%	8	80,0%	1	10,0%
4	Nhà trường đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho người học, công khai giải quyết chế độ chính sách theo đúng quy định	0	0,0%	6	60,0%	4	40,0%

Với tập hợp dữ liệu trên cho thấy công tác thực hiện chế độ chính sách cho người học của trường được phần lớn số lượng HSSV cảm thấy hài lòng. Tỷ lệ HSSV phản hồi chủ yếu ở mức độ hài lòng 60%-90%, tỷ lệ HSSV “rất hài lòng” chiếm 10%-40%.

### **Năm học 2020-2021**

#### **\* Đối tượng khảo sát:**

Học sinh-sinh viên lớp TC59, 60-CNTY chuyên ngành Chăn nuôi thú y (2020-2021). Số lượng phiếu khảo sát phát ra cho HSSV là 40 phiếu, tổng số HSSV tham gia phản hồi phiếu đạt 40/40 (100%).

#### **\*Phương pháp khảo sát:**

Việc khảo sát ý kiến HSSV lớp TC59; 60-CNTY được thực hiện bằng hình thức khảo sát trực tuyến thông qua phiếu đánh giá do phòng Kiểm định-KHHTQT xây

dụng theo văn bản hướng dẫn số 453 và 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Cục Kiểm định chất lượng.

**\* Kết quả khảo sát:**

*- Về chất lượng, hiệu quả phương thức đào tạo*

STT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Không hài lòng		Hài lòng		Rất Hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang vị kiến thức chuyên môn.	0	0.0 %	19	47.5%	21	52.5%
2	Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	0	0.0%	17	42.5%	23	57.5%
3	Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành.	2	5,0%	16	40.0%	22	55.0%

Kết quả khảo sát được tổng hợp ở trên cho thấy hình thức đào tạo theo niên chế được áp dụng cho đào tạo hệ trung cấp là hợp lý. Tỷ lệ mức tốt được tổng hợp qua phiếu khảo sát đạt 74,1%-77,8%, mức “trung bình” chỉ chiếm (3,7%-7,4%). Điều thể hiện sự đồng thuận, hài lòng của người học về phương thức đào tạo trên.

- *Về chất lượng giảng dạy của giáo viên*

STT	NỘI DUNG KHẢO SÁT	Không hài lòng		Hài Lòng		Rất hài lòng	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá bám sát với chương trình đào tạo, đảm bảo tính khách quan và theo đặc thù của mô đun/môn học	0	0,0%	4	14,8%	23	85,2%
2	Giáo viên (GV) đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	0	0,0%	8	29,6%	19	70,4%
3	GV có kiến thức chuyên môn tốt, cập nhật liên tục về nội dung giảng dạy, liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.	1	3,7%	9	33,3%	17	63,0%
4	GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại	2	7,4%	11	40,7%	14	51,9%
5	Hoạt động giảng dạy của giáo viên luôn gắn với định hướng nghề nghiệp	0	0,0%	6	22,2%	21	77,8%

Kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát về chất lượng giảng dạy giảng dạy cho thấy tỷ lệ mức độ “hài lòng” và “rất hài lòng” đạt từ 80% trở lên. Điều đó khẳng định người học đã hài lòng với chất lượng giảng dạy của các nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc. Tuy nhiên còn có từ 1-2 phiếu đánh giá mức độ “Chưa hài lòng” đối với nội dung về khả năng truyền đạt của giáo viên, thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập.

*- Về công tác thực hiện chế độ, chính sách và dịch vụ cho người học*



NỘI DUNG KHẢO SÁT	Kết quả					
	Không Hài lòng		Hài lòng		Rất hài lòng	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học	0	0,0%	20	50,0%	20	50,0%
Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập	0	0,0%	22	55,0%	18	45,0%
Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	0	0,0%	18	45,0%	22	55,0%
Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	0	0,0%	21	52,5%	19	47,5%
Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	0	0,0%	20	50,0%	20	50,0%
Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học	0	0,0%	23	57,5%	17	42,5%
Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	0	0,0%	22	55,0%	18	45,0%
Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường	2	5,0%	18	45,0%	20	50,0%
Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	2	5,0%	18	45,0%	20	50,0%
Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng	2	5,0%	19	47,5%	19	47,5%

Kết quả tổng hợp ý kiến khảo sát về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ HSSV cho thấy tỷ lệ mức độ hài lòng và rất hài lòng đạt từ 80% -100%, chỉ có 2 phiếu không hài lòng (chiếm tỷ lệ 5.0%) liên quan đến vấn đề tư vấn, phối hợp tổ chức hội chợ việc làm và hoạt động văn hóa, thể thao. Điều này khẳng định được rằng công tác đảm bảo chế độ, chính sách, khen thưởng cho người học được Nhà trường thực hiện rất tốt. Nhà trường rất quan tâm chăm lo đến bữa ăn, chỗ ở cho HSSV để các em luôn cảm nhận được sự thương yêu, đùm bọc của Nhà trường đối với các em trong thời gian học tập ở trường.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***

***Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.***

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ lao động - thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp sau khi Trường chuyển sang Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (năm 2017). Năm 2020, nhà trường đã tiến hành đánh giá ngoài CTĐT ngành Trồng trọt và bảo vệ thực vật và đã đạt kiểm định chất lượng. Năm nay, nhà trường tiếp tục tự đánh giá chương trình đào tạo ngành CNTY. Do đó Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG đã lập kế hoạch TĐG CTĐT CNTY trình độ trung cấp, bầu Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng TĐG đã tiến hành các bước xây dựng kế hoạch TĐG *ngành CNTY trình độ trung cấp (7.5.01- Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Chăn nuôi-Thú y, hệ Trung cấp năm 2020;2021; 7.5.02 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề Chăn nuôi thú y năm 2020;2021)*;

Phòng Kiểm định và HTQT của Trường trong 2 năm gần đây đảm nhiệm công tác tổ chức thực hiện Tự đánh giá CTĐT CNTY trình độ trung cấp trong các năm học 2019 – 2020 và 2020-2021; hướng dẫn các đơn vị trong trường triển khai việc tự đánh giá. Căn cứ kế hoạch TĐG, các nhóm tiến hành công tác tự đánh giá theo tiêu chí được phân công theo qui trình TĐG như sau: thu thập các minh chứng, phân tích minh chứng, các nhóm viết báo cáo tự đánh theo phân công, họp nhóm phân tích đánh giá những điểm mạnh, những điểm tồn tại về chất lượng các hoạt động của trường và đề xuất kế hoạch khắc phục tồn tại để nâng cao chất lượng. Kết thúc thời gian quy định, nhóm gửi báo cáo chi

tiết tiêu chí kèm theo các minh chứng cho thư ký hội đồng TĐG tổng hợp. Thư ký hội đồng TĐG xem xét và yêu cầu các nhóm chỉnh sửa, bổ sung thêm các nội dung, các minh chứng sát với nội hàm của từng tiêu chuẩn, tiêu chí. Thư ký hội đồng tiếp tục tổng hợp và viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề CNTY trình độ trung cấp của Trường năm 2019 và 2020. Báo cáo TĐG được trình Hội đồng phê duyệt trước khi công bố cho các đơn vị trong trường lấy ý kiến đóng góp. Những đóng góp của các đơn vị trường được xem xét và bổ sung, điều chỉnh trong Báo cáo TĐG lần cuối (7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Chăn nuôi thú y trình độ trung cấp năm học 2019 – 2020 và 2020-2021) trước khi nộp cho cơ quan cấp trên (Sở LĐT&XH tỉnh Quảng Ninh và Tổng cục GDNN).

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

***Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)***

Thông qua các báo cáo tự đánh giá 2 năm gần đây (7.5.03 – Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT trung cấp nghề CNTY năm 2020;2021), kết hợp các báo cáo tổng kết hàng năm của Trường (1.2.03 – Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 ngày 08/02/2020; Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021), cho thấy Nhà trường có kế hoạch cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo hàng năm.

Cụ thể: Trong Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT trung cấp nghề CNTY năm 2020 nêu ra các tồn tại:

- Hoạt động điều chỉnh, bổ sung CTĐT có thực hiện nhưng việc lưu giữ văn bản minh chứng chưa khoa học;
- Tương tác giữa nhà trường và nhà tuyển dụng còn hạn chế;
- Còn một số nhà giáo giảng dạy chuyên môn của nghề chưa đáp ứng qui định về kỹ năng nghề theo qui định;
- Trước năm 2019 công tác lựa chọn giáo trình chưa chú trọng đến cập nhật kiến thức mới.

- Một số phòng thực hành thí nghiệm cơ sở vật, máy móc chưa đồng bộ.

Trong Báo cáo kết quả tự đánh giá CTĐT CNTY trình độ trung cấp hàng năm đã đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại đã nêu. Kết quả khắc phục đã được thể hiện trong các báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức cơ quan năm 2020; 2021.

- Hồ sơ lưu trữ thông tin về các hoạt động của Trường đã được hệ thống theo yêu cầu của công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT của nhà trường.

- Trường đã triển khai khảo sát ý kiến của doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo (7.1.02 - *Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với HSSV trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2019 – 2020 và 2020-2021*; 7.1.03 - *Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm 2019 – 2020 và 2020-2021*).

- Trường đã phối hợp với nhiều doanh nghiệp đơn vị sử dụng lao động tham gia góp ý kiến (xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo thông qua cung cấp kỹ năng mà HSSV cần được bổ sung để phù hợp với yêu cầu của cơ sở sản xuất);

- Từ 2017 đến cuối năm 2018 căn cứ vào điều kiện thực tế và hướng dẫn của tổng cục dạy nghề Nhà trường đã có kế hoạch điều chỉnh lại chương trình đào tạo nghề Chăn nuôi thú y trình độ trung cấp. Cuối năm 2018 Nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát chỉnh sửa, điều chỉnh lại chương trình đào tạo và lựa chọn giáo trình cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Từ năm 2019 trở đi Trường đã xây dựng quy trình, nội dung để biên soạn và lựa chọn giáo trình, và trên cơ sở đi học tập kinh nghiệm thực tế của giáo viên tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có sử dụng lao động là học sinh, sinh viên của trường. Trong đó đề cập đến vấn đề cập nhật tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới. Từ đó điều chỉnh chương trình khung và đề cương chi tiết cho phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp.

- Giáo trình được cập nhật các trang thiết bị hiện đại, cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức và kỹ năng của từng môn học/mô đun. Giáo trình thể hiện các nội dung phù hợp với phương pháp dạy học tích cực ( 4.10.07 - *Biên bản họp HĐ thẩm định giáo trình, kèm theo phiếu đánh giá, năm 2019*).

- Trường chú trọng đầu tư CSVC với trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ trong sản xuất chăn nuôi (mô hình các loại gia súc, gia cầm, kính hiển vi chẩn đoán bệnh ở gia súc, gia cầm)

**Điểm tự đánh giá: 02 điểm**

***Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.***

Nhà trường đã thực hiện khảo sát điều tra tình hình việc làm của người học, trong đó có tiêu chí về việc “người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo”. Trong 2 năm gần đây, Trường đã khảo sát tìm vết 100% HSSV tốt nghiệp để xác định tỷ lệ HSSV có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo trong vòng 6 tháng, trong vòng 6 – 12 tháng. Mẫu khảo sát căn cứ vào số lượng HSSV tốt nghiệp (7.2.01 - Kế hoạch về việc khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của cựu HSSV nhà trường tốt nghiệp 2018-201; 2019 - 2020; 7.2.02: Phiếu khảo sát HSSV tốt nghiệp ra trường năm học 2018-2019; 2019-2020; 7.2.03: Báo cáo về kết quả khảo sát việc làm của cựu HSSV Nhà trường đang làm việc tại các doanh nghiệp, chất lượng, sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm và thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ đối với HSSV tốt nghiệp 2018-2019; 2019 – 2020). Phân tích kết quả khảo sát

**Năm 2018 – 2019:**

Số lượng phiếu phát ra: 60 CD, 275 TC, trong đó nghề CNTY trình độ trung cấp là 30 phiếu. Số phiếu thu về của tất cả là 168 phiếu (50,15%).

Kết quả khảo sát cho thấy: trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, Trường chỉ đạt 56,5% người học có việc làm phù hợp với ngành/ngành nghề đào tạo, chưa đạt được 80%, Tuy nhiên trong vòng (6-12 tháng) số người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo đạt 80,3%.

**Năm học 2019 - 2020:**

Trường thực hiện khảo sát theo kế hoạch đề ra (7.2.03 - Kế hoạch số 517/KH-CDNLĐB-TTTSTVVL về việc về việc khảo sát tình hình việc làm, chất lượng và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của cựu HSSV Nhà trường tốt nghiệp năm 2019 – 2020; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát năm 2019 – 2020).

Tỷ lệ người tốt nghiệp trong vòng 6 tháng có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo chỉ đạt 35,29%. Tuy nhiên trong vòng 6 – 12 tháng tỷ lệ đó đạt 95,78%.

Như vậy, Trong vòng 6 tháng trở lại, kể từ khi tốt nghiệp, Trường chưa đạt tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo theo kết quả khảo sát trên đây. Nhà trường không đạt tiêu chuẩn này.

***Điểm tự đánh giá: 0 điểm***

***Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.***

Kết quả khảo sát của Trường trong 2 năm 2018 - 2019 và 2019 - 2020 cho thấy: Số đơn vị sử dụng lao động được khảo sát ý kiến trong 2 năm gần đây có danh sách kèm theo (7.1.01 - Kế hoạch khảo sát các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất các năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020; 7.1.02- Phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với HSSV trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2019 – 2020 và 2020-2021; 7.1.03- Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu và sự hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên trường cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc năm học 2019-2019; 2019 – 2020; 7.1.04 – Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát các năm 2018 - 2019; 2019 - 2020 về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ). Cụ thể:

Năm học 2018 - 2019: khảo sát 19 doanh nghiệp được khảo sát

Năm học 2019 - 2020: khảo sát 14 doanh nghiệp được khảo sát

***Kết quả khảo sát:***

**Năm học 2018 – 2019:**

*\* Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:*

- Khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

Số liệu khảo sát tại 19 doanh nghiệp: Cụm HSSV Nhà trường tốt nghiệp đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh cho thấy có 63,2% doanh nghiệp đánh giá đã “đáp

ứng” được phần lớn các công việc được giao, 36,8% doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV nhà trường “cơ bản đáp ứng” nhu cầu của công việc.

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp tại 19 doanh nghiệp đều ở mức độ “khá” (nằm trong khoảng từ 57,9% đến 84,2%). Riêng khả năng thích nghi hội nhập và phát triển và khả năng tự học, tự rèn được các doanh nghiệp đánh giá rất cao chiếm 100%.

- Đánh giá thái độ làm việc của cựu HSSV nhà trường khi làm việc tại doanh nghiệp được các doanh nghiệp đánh giá “tốt” như: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân (tỷ lệ đánh giá đạt 100%). Thái độ về tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “khá”.

- Kết quả khảo sát còn cho thấy 94,7% doanh nghiệp “hài lòng” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp và chỉ có 5,3% số lượng doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

- Kết quả khảo sát cho thấy 100% các doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh đều đánh giá cựu HSSV nhà trường “đáp ứng tốt” về mặt kiến thức chuyên ngành. Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành đó vào thực tiễn công việc được 78,9% doanh nghiệp đánh giá chỉ ở mức khá. Chỉ có 31,6% doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình về các kiến thức liên quan khác.

**Năm học 2019 – 2020:** Trường khảo sát 14 doanh nghiệp

*\* Mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động:*

- Khả năng đảm nhiệm công việc của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp:

Số liệu khảo sát tại 12 doanh nghiệp: Cựu HSSV Nhà trường tốt nghiệp đang làm việc trong và ngoài tỉnh Quảng Ninh cho thấy có 66,7% doanh nghiệp đánh giá đã “đáp ứng” được phần lớn các công việc được giao, 25 % doanh nghiệp đánh giá cựu HSSV nhà trường “cơ bản đáp ứng” nhu cầu của công việc và rất ít doanh nghiệp cho rằng cựu

HSSV nhà trường cần phải được đào tạo bổ sung để có thể đảm nhiệm được công việc phù hợp với vị trí việc làm tại doanh nghiệp (8,3%).

- Đánh giá về kỹ năng và thái độ làm việc của cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp:

Kết quả khảo sát 11 tiêu chí kỹ năng nghề nghiệp tại 12 doanh nghiệp đều ở mức độ “khá” (nằm trong khoảng từ 58,3% đến 83,3%. Nhóm các kỹ năng như; kỹ năng thực hiện công việc được giao, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề được (8,3%-33,3%) các doanh nghiệp đánh giá ở mức độ tốt.

- Thái độ làm việc của cựu HSSV nhà trường tại các doanh nghiệp được đánh giá “tốt” như: ý thức tổ chức kỷ luật, tính trung thực trong công việc, biết lắng nghe, tiếp thu, khắc phục nhược điểm cá nhân (tỷ lệ đánh giá đạt 100%). Thái độ về tiêu chí đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị được 100% các doanh nghiệp đánh giá ở mức “khá”.

- 91,7% doanh nghiệp “hài lòng” đối với cựu HSSV tốt nghiệp của Trường đang làm việc tại doanh nghiệp và chỉ có 8,3% số lượng doanh nghiệp “không hài lòng” với chất lượng của đội ngũ HSSV tốt nghiệp nhà trường.

***Điểm tự đánh giá: 02 điểm***



## **PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP NGHỀ CHĂN NUÔI THÚ Y**

### **I. Đánh giá chung về công tác tự kiểm định chất lượng chương trình**

Công tác tự kiểm định chất lượng chương trình dựa trên hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành trong giai đoạn hiện nay thực sự có ý nghĩa thiết thực đối với các cơ sở dạy nghề, đáp ứng mục tiêu dạy nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội theo đúng chủ trương, đường lối phát triển dạy nghề của Nhà nước.

Sau hơn 4 năm gia nhập hệ thống giáo dục nghề nghiệp, trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc luôn xác định công tác tự kiểm định chất lượng chương trình đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của nhà trường. Bởi lẽ, nhà trường ý thức được muốn phát triển bền vững phải dựa vào chất lượng giáo dục nghề nghiệp, trong đó chất lượng chương trình là yếu tố chủ đạo. Thông qua công tác tự kiểm định chất lượng chương trình để nhà trường có cơ sở phân tích, đánh giá một cách toàn diện hiệu quả của hoạt động của một chương trình đào tạo, xem xét các nhân tố ảnh hưởng, tác động đến quá trình đó nhằm phát huy và thúc đẩy các yếu tố ảnh hưởng tích cực và loại trừ các yếu tố bất hợp lý, tiêu cực. Qua quá trình tự đánh giá chất lượng chương trình trung cấp Chăn nuôi thú y theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quy định, Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc tự đánh giá “Chương trình đạt chuẩn chất lượng giáo dục nghề nghiệp” (86/100 điểm).

#### **1. Những điểm mạnh**

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành CNTY đã xác định rõ ràng chuẩn đầu ra của người học sau khi tốt nghiệp ra trường về kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt được đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu của chương trình được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ, từng năm học của từng khóa học.

Chức năng, nhiệm vụ được giao cụ thể đến Khoa CNTY phụ trách chương trình đào tạo, Khoa quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt mục tiêu đề ra.

Nhà trường đã và đang nghiên cứu, xây dựng mức chi vật tư thực hành, thực tập tối thiểu cho mỗi môn học/mô đun và có đủ nguồn tài chính để thực hiện có chất lượng chương trình đào tạo chuyên ngành CNTT

Nhà trường đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm đầu tư nhiều cơ sở vật chất (mô hình, máy móc thiết bị, dụng cụ...) phục vụ cho các hoạt động giáo dục nghề CNTT. Học sinh, sinh viên có được nhiều cơ hội tiếp cận những kiến thức cũng như kỹ năng công nghệ mới về nghề CNTT

## **2. Những tồn tại**

Trường các đơn vị phòng ban, khoa, trung tâm trong nhà trường chưa thực sự quan tâm đến các công tác đánh giá chất lượng nói riêng cũng như hoạt động xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng nhà trường nói chung. Phần lớn đều coi công việc đảm bảo chất lượng chỉ là công việc riêng của cán bộ, nhân viên phòng khảo thí và kiểm định chất lượng.

Hoạt động rà soát điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cũng chưa được coi trọng (hoặc đã làm nhưng thiếu minh chứng về các hoạt động đã làm). Sự tương tác, phối kết hợp giữa hoạt động đào tạo của nhà trường và Nhà tuyển dụng còn hạn chế. Việc tham gia ý kiến của các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động đối với việc rà soát, xây dựng chương trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp để học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường còn hạn chế.

Hoạt động giáo viên, học sinh xuống các đơn vị, doanh nghiệp thực tập rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề cũng đã được thực hiện, tuy nhiên thời gian còn hạn chế do nhiều lý do khách quan cũng như chủ quan. Nhà trường cần quan tâm nội dung này để định hướng các Khoa xây dựng kế hoạch cho giáo viên, học sinh của khoa có thời gian trực tiếp đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để rèn luyện kỹ năng nghề cho cả giáo viên cùng với học sinh của trường.

Nội dung giảng dạy cho các môn học/mô đun là sự lắp ghép, chắp vá từ nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo do giáo viên môn học/mô đun tự lựa chọn. Công tác lựa chọn giáo trình hoặc viết mới giáo trình phải được rà soát, thay đổi cập nhật kiến thức mới để

có được danh mục giáo trình chính thức đáp ứng được yêu cầu giảng dạy cho từng môn học/mô đun. Sự lựa chọn giáo trình, biên soạn giáo trình phải làm đúng quy trình trong đó có văn bản phản biện, ý kiến thống nhất của khoa, có quyết định ban hành sử dụng của Ban giám hiệu nhà trường để từ đó nhà trường có danh mục tên các giáo trình chính thức cho mỗi môn học/mô đun của các chương trình đào tạo nghề của trường. Trên cơ sở danh mục giáo trình đó tiến hành in, mua sắm giáo trình cho thư viện phục vụ cho học sinh học tập và tham khảo.

Đội ngũ giáo viên mặc dù được nhà trường luôn quan tâm cho đi học tập, bồi dưỡng nâng cao (thạc sỹ, tiến sỹ) nhưng lại chưa đáp ứng được tiêu chuẩn về kỹ năng nghề theo chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành (do nhiều lý do khách quan).

## **II. Một số nội dung trọng tâm nâng cao chất lượng chương trình**

Trên cơ sở của sự phân tích đánh giá các thế mạnh, tồn tại, Ban giám hiệu, Khoa CNTY cần phối hợp chặt chẽ cùng các phòng ban, chức năng, các khoa khác xây dựng, thực hiện các kế hoạch để phát huy các thế mạnh, khắc phục những tồn tại đã nêu trên. Cụ thể:

- Định kỳ rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo các quy trình được xây dựng trong hệ thống bảo đảm chất lượng.

- Liên kết với các doanh nghiệp, mời cán bộ chuyên môn kỹ thuật của các doanh nghiệp tham gia vào việc xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề CNTY, góp phần cùng nhà trường đào tạo nghề đảm bảo chất lượng.

- Thường xuyên thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến ít nhất 10 đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động là học sinh của trường đã tốt nghiệp.

- Thực hiện công tác lần theo dấu vết học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường

- Mỗi môn học/mô đun của chương trình đào tạo phải có một giáo trình chính thức (tự giáo viên của khoa viết hoặc Khoa lựa chọn mua giáo trình từ các nguồn khác). Danh

mục giáo trình phải có quyết định của Hiệu trưởng về việc cho phép sử dụng (giáo trình có thể là do giáo viên của trường biên soạn hoặc của trường khác) để phục vụ giảng dạy cho môn học/mô đun.

- Tham gia các lớp tập huấn tay nghề, tham gia thi chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 trở lên để đạt chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp khi có thông tin từ các đơn vị được Tổng cục cho phép tổ chức thi cấp chứng chỉ kỹ năng nghề.

## **PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề xuất kiến nghị với nhà trường sau:

- Việc cung cấp các minh chứng cho hoạt động kiểm định chất lượng chương trình hay kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội yêu cầu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải thực hiện để tiến hành phân tích, đánh giá, nhận định những điểm mạnh, những tồn tại đối với công tác bảo đảm chất lượng đào tạo. Đề nghị lãnh đạo nhà trường yêu cầu trưởng các Phòng ban, Khoa, Trung tâm thực hiện đầy đủ các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Các hoạt động của mỗi đơn vị trong công tác quản lý, giảng dạy,...đều phải được thể hiện thông qua hệ thống các minh chứng (Văn bản: Kế hoạch, báo cáo, hình ảnh..) của đơn vị đó lưu trữ.

Thực hiện tốt công tác kết nối với nhiều doanh nghiệp để giáo viên và học sinh có thêm nhiều cơ hội thực tập rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề tại các doanh nghiệp hàng năm nhằm bổ sung thêm các nội dung còn thiếu đã nêu ở mục “II-Một số nội dung trọng tâm nâng cao chất lượng chương trình” phần “Tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng”.

Đề xuất kiến nghị với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Tổ chức các đợt tập huấn, Hội thảo về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình các ngành nghề trọng điểm cho cán bộ, chuyên viên, giáo viên của các trường. Thông qua các đợt tập huấn, cán bộ, nhân viên quản lý, giáo viên càng nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kiểm định chất lượng chương trình của các trường. Đó cũng là tiền đề để nhà trường xây dựng thành công văn hóa bảo đảm chất lượng trong đội ngũ CBVC của nhà trường.

*Quảng Ninh, ngày. . . tháng 8 năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG**